



Thánh thất Trung An xây dựng Tam đài

SÁCH ẢN TỔNG

HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI

SÔNG ĐẠO

Kỷ Hội 2019 • 1



HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI

SÔNG ĐẠO

Kỷ Hội 2019 • 1

MỪNG XUÂN PHỤNG ĐẠO

*Đạo là Xuân năng tạo năng thành,
Vô tư mà được chữ lành
Khoan hòa nên mới kết thành khối chung.*

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO



THÔNG TIN LIÊN LẠC VỚI SỐNG ĐẠO

Thư từ bài viết gửi:

Hiền hữu NGUYỄN VĂN THỊNH 63 Hải Phòng,
TP. Đà Nẵng.

ĐT: 0988 201569 Email: **songdao@gmail.com**

Đặt và nhận SĐ liên hệ BÙI NGỌC CHINH.

ĐT 0912213277,

Quý Họ Đạo và chư đạo tâm công quả ấn tống
SĐ chuyển khoản về LÊ HỒ PHƯƠNG LINH, số
tài khoản 100077429 Ngân Hàng Thương Mại Á
Châu (ACB) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

ĐT Phương Linh: 0904780384

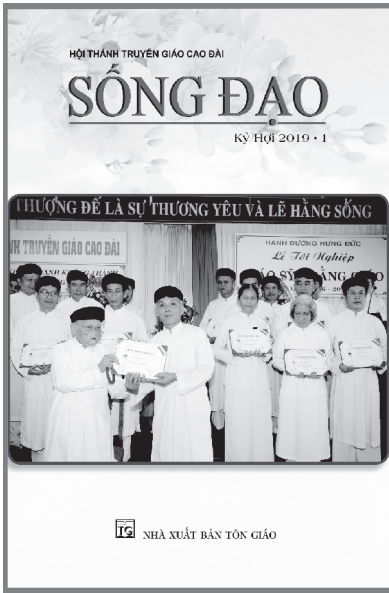
Quý vị vui lòng gửi danh sách công quả ấn tống
SĐ về chị NGUYỄN THỊ ANH, ĐT: 0918705268.

Email: **anhcn7@gmail.com**

Bài vở gửi cho SĐ không gửi các nơi khác và đã
gửi nơi khác không gửi cho SĐ,

Quý bạn cần đọc SĐ qua email vui lòng thông
báo địa chỉ cho SĐ: **songdao@gmail.com**.





Mục lục

- 4 Thư Sống đạo
6 Thư xuân.
8 Xuân đạo pháp là xuân tâm.
10 Đạo trưởng Thanh Long - Người sứ mạng của
cơ đạo miền Trung. *Ngọc Chinh - Văn Hiếu*
19 Sám hối. *Di cáo của Đạo trưởng Huệ Minh*
29 Đạo thương yêu. *Hư Trúc*
38 Nhân hòa. *Nguyễn Công Khánh*
45 Minh tra bảo pháp. *Phạm Sĩ Dũng*
54 Về nhà Thánh. *Huệ Quang*
63 Ích lợi của cúng kính. *Diệu Nguyên*
74 Học đức khiêm nhường từ Chúa Ba Ngôi.
Trương Duy
85 Tìm hiểu ý nghĩa Kinh Rước Tiên Linh
ngày xuân. *Tùng Nguyễn*
90 Tu tập theo Kinh Cảm ứng *Võ Văn Pho*
94 Hoa Hung Đạo ở vùng đất mới. *Nguyễn Thị Lan*
101 Làm người phục vụ mọi người. *Trần Quốc Huân*
106 Người tao nhã. *Lộc Trần*
Sáng tác: *Mai Hậu • Đỗ Thị Kết • Trần Dã Sơn*
• Võ Văn Pho
116 Cao Đài chưa hiện ta không nhà
Thượng Liêm Thanh
125 Gương phụng đạo: Giáo sư Thượng Tâm Thanh.
128 Gương phụng đạo: Giáo sư Ngọc Dinh Thanh.
Thông tin Tư liệu:
132 Lễ an vị nhà tu Trí Huệ.
133 Tang lễ Giáo hữu Hàm Phong Ngọc Hiệu Thanh.
134 Hội ngộ Liên tôn lần thứ tám.
139 Khai giảng khóa tu tập Phổ tế viên dự bị 2018 -
Dương Đông 3
139 Lễ Tốt nghiệp Giáo sĩ Hoàng Giáo
140 Thánh thất Trung An xây dựng Tam đài.
142 Đạo sự năm Mậu Tuất.
144 Danh sách ấn tống

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

53 Tràng Thi - Hoàn Kiếm - Hà Nội
ĐT: 024.37822845 - Fax: 024.37822841
Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc - Tổng biên tập
TS BÙI THANH HÀ

Biên tập
LÊ HỒNG SƠN

Trình bày
KIM TRÚC

Sửa bản in
CHÂU HỒE

Đơn vị liên kết: Ông NGUYỄN HỒNG VĂN
Địa chỉ: Cơ quan Phổ tế
Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài,
63 Hải Phòng, thành phố Đà Nẵng.

In 3.400 bản, khổ 15,8 x 24 cm,
tại Công ty CP In và Dịch vụ Đà Nẵng,
số: 420 Lê Duẩn, phường Chính Gián,
quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.
ĐT: 0236. 3823371

Email: daprico@gmail.com
Số ĐKXB: 4359-2018/CXBIPH/01-186/TG
Mã ISBN: 978-604-615917-9
QĐXB: 472/QĐ-NXB TG ngày 12/12/2018
In xong và nộp lưu chiểu quý I/2019



Thư Sống Đạo

Tập Sống Đạo kỳ này - 2019 -1 – là tập khởi đầu năm Kỷ Hợi. Kể từ ngày thực hiện việc xin phép xuất bản, ấn tống miễn phí, Sống Đạo đã sống được 6 năm.

Tuy những điều kiện làm việc rất hạn chế nhưng nhờ quyết tâm của các thành phần liên hệ, Sống Đạo trong thời gian qua đã tạo trợ duyên giúp huynh đệ chúng ta lập công và học hiểu sống Đạo qua việc đóng góp bài vở, đưa tin tức hình ảnh, công quả tài chánh và dịch vụ.

Thành quả Sống Đạo còn rất khiêm tốn nhưng cũng có thể cho phép chúng ta mừng vui vì đã ươm mầm gieo duyên nhằm giúp nhau tu học lập công.

Nhân thời điểm chuyển tiếp từ giai đoạn đã qua, bắt đầu thời gian mới, Sống Đạo xin tri ân quý huynh tỷ bằng nhiều hình thức khác nhau đã cộng tác với Sống Đạo và xin nguyện tiếp tục cố gắng nhằm đem lại kết quả tốt đẹp hơn, đáp ứng nhu cầu tu học, sống Đạo cho anh chị em nhà Đạo chúng ta.

Nhân dịp Xuân về, Sống Đạo xin kính chúc quý huynh tỷ được khương an về thể chất, dưỡng mãnh tinh tấn trong tu học phụng Đạo.

Trân trọng.

SỐNG ĐẠO

“Nhiệm vụ Trung Hưng còn phải trải qua một thời kỳ dài mới thành công trọn vẹn. Đời các đệ chưa rồi thì lo rèn luyện nung nấu lòng con dạ cháu kế tiếp để hoàn thành nhiệm vụ. Đừng dục vọng, đừng nóng nôn, phải chậm rãi tuần tự với thời gian chờ thời đợi vận.

Thời đã có, mà vận Đạo được hanh thông thì chừng đó ta sẽ tiến mạnh khắp nơi khắp chốn.

Bây giờ thời chưa gặp, vận chưa hanh, lo đóng cửa tu thân, đào tạo nhóm con em đủ đức, nên tài, dìu dẫn sắp xếp trong gia đình trên hòa dưới thuận.”

**Đức Thái Bạch Kim Tinh, THBT,
ngày 15-11-ĐĐ 33 (Mậu Tuất)**

Thư xuân



Năm Mậu Tuất qua, năm Kỷ Hợi đến, nhân Tết cổ truyền của dân tộc, Hội Thánh có thư xuân đến chư chức sắc chức việc lưỡng đài lưỡng phái, chư chức sắc Hội Thánh tại các tỉnh, thành, các nhà tu nam nữ, các Hạnh sinh Phổ Thông và Hoàng Giáo, các thanh thiếu đồng Hưng Đạo và toàn thể đạo tâm nam nữ.

Thưa toàn Đạo!

Xuân đi xuân đến là định luật tự nhiên của Trời đất, nhưng đối với con người là điểm mốc thời gian cần xem xét lại trách nhiệm việc của mình làm đã thành tựu, nên hư, được mất ở mức độ nào, để thời gian đến có một chương trình hoàn thiện tốt đẹp hơn.

Sự nghiệp Trung Hưng Truyền Giáo chư Tiên bối đã đóng góp bao nhiêu tâm trường huyết hãn, với trách nhiệm gìn giữ kế thừa, chúng ta đã làm được những gì?

Kể từ ngày đưa Đạo về Trung 1934, xây dựng Trung Thành Thánh Thất năm 1938, xây dựng Trung Hưng

Bầu Toà và thành lập Hội Thánh Truyền Giáo năm 1956, cơ Đạo miền Trung đã trải qua biết bao khúc quanh co lịch sử, nếm bao đắng cay bốn đạo đã cùng Hội Thánh giữ được bước đi vững chắc, bảo toàn con đường Trung đạo với sứ mạng Trung Hưng. Thật ơn Thầy và chư Tiên bối Thiên đồ Trung bảo không sao kể xiết!

Điều đáng lo là hậu bối chúng ta có đủ tư cách bảo toàn sự nghiệp lớn lao này hay không!

Vì làm việc cho Trời phải có con người cho Thánh, có Thánh mới cùng Trời đồng mưu một hội Thăng bình, có Thánh mới mong cùng Trời cải tạo thế gian dựng nên cảnh đời Thượng Nguơn Thánh đức trong cơ tái tạo của Thầy.

Xuân năm nay, Hội Thánh mong chư Chúc sắc chúc việc, toàn đạo tâm nam nữ hãy hiệp tâm cùng Hội Thánh thiết tha cầu nguyện Thầy, chư Thánh Thiên đồ ban ơn điều độ cơ đạo miền Trung với sứ mạng Trung Hưng Chánh Pháp mỗi ngày một sáng tỏ huy hoàng trong ơn tái tạo của Thầy.

Hội Thánh và toàn đạo xin trọn lòng tin tưởng sự điều độ thiêng liêng, trên dưới một lòng hướng về Thầy trong ơn phục sinh tái tạo.

Xin Thầy ban ơn cho cơ đạo miền Trung.

NAM MÔ CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỒ TÁT MA HA TÁT.

Phối sư THƯỢNG HẬU THANH

Xuân đạo pháp là Xuân tâm

*Trích Thánh giáo Đức Trần Tổng Lý
tại Trung Hưng Bửu Tòa, ngày 02-01-ĐĐ 32 - Đinh Dậu, 1957*

Xuân tâm với xuân cảnh có khác nhau, khác chỗ màu nhiệm trong cơ bí mật. Xuân tâm lúc nào cũng lâng lâng cương kiện phát ra bằng trí tuệ tự hữu hằng hữu hòa nhất với Tạo hóa CHÍ TÔN.

Nên chi, người Thiên ân nhờ xuân tâm mà sống trong cảnh ngộ nào cũng thấy mình sung sướng với bao nhiêu quyền pháp tự có, nhiệm vụ đương làm. Người có xuân tâm thì có quyền sống bất diệt, có Pháp Đạo hóa dục muôn loài. Vạn vật nhờ ở xuân tâm trưởng thành sự nghiệp. Người tu nhờ đạt được xuân tâm mà chiến thắng tất cả cảnh giới ma lực bên ngoài, thấu phục được lòng người theo con đường xuân tâm mà tiến đích.

Sở dĩ con người bị đau khổ, còn bị đen tối là vì người làm mất cái xuân tâm, cứ ước vọng cầu xin cái xuân cảnh. Cảnh hết xuân, cảnh phải điêu tàn! Xuân Người

hết xuân người sanh phiền lụy! Xuân cảnh mà thiên hạ quý trọng là cái vui chốc lát, cái khổ lâu dài, ta biết Đạo nên tìm cái xuân tâm mà hưởng ân riêng thọ.

Xuân hạ thu đông là bốn mùa, chia cân theo cơ đạt Đạo. Xuân để sanh, hạ để trưởng, thu để thâu, đông để tàng là Nguyên Hạnh Lợi Trinh. Nguyên thiện, Hạnh đạt, Lợi nghĩa, Trinh chính, thì có mùa nào là vui, mùa nào là khổ.

Đông thu liễm sức sống của Tạo Hóa vào trong căn tâm mà chờ xuân để phơi bày hương vị tươi sáng.

Xuân làm cho sự phục sinh của vạn hữu tăng trưởng thêm lên, trợ sức cho quyền pháp trong căn tâm chuyển biến vào tiết hè nhuộm màu rần rỏi.

Hạ đã trợ sức cho vạn vật một sức sống thành hình, nhuộm sắc cho ngàn hoa ướm vàng mà thành

cơ chỉ thì Đông là sự tàn phá, phá đây là phá hoại cái nhu yếu bạc nhược dê hèn mà cũng là cái công cụ mài giũa người đạt nhân quân tử. Người đạt nhân tu sĩ nhờ thời buổi này mà được dịp thử thách lòng mình, cũng nhờ cơ hội này mà thân hồn được sinh lực vào trong để đủ sức mạnh, đủ khôn ngoan đứng ứng thời hòa theo xuân khí mà đạt cơ vĩnh sanh của Tạo hóa.

Hạ là nòng thiêu cháy, sức nóng gay gắt làm cho vạn vật tiêu ma. Nhưng nếu không nhờ lửa hạ nấu nung thì lấy đâu làm phương tiện cho cơ thành đạt. Hạ là lò rèn đúc, thét lửa để nung kim, vật muốn nên phải chịu đựng lấy sức thét. Vì vậy mà cơ khảo thí trải qua những giai đoạn Đạo chuyển. Phần đông cho thế là tai họa khổ hình, trách Đất giận Trời, nói Thần Thánh không linh để cho lụy hại. Nào ngờ đó là trường thi đấu sức, lò tạo dồi mài, Phật Tiên nâng bước.

Mà mỗi khi cơ thử thách ra đời là lúc toàn Đạo có phần tiến bộ, mở cuộc khảo sát thí sinh, để coi lại bước Đạo lòng tu, sức người chí nguyện, rồi nhắc lên các bậc phẩm thừa để ân ban quyền pháp.

Nhưng sự hiểu thế có mấy người? Người hiểu lại là người phần đông cho là chướng ngại, vậy thì mong gì

đạt chứng công đức cao dày.

Vì vậy mà Bản Thánh nhắc qua để rồi tiến lên những đoạn đường trước mắt. Đoạn đường tới đây không phải như giai đoạn qua, mà sự khảo thí lại còn tinh vi hơn trước.

Nên kỳ này Bản Thánh mừng là chư chức sắc được tiếp kỳ Thánh ân nhập thất để tu dưỡng cái xuân tâm bất hoại. Tu dưỡng như thế là pháp môn Khai Cơ Giáo Pháp để rồi được xứng đáng với quyền pháp Thiên ân. Mà nhập tịnh để cho tâm được thanh, thanh là bởi tịnh, nhập là vào, tịnh là yên lặng. Vào nơi yên lặng để hợp Càn dương tạo hóa, mà tạo hóa hằng bền vững là nhờ chỗ yên lặng! Chúng ta muốn được như tạo hóa cũng phải đi vào nơi yên lặng, có được yên lặng thì quyền pháp mới tỏ sáng, thiên chức mới uy nghi, mới đúng câu vô vi nhi trị. Nhập tịnh là thu hồi cái chơn ngã vào trong thì sức sống bên ngoài mới còn giữ vững.

Nên chi, lúc khảo thí là lúc đông hàn buốt giá, hạ nhiệt tàn thiêu, ta phải thu hình trong khí huyệt. Hình trong khí thì không bị nước lửa của ngũ hành chế trị, khí là sức sống hằng còn của vạn hữu; nên vạn hữu nương lấy khí mà sống, ta được khí che chở thì vạn hữu đâu dám tàn hại đến ta!



Đạo Trưởng THANH LONG

Người sứ mạng của cơ đạo miền Trung

NGỌC CHINH - VĂN HIẾU

Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài hình thành với khởi đầu là đoàn Tứ Linh Đồng Tử từ Thánh tịnh Đại Thanh (Gò Vấp) truyền đạo về Trung với điểm đầu tiên là làng Bất Nhị, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, từ Rằm tháng 9 năm Giáp Tuất (1934). Khoảng thời gian đó, tại các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên cơ đạo cũng dần dần được hình thành. Tại Quảng Nam, với sự hộ trì và giúp sức của Ôn Trên, Tứ Linh Đồng Tử đã thực hiện công cuộc truyền bá đạo Thầy một cách mau lẹ.



Đến năm Kỷ Mão (1939), Ôn Trên cho thành lập Quyền Hội Thánh Trung Kỳ. Với sự phát triển nhanh chóng của cơ đạo nơi đây, Ôn Trên đã nâng thành Cơ Quan Truyền Giáo Trung Bắc Bộ vào năm Bính Tuất (1946) và đến năm Mậu Tý (1948) là Cơ Quan Truyền Giáo Trung Bộ bao gồm nhân sanh của các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú. Ngày 1/6/ Bính Thân (1956), cơ đạo miền Trung chính thức được Ôn Trên cho thành lập Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài.

Trong đoàn sứ giả truyền đạo về Trung, Tiền bối Thanh Long là một trong những người góp công lớn trong công cuộc tạo dựng nên cơ đồ của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài.

TIỂU SỬ

Ngài Lương Vĩnh Thuật tên thật là Lương Tam Sách biệt hiệu Hành Sơn. Ngài sinh ngày 13/02 Mậu Ngọ (1918) tại quê ngoại làng Kỳ Lam, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Thân phụ là cụ ông Lương Cao Đệ quê làng Bảo An phủ Điện Bàn, một nhà Nho chuyên dạy học và làm nghề Đông y. Thân mẫu là cụ bà Đỗ Thị Ân sinh trưởng trong một gia đình Nho phong khá giả nhưng không nhận phần gia tài chia cho mình, quyết tự lập gia nghiệp riêng.

Ngài có tất cả sáu anh em: một anh trai, ba chị gái, Ngài và một em gái út. Thuở nhỏ Ngài theo phụ thân học chữ Nho và Đông y, dụng ý ông cụ muốn Ngài sau này trở thành thầy thuốc.

Năm 9 tuổi Ngài học Quốc ngữ ở trường làng Nông Sơn và đổi tên là Lương Hữu Thành. Ngài thi đậu Yếu lược rồi trở lại học chữ Nho. Tính tình Ngài vui vẻ cởi mở, thông minh lanh lợi, có óc thực tế tự lập, ham thích truyện tích các danh nhân anh hùng lịch sử, các bậc đạo đức hiền nhân, làm thơ văn hay, ứng đáp lanh lợi được hàng xóm khen ngợi. Tính tình Ngài thích hợp với cụ thân sinh nên cụ thương Ngài nhất và thường dắt theo khi đi giao tiếp hay hội họp. Nhờ vậy Ngài được đi nhiều, mở rộng tầm hiểu biết, quen biết nhiều nên rất lịch thiệp trong việc giao tế giúp ích Ngài rất nhiều cho việc ngoại giao sau này.

BÀI HỌC

Đạo nghiệp của Ngài đúng như sự tiên tri trong đàn cơ đêm 24/7/ Giáp Tuất (1934) tại Thánh tịnh Đại Thanh, Đức Chí Tôn giảng dạy về công cuộc truyền Đạo Trung kỳ:

“Thanh Long con đường trường giục ngựa

Mãnh thân sanh đứng giữa trần gian

Vui chi cười, buồn chi than

Hễ càng cay đắng con càng nên con...”

Cuộc đời của Ngài đã để lại cho chúng ta nhiều bài học quý giá, đáng để hậu thế noi gương và tưởng nhớ tri ân.

Nhân lễ kỷ ngày quy tiên của Đạo trưởng và chư Tiên bối Hiệp Thiên Đài Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài, xin được trình bày những

bài học trong cuộc đời hành đạo của Đạo trưởng.

Thứ nhất, Ngài là người con chí hiếu

Đạo trưởng Thanh Long sinh ra và lớn lên ở dải đất miền Trung, nơi cát sỏi khô cằn, chiến tranh khốc liệt. Lúc còn sống thân phụ đã cảm nhận được tiền căn của Ngài nên cụ ông dốc lòng truyền dạy y lý và hướng Ngài theo con đường đạo đức. Lúc thân phụ lâm trọng bệnh Ngài luôn túc trực ngày đêm để săn sóc, chăm lo. Trong hồi ký, Ngài có viết lại lời căn dặn của thân phụ dành cho Ngài trước lúc mất như sau:

“Đời thầy bất hạnh hữu chí vô tài không làm gì đáng kể, thầy hy vọng ở tương lai các con nhưng thầy e ngại đời con gặp nhiều khó khăn, cái khó khăn đuổi Tây chiến tranh ly loạn đã đành, cái khó khăn của chủ nghĩa học thuyết tranh chấp mới phiền phức; Thầy nghĩ các con không nên dấn thân vào con đường ấy, nếu muốn tham gia vào một sinh hoạt mới thì nên theo đạo Cao Đài, vì đạo này xuất phát từ trong nước ta tư tưởng không ngoài Tam giáo và truyền thống của ông bà ta từ ngày xưa...”

Sau khi thân phụ qua đời, Ngài lập chí mưu sinh phụng dưỡng mẹ già, làm thầy lang chữa bệnh, nhờ mát tay nên đất khách. Mới 16 tuổi đã nổi tiếng danh y kỳ tài vì chữa được nhiều bệnh ngặt nghèo mà những danh y đều bất lực. Chính trong lúc chữa bệnh cho bao người rên xiết Ngài đã nghĩ đến nỗi khổ đau vô hạn của kiếp nhân sinh giả tạm cần phải cứu chữa hơn bao giờ hết!

Nghe theo lời thân phụ, Ngài cùng thân mẫu nhập môn vào đạo Cao Đài tại nhà bà Mục Cưu vào ngày Thánh đán Đức Chí Tôn mừng 9 tháng Giêng Quý Dậu (1933) và gia đình Ngài đã thiết Thiên Bàn tại nhà. Ngay sau đó, Ngài liền tổ chức tụng kinh cầu siêu cho phụ thân tại nhà suốt ba tháng liền, sự kiện này đã gây một ảnh hưởng tốt cho gia đình và bốn đạo lúc bấy giờ.

Như vậy, cơ duyên đưa Ngài đến nhập môn vào đạo một phần vì chữ hiếu, tuân theo lời căn dặn của thân phụ lúc sinh tiền. Chúng ta có thể cảm nhận được ở Ngài có nét tương đồng với Đức Ngô Minh Chiêu. Vì Đức Ngô cũng vì cầu bệnh cho mẹ nên đã lặn lội đến các đàn Tiên để xin thuốc, từ đó gặp Đức Cao Đài dẫn dắt vào đường tu hành trở thành người đệ tử đầu tiên của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Nói về chữ HIẾU, sách Minh Tâm Bảo Giám có viết: “Hiếu giả bách hạnh chi tiên”. Đức hiếu đứng đầu trăm nét tốt.

Trong “Vi lô dạ thoại - Chuyện kể bên bếp lửa” của Vương Vĩnh Bân cũng viết: *“Trường tồn nhân hiếu tâm, tắc thiên hạ bất khả vi giả, giai bất nhẫn vi, sở dĩ hiếu cư bách hạnh chi tiên. - Đạo hiếu con người sẽ lâu dài, người có hiếu thì sẽ làm những chuyện mà thiên hạ không thể làm. Do vậy hiếu đứng đầu trong cả trăm đức tính”*.

Qua bài học về gương hiếu thảo của Ngài, chúng ta cảm nhận được Ngài đã xữ tròn Nhân đạo. Tấm gương hiếu thảo của Ngài là bài học lớn cho chúng ta noi theo và hằng tâm thực hiện như lời Đức Khổng Tử trong sách Trung Dung:

“Kính kỳ sở tôn, ái kỳ sở thân, sự tử như sự sinh, sự vong như sự tồn, hiếu chi chí giả” (Nghĩa là: Kính những người cha mẹ đã tôn trọng, yêu những người cha mẹ đã yêu mến, thờ cha mẹ lúc chết cũng như lúc sống, lúc mất rồi cũng như lúc sống, ấy là hiếu đến rất mực vậy).

Việc hiếu kính như trên được Đức Chí Tôn minh định trong TNHT: *“Chỉ có xứ Việt Nam còn duy trì được sự tôn sùng tổ phụ theo tục lệ cổ truyền, mặc dầu xứ ấy chỉ biết chịu ở dưới quyền lệ thuộc từ ngày được tạo lập đến giờ. Ý Thầy muốn nó được giữ nguyên thể như vậy mãi...”*

Thứ hai, Một tinh thần trung kiên vì Đạo - Một tinh thần tự lập vị ở Hiệp Thiên Đài

Một tinh thần trung kiên vì Đạo

Đạo khai tà khởi! Và cơ đạo được đơm hoa kết trái ở dải đất miền Trung cũng không nằm ngoài quy luật ấy, đã trải qua nhiều khảo đảo, biến cố đựng đến nỗi đau tột cùng mà sức người khó chịu đựng để vượt qua.

Với đoàn sứ giả Tứ Linh Đồng Tử được Đức Chí Tôn giao trọng trách truyền đạo về Trung, sự vui mừng xen lẫn lo âu, hồi hộp và cả sự háo hức của những con người chỉ 14, 15 tuổi cũng không thể tưởng tượng được những sự mất mát to lớn là chỉ trong vòng 14 tháng. Từ tháng 8 năm Giáp Tuất đến tháng 10 Ất Hợi, gia đình bà Mục Cưu có 9 người, thì 7 người đã ra đi vĩnh viễn khỏi cõi trần thế, đoàn Tứ Linh Đồng Tử gầy gầy giữa chừng. Dù có sắt đá đến mấy cũng không thể kiềm lòng trong thảm cảnh như vậy. Ngài Thanh Long đã thuật lại trong Hồi ký của mình:

“...Song song với đà thuận lợi, những nỗi đau dồn dập đưa đến cho gia đình bạn Bạch Phụng, Kim Qui đã ảnh hưởng khá nhiều đến đoàn Tứ Linh Đồng Tử. Rồi bất ngờ một biến cố bi thảm xảy ra, ngày mừng 4/9 Át Hợi, Kim Qui cũng mất nốt... Tình cảnh ấy đặt chúng tôi trước một cơn bão táp hãi hùng, một thử thách lớn lao, một nỗi đau buồn vô hạn. Phụng Qui mất Tứ Linh rẽ gánh, sứ mạng phổ truyền Chơn Đạo với gánh đạo Bắc Trung nửa đường đành chia tay.

Mặc dầu mọi việc Thượng Đế đã an bài, Thần Tiên đã tiên tri từ trước, qua các lời thơ điểm danh hoặc trong buổi tiễn hành Đoàn Truyền Giáo... đặc biệt lời thơ điểm danh đêm 15/9/Giáp Tuất, ngày lên đường về Trung.

Long con hãy nặng phân trách nhiệm.

Bảng, Qui, Lân, Phụng nhắm rùng non.

Lời Thầy gắng nhớ nghe con,

Dù chi chi nữa cũng còn Thầy đây.

Bốn câu thơ này bắt tôi đọc đi đọc lại và suy ngẫm mãi, mặc dầu lúc ấy chưa có việc gì xảy ra. Tôi nghĩ trách nhiệm Đồng Tử Tứ Linh là trách nhiệm chung sao “Long con hãy nặng phân trách nhiệm”?

Và trong lúc đương thi hành sứ mệnh thì sao Qui Lân Phụng nhắm rùng non? Rồi đến đây Thượng Đế lại căn dặn “Lời Thầy gắng nhớ nghe con” rồi có sự sẽ ra làm sao Thượng Đế phải nói đến “Dù chi chi nữa...” cuối cùng Ngài cam kết rằng vẫn có Thầy đây?

Khi tiếp nhận được 4 câu thơ trực giác bắt tôi phải nghĩ rằng: công cuộc truyền đạo Trung Kỳ sẽ có cái gì quan trọng chẳng lành xảy đến cho Đoàn Truyền Giáo chúng tôi, nhưng tôi chỉ nghĩ có thể là bị ngăn cấm, bị bắt bỏ tù đầy, chứ không làm sao nghĩ đến biến cố bi thảm xảy ra như đã nói trên.

Dầu mọi việc đã được Thiên Liêng cho biết trước, đã xếp đặt chu toàn và rất nhiệm mầu, nhưng riêng tôi không làm sao nguôi được những nỗi buồn thương thống thiết đã dồn dập xảy ra? Buồn cho số phận Đồng Tử Tứ Linh sao quá ngán ngùi “chưa vui sum hiệp đã sầu chia phôi”. Buồn cho sứ mạng phổ truyền chơn đạo cả đoàn Đồng Tử Tứ Linh còn chưa thành tựu nửa đường đã rẽ gánh, thì liệu sứ mạng

Trung Hưng để tiếp nối sứ mạng của Tứ Linh, Thanh Long Bạch Hổ có hoàn tất đăng chưởng? Càng buồn càng nghĩ, càng nghĩ càng thương Bạch Phụng - Kim Qui đôi bạn thân thiết từ tuổi ấu thơ dắt nhau đến trường cùng học, dắt nhau vào đạo cùng tu, rồi hẹn nhau “cộng đồng sinh tử” trong sứ mạng truyền đạo độ đời, nhưng nay sứ mạng đang dở dang mà đã vội vĩnh biệt nhau mỗi người một ngã, còn mình tôi chiếc nhạn cô đơn thui thủi trên đường đời đầy chông gai, trông chừng còn xa thăm thẳm...”

Trong nỗi đau thương mất mát không gì tả xiết, sau khi đọc truyện “Quả Dưa Đỏ” của cụ Đồ Nam Nguyễn Trọng Thuật nói về An Tiêm đời vua Hùng Vương tiêu biểu tinh thần hào hùng của dân tộc, tin ở Thượng Đế và tin ở sức người, thể hiện tinh thần “Thiên Nhân Hiệp Nhất”. Ngài vững tin ở sứ mạng Trung Hưng phổ thông Chơn Đạo mà Thượng Đế đã giao cho Đoàn Truyền Giáo trong đó có Ngài. Ngài quyết chí và đổi tên mới là LƯƠNG VĨNH THUẬT, cái tên chấp nhận sự dấn thân vào cuộc và nguyện cống hiến đời mình cho sứ mạng theo nguyện ý vĩnh cửu kế thuật. Việc làm này của Ngài thể hiện chí nguyện và sự trung kiên vì đạo rất lớn đã giúp Ngài vượt qua bao chông gai, khảo đảo trong suốt cuộc đời hành đạo đến ngày cuối cùng về với Thầy Mẹ.

Một tinh thần tự lập vị ở Hiệp Thiên Đài

Pháp Chánh Truyền Hiệp Thiên Đài, Đức Chí Tôn dạy về việc lập vị của người chức sắc Hiệp Thiên Đài như sau:

“Chư Hiền hữu cùng như chư Hiền muội sẽ thấy rằng: Thầy không quyết định trách nhiệm của mỗi người chức sắc Hiệp Thiên Đài, bởi có mà gây nên lăm điều rắc rối trong phẩm trật của cả Thiên phong. Nghĩ là: Để tự nhiên cho cả chức sắc Hiệp Thiên Đài lập vị mình, thế nào cho xứng đáng cùng phẩm định”.

Tiền bối Thanh Long được ơn của Đức Thượng Đế cho vào hàng ngũ nhận lãnh trọng trách truyền đạo về Trung trong đoàn Tứ Linh Đồng Tử. Ngài thủy chung với nhiệm vụ đồng tử như công cụ của Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng liêng để phổ thông chơn đạo.

Trong buổi đầu truyền đạo về Trung, Ngài cùng đoàn sứ giả độ được nhiều nhân vật quan trọng nhập môn vào đạo Cao Đài để hành đạo như:

Ngài Nguyễn Quang Châu: tuổi trẻ, tài cao, chí nguyện xuất gia tu hành, lập nên Thánh tịnh Thanh Quang (15/11 Giáp Tuất 1934); Thiên vị Thượng Chánh Phối sư với quả vị Chơn Khai Đạo Nhơn.

Ngài Nguyễn Đán: giang hồ hảo hớn, lập nên Thánh thất Từ Quang (15/5 Bính Tý 1936), Thiên vị Thất Phẩm Nhị Thừa Hoan Hỷ Chơn Quân.

Ngài Lê Trí Hiền: Quan Lộc Tự Khanh, lập nên Nam Trung Hòa Thất (25/11 Bính Tý 1936), Thiên vị Giám Đàn Thiên Quân.

Những tiền bối tiêu biểu này là những con người thực hiện nhiệm vụ hành chánh đạo chứ Ngài Thanh Long không hề tham gia vào công việc này mà trong một vài điều kiện và hoàn cảnh của cơ đạo miền Trung, Ngài hoàn toàn có thể thực hiện công việc hành chánh đạo để đáp ứng nguyện vọng của nhân sanh và ứng hợp với thời thế.

Tuy nhiên, Ngài thấu hiểu trọng trách và quyền pháp của một người đồng tử chỉ làm nhiệm vụ “công cụ” của Thiêng liêng mà thôi. Và trong suốt cuộc đời hành đạo của Ngài, Ngài thủy chung với nhiệm vụ này ngay cả khi cơ đạo miền Trung được Ôn Trên ban trao cho thành lập Hội Thánh. Hay như trong giai đoạn khó khăn của nền đạo sau năm 1975, Ngài cũng chỉ là một chức việc đại diện Hội Thánh tại miền Nam mà không có một phẩm vị nào.

Để chỉ khi trở về cùng Thầy Mẹ, Ngài được ân phong thiên vị Bảo Pháp Chơn Quân ở cõi thiêng liêng như Thánh giáo của Đức Giáo Tông Vô Vi đàn ngày 08/01/Nhâm Tuất (1982), tại Trung Hưng Bửu Tòa.

“Hôm nay Bần Đạo thừa lệnh Thầy cho Thanh Long được về đàn cùng chư chức sắc Lương đài để viếng thăm và tâm tình về cuộc truyền giáo Trung Hưng...”

TIẾP ĐIỂN: THI

LƯƠNG sanh dầu dất độ quần sanh,
VĨNH biệt còn mang khối Đạo tình;
THUẬT mạng Trung Hưng trao Hội Thánh,
BẢO đàn Hôi ký thuở Trung Minh.
PHÁP luân thường chuyển tiêu tam nghiệp,

*CHƠN khuyết năng tu khứ thất tình;
QUÂN tử thời trung đồng đắc dụng,
THANH LONG như bóng, bóng theo hình”.*

Thứ ba, Chí nguyện thống nhất cơ đạo và tinh thần hành đạo quên thân

Đầu năm 1940 Ngài Lương Vĩnh Thuật tháp tùng phái đoàn Quyền Hội Thánh Trung Kỳ do Ngài Hiệp Lý Lê Trí Hiễn hướng dẫn vào Nam dự Đại Hội Long Vân thứ 12 tại Thánh tịnh Minh Kiến Đài.

Ngày 24/6/1945 Ngài tham gia vào “Cơ Quan Cao Đài Hiệp Nhứt 11 phái” với vai trò là Phó Ban truyền giáo phụ trách Trung Bắc Việt.

Sau Cách mạng tháng Tám, Ngài Thanh Long làm Trưởng đoàn cùng quý Ngài Trần Quốc Luyện, Huỳnh Thanh, Hồ Tân Sinh ra Hà Nội trình bày với chính quyền Trung Ương về tình hình sinh hoạt của bốn đạo Cao Đài miền Trung gặp nhiều khó khăn và cần sự giúp đỡ để được tự do sinh hoạt tín ngưỡng. Chuyến đi đã đem lại kết quả tốt.

Ngày 7/11/1946, đạo Cao Đài được chính quyền Việt Nam hoàn toàn độc lập tự do chính thức nhìn nhận và được tự do hoạt động là điều vinh hạnh vô cùng lớn lao cho toàn đạo. Sự đóng góp của Ngài Lương Vĩnh Thuật và Ngài Phùng Văn Thới (Ngoại Viện Trưởng Cao Đài của Hội Thánh Ban Chính Đạo) là một công lao to lớn mà người đạo Cao Đài không thể quên được.

Năm Nhâm Thìn (1952), Ngài Lương Vĩnh Thuật đại diện Cơ Quan Truyền Giáo Trung Việt tham gia “Cơ Quan Cao Đài Qui Nhứt” do các Ngài Nguyễn Bửu Tài, Phan Khắc Sửu và Ngài Trần Văn Quế thành lập, trụ sở đặt tại Tam Giáo Điện Minh Tân làng Vĩnh Hội, mục đích tiếp nối công cuộc vận động liên hòa chi phái.

Để phục hưng cơ Đạo miền Trung hầu tiếp tục sự nghiệp truyền Đạo độ đời, hoàn thành sứ mạng Thiêng liêng do Chí Tôn giao phó và để đáp ứng sự đòi hỏi khẩn thiết của toàn thể giáo đồ. Quý Ngài Lương Vĩnh Thuật, Trần Quang Châu, Trần Luyện... và hơn hai mươi đại biểu các Thánh thất các tỉnh Trung Bắc đã mở các phiên họp liên tiếp kể từ ngày

21/8/ Quý Ty (1953) tại Thánh thất Từ Vân, Sài Gòn, đã đồng thanh quyết nghị tái lập Cơ Quan Truyền Giáo tại miền Nam và mời Ngài Trần Văn Quế làm Hội Trưởng, tạm đặt trụ sở tại Thánh Thất Từ Vân.

Đến cuối năm 1953 Ngài Thanh Long tham gia vào “Cơ Quan Cao Đài Thống Nhất”.

Đầu năm 1955 Cơ Quan Truyền Giáo Cao Đài tham dự Hội Nghị Quốc Tế Tôn Giáo tổ chức tại ToKyo (Nhật Bản) do Ngài Trần Văn Quế làm Trưởng Đoàn, tháp tùng là Ngài Lương Vĩnh Thuật và Ngài Trần Luyện.

Sau hội nghị Tôn Giáo Quốc Tế, uy tín Cơ Quan Truyền Giáo và cơ Đạo miền Trung ngày càng được nâng cao và phát triển vượt bậc. Suốt thời gian dài chờ đợi sự thống nhất toàn đạo nhưng không thành và để có cơ sở điều hành cơ Đạo miền Trung (lúc bấy giờ đã có hơn 100 ngàn bôn đạo, 50 Thánh Thất) và để tiện giao tiếp Bắc Nam, một cuộc họp tại Thánh thất Hội An ngày 15/7/Ất Mùi (1955) đã quyết định nâng Cơ Quan Truyền Giáo lên thành Hội Thánh Truyền Giáo, xây dựng Thánh đường tại Đà Nẵng và Linh Tháp tại Quảng Ngãi.

Được Thánh ý Đức Trần Tổng Lý chấp thuận và đặt tên cho Thánh đường là “Trung Hưng Bửu Tòa”. Ngày 15/10/Ất Mùi (1955) khởi công. Mọi công cuộc kiến thiết xây dựng từ hình dáng, kiểu cách, kích thước đều do các Đấng Thiêng liêng giám cơ chỉ vẽ. Chính Ngài Lương Vĩnh Thuật đảm nhận nhiệm vụ quan trọng trong việc xây dựng Thánh đường qua các đàn cơ tại Nam Thành Thánh thất và đàn cơ giám dạy tại Thánh thất Từ Vân, Phú Nhuận, Sài Gòn.

Tóm lại, cuộc đời của Ngài Thanh Long - Lương Vĩnh Thuật là tấm gương lớn cho đàn hậu bối nêu theo. Gương tu học, hành đạo của Ngài như những gì đã kể như trên chắc chắn cũng chỉ là một vài nét chấm phá về Ngài chứ chưa phải là đầy đủ, vẹn toàn. Nhưng đây là những bài học gần nhất mà chúng ta có thể noi theo trên đường tu học, lập công cho bản thân và cho cộng đồng huynh đệ Cao Đài. Cầu xin tất cả chúng ta cùng chung ý nguyện theo tinh thần lời Thánh giáo của Đức Chí Tôn tại đàn cơ đêm 24/7/Giáp Tuất tại Thánh tịnh Đại Thanh:

*“Vui chi cười buồn chi than,
Hễ càng cay đắng con càng nên con”.* ☯

SÁM HỐI

Di cáo của Đạo trưởng HUỆ MINH



1. Tại sao ngày 23 tháng Chạp làm lễ Chung niên sám hối?

Một năm có 12 tháng, Tháng Chạp là tháng cuối năm. Từ 21 đến 30 tháng Chạp là những ngày cuối cùng của một năm. Theo tập quán của người Á Đông, phần nhiều cuộc sinh hoạt dựa theo âm lịch, nên thường thường phải dành một số ngày cuối năm để kiểm điểm lại công việc làm ăn trong năm qua.

Thông thường, việc làm ăn của những ngày cuối năm này về phần sinh hoạt vật chất thì nợ nần đều

phải thanh toán xong; những sự việc phải quấy đều phải dàn xếp ổn thỏa, mọi công việc còn dở dang, không kịp thu xếp, đều phải ngưng nghỉ hết.

Về phần sinh hoạt tinh thần, thì đây là cơ hội cho mọi người chứng tỏ sự rộng lượng khoan dung với nhau. Tất cả mọi lỗi lầm cũ đều được tha thứ, tất cả mọi trường hợp rắc rối đều được hoan hỉ cho qua hết. Từ đó người ta sẵn sàng xóa bỏ hết mọi điều bất bình hờn giận. Những gì là ganh ghét thù hận đều được đem ra phân trần hết một lần

rời giải tỏa. Từ người già đến kẻ trẻ đều lấy sự xí xóa làm yếu tố hóa giải cho mọi ngăn cách về cảm tình của nhau. Sau những ngày cuối năm đó, mọi việc của năm cũ đều thanh thỏa hết. Cả đến tinh thần tư tưởng cũng đều được trở lại trạng thái bình hòa, thơ sướng, vui vẻ hân hoan để chào đón năm mới. Ngày xuân thì sẽ nói chuyện Xuân, tất cả đều đặt vào hy vọng tươi sáng mới mẻ và hạnh phúc của năm mới.

Do các tập quán sinh hoạt đó, và cũng do cái thực tế của thời gian tính mà lễ Chung niên sám hối của đạo Cao Đài cũng được đặt vào những ngày cuối năm.

Còn nói, tại sao lại phải nhằm ngày 23 của tháng Chạp mà không là các ngày khác. Theo truyền thống tín ngưỡng dân gian, người ta cho rằng ngày 23 là ngày lệ mà Thần Táo sẽ cũng làm việc kết toán cuối năm như thế gian. Nghĩa là, trong ngày đó Thần Táo cũng thanh toán tội phước nhơn gian rồi mang hết hồ sơ về Thiên Đình trình tấu.

Gần suốt một năm trời, Thần Táo đã kiểm soát chặt chẽ nhân gian. Theo cái suy tưởng này, xem như Thần Táo đã gay gắt ràng buộc con người theo một qui luật nhất định. Cho nên, đến những ngày cuối năm

Thần Táo cũng sẽ thả lỏng ít ngày tương tự như xã hội loài người đã thả lỏng cho nhau trong nề nếp cư xử của cuối năm vậy.

Như thế, Thần Táo đi lần này tất phải vắng mặt ở thế gian trong khoảng 8 ngày (23-30), đó là thời gian bỏ ngõ. Trong khoảng thời gian đó, thế gian được xem như ngôi nhà vô chủ. Và, nhân gian sẽ được tự do phóng túng, không có sự cảnh giác đề phòng nào cả.

Bởi vì, giữa con người và con người thì đã có sự mặc nhiên giao ước hòa bình rồi, nên chẳng còn ai ngờ ai, chẳng còn ai đề phòng ai nữa.

Tuy nhiên, người ta cũng tin rằng, một thành phần thứ hai ngoài phạm vi nhân thể tức là giới ma quỷ, có thể sẽ thừa dịp bỏ ngõ này để xen vô khuấy động. Do đó, muốn cho chu đáo theo quan niệm luật lệ, người ta bèn nghĩ đến việc phải dựng cây Nêu trước sân nhà mình, hoặc trước sân đình chùa, miếu võ v.v...

Cây Nêu là một cây tre tươi, chỉ dành lại một chòm lá xanh tươi trên ngọn, cây tre đó sẽ được trồng ngay trước sân nhà. Đó là sự thể hiện cho uy quyền pháp luật theo tục lệ của các thời vua chúa. Uy quyền này nói lên một lời cảnh báo rằng: “Nhân gian tuy được bỏ

ngò, mọi người tuy được tự do phóng túng, nhưng như thế không phải là vô chủ. Vì, pháp luật còn thị hiện nơi đây thì uy quyền Táo quân vẫn chủ trì nơi đây, không ai được bèn mảng lộng hành...”. Thế là Thần Táo có thể yên lòng đi công tác. Và, nhân gian cũng chắc ý để chuẩn bị đón xuân.

Ngoài ra, cũng còn một ý nghĩa khác nói rằng: *“những ngày cuối năm, mặc dù được tự do phóng khoáng, được tha thứ rộng rãi, nhưng như thế là không có sự chủ trì. Mọi người phải tự kềm chế, tự giới hạn, tự cảnh giác và phải tự chủ lấy mình, như vẫn có người thường xem xét và quản trị mình vậy”*.

Nếu được thế, thì sẽ được hưởng một năm mới đầy yên vui hạnh phúc.

2. Tại sao đến cuối năm mới làm lễ sám hối?

Người tu học thì thời thường sám hối, không nhất thiết phải hạn định ngày giờ nào. Mỗi ngày có 4 thời công phu cúng nước, tức là có 4 thời sám hối. Mỗi giờ khắc đều có tư duy chánh niệm, tức là giờ giờ khắc khắc đều có sám hối thường xuyên.

Do đó, không phải đợi đến cuối năm mới làm lễ sám hối cũng

không phải một năm chỉ sám hối một lần thôi. Nhưng, có lẽ cái ý niệm tổng kết cuối năm, rập khuôn với tập quán sinh hoạt thông thường đã phát sinh ra thông lệ, nên đã đặt lễ Chung niên sám hối vào mỗi cuối năm cho phù hợp.

Như thế, thời gian cuối năm từ 23 đến hết ngày 30 là những ngày tự do rộng rãi nhất, mọi sự kềm chế giới hạn đều được nới lỏng. Mọi sự tha thứ bao dung đều được phát tiết, mọi sự thơ sướng vui say đều được bắt đầu.

Tuy nhiên, khi liếc nhìn cây nêu đương đứng sừng trước nhà thì mọi người cũng nên nhớ lại những điều cần giới hạn mà biết tự chủ lấy mình, để cho hành động tự do phóng khoáng không vượt quá khuôn phép, làm mất sự ổn định và thanh bình của năm mới.

Hòa hợp với các ý nghĩa đó, Lễ Chung niên sám hối của chư đạo tâm được tổ chức vào ngày 23 tháng Chạp lại càng thêm ý nghĩa thâm thúy.

Chung niên sám hối không những chỉ sám hối riêng từng cá nhân, mà còn sám hối chung cho cả tập thể. Tập thể sám hối tức là xét lại công trình, xét lại phương hướng, xét lại kết quả đã thành tựu,

rồi cùng nhau nhìn nhận kiểm điểm, để phát hiện điều quấy, đề cao điều tốt nhằm cải tiến con đường đi tới cho ngày càng thêm hoàn thiện.

Gia đình Họ Đạo chúng ta có thể lấy nó làm tiêu chuẩn để thảo luận sâu rộng, kiểm điểm chi tiết từ con đường tu học riêng và chung, đến lẽ lối sinh hoạt từng Xã đạo, từng tổ chức và tổng kết tổng quát cho toàn niên. Sau đó chúng ta hòa hợp thiện chí và chung góp khả năng để cải thiện kế hoạch chương trình hầu duy trì sự nhất trí theo tôn chỉ và chủ trương chung của giáo hội. Tóm lại, chung niên sám hối là một nghi thức tổng kết sự ăn năn sửa cải toàn niên.

Lễ sám hối một lần chót trong năm sẽ phân tách hết mọi ưu khuyết điểm trong lẽ lối, đường hướng, chương trình, kế hoạch cùng những nét sinh hoạt các thành phần của Họ đạo. Đồng thời cũng nhận định lại cách thức chấp hành qui giới và con đường tu tiến học nghiệm của toàn thể đạo tâm. Kế đó là qui định một chiều hướng phát triển tiến bộ và cải thiện cho năm mới.

Đó là lý do và ý nghĩa, tại sao đến cuối năm mới làm lễ sám hối.

3. Những phương thức sám hối

Theo cách định nghĩa đã nêu ra trên đây thì sám hối có nghĩa là ăn năn sửa cải. Về sau, nhiều tôn giáo, tổ chức hoặc cá nhân đặt ra nghi thức sám hối khác nhau tùy theo quan niệm, trình độ và chủ trương khác nhau. Cho nên kết quả của sự sám hối không giống nhau. Tùy vào mỗi quan niệm mà có những phương thức sám hối khác nhau.

A. Sám hối theo quan niệm thông thường

Một người nào đó sau khi đã làm lỡ có hành vi trái đạo (như gian dâm, đạo tặc, hãm hại người lành, làm ăn man trá hoặc là sai qui phạm giới) họ tự thấy mình đã mang tội, nên họ cố tìm một cách nào dễ nhất mong gột bỏ các tội lỗi ấy, hầu cho sau này không bị các tội phạm đó làm mất phước trong đời, hoặc để cho thần linh không xuống tay trừng phạt.

Vì nghĩ như vậy và tin tưởng như vậy, nên họ đã mang lễ phẩm đến những nơi thờ phượng, chùa, thất hoặc đến trước mặt các bậc tôn trưởng bề trên để xin sám hối. Họ cung kính khép mình theo một nghi thức đã có sẵn, hoặc là tự ý

kể ra các tội lỗi của mình đã phạm, thành khẩn cầu xin bề trên rộng lòng tha thứ tất cả cho họ. Trong hình thức này, người sám hối sẽ thành thật mà bộc bạch hết cả những điều sai quấy của mình, từ trong những nguyên ủy kín nhiệm nhất đến các hành động cụ thể.

Họ cũng nói rằng, sau khi đã tỉnh ngộ, biết rõ những điều làm lỗi thì quá muộn rồi, nên chỉ còn cách duy nhất là cầu nguyện với Bề Trên, với Thượng Đế, với Phật, Tiên, Thánh, Thần thương xót mà tha tội cho họ.

Với tất cả lòng chân thành cầu khẩn như trên, có lẽ các Đấng Bề Trên vì lòng từ mẫn, chắc phải cảm động và thương xót họ. Sau khi có sự tha thiết cầu khẩn của tín đồ hay kẻ bề dưới như thế, rất có thể những bậc bề trên chấp thuận lòng thành thực tôn kính của họ và hứa tha thứ lỗi lầm với điều kiện là họ không được tái phạm.

Sau lễ Sám hối và được hứa tha tội, tất nhiên người tín đồ hay kẻ phạm tội nào cũng hết sức hân hoan phấn khởi mà trong thâm tâm cũng đã tự nhủ là từ nay sẽ trở nên con người trong trắng mới mẻ vô tội. Do đó, tâm tư nhẹ nhàng, khoan khoái, vui vẻ, hân diện không còn

mặc cảm, không còn run sợ e dè. Họ cảm thấy như bắt đầu bước vào con đường mới, tươi sáng, hạnh phúc, vì họ tự tin là con người hiền lương chân chính từ đây.

Tuy nhiên, những hình thức sám hối theo kiểu đó, chỉ có tác dụng tạm thời làm phấn khởi ý chí của con người dựa trên sự tín ngưỡng. Mức độ của đức tin loại này không có năng lực làm đảo lộn được tâm sở, cho nên khi tâm sở có cơ hội tái ngộ môi trường thì các thức sẽ lại nhóm lên, lúc đó chắc không có gì khả dĩ ngăn cản được hành động của con người. Bởi thế, những sự sám hối theo kiểu đó, thường không có được hiệu lực lâu dài. Và người đã sám hối có thể sẽ tái phạm hoặc tái phạm thêm vài lần lỗi khác nữa.

Nguyên nhân là mỗi hành động của con người, dù tốt hay xấu cũng đều phát sinh từ sự đẩy động của tâm thức. Tâm thức ví như một cái đài phát hình, hoặc hơn thế nữa, nó là một cái bể chứa hạt giống gồm có tự tánh và ghi nhớ, cũng như hình dáng của mọi cuộc sinh động của thế gian. Vì vậy, tâm thức là nơi phát ra tư tưởng, phát ra ý niệm, phát ra bóng dáng và thúc đẩy mọi hành động trong đời sống hiện thực của con người.

Nếu những loại tâm thức đó chưa được hóa giải hay diệt tận thì ý nguyện của con người dù có tốt đẹp cao cả đến đâu cũng không tự chủ được. Người biết sám hối là người đã thấy được những sai lầm của mình. Họ thành thực muốn sửa cải sự sai quấy để quay lại con đường đúng đắn trong sạch. Đó là điều chơn chánh, không dối trá.

Nhưng, thương hại thay! Sau khi sám hối, nếu lại có cơ hội tái ngộ với môi trường cũ, thì sự quyến rũ tương ứng với tâm thức, chắc sẽ khiến họ phải tái phạm trở lại, mặc dù ban đầu họ có chút phân vân chần chờ trong chốc lát, nhưng rồi họ sẽ bị ám ảnh ngay.

Tại sao thế? Bởi vì, những loại thức ấy vẫn còn tàng trữ, nắp kín trong tâm sở, trong khi chỉ có chút nghị lực chống đỡ yếu ớt, cho nên vẫn lôi cuốn và sẽ mù quáng hành động y như đã vấp phạm trong quá khứ, hoặc có thể sẽ vấp phạm nặng nề hơn nữa. Trong thế gian, thiếu chi người từng đặt ra một đường đi mới mẻ tốt đẹp có qui củ và nhiều hứa hẹn. Nhưng rồi cũng chính họ đã vi phạm qui củ và làm sụp đổ con đường tốt đẹp lý tưởng đó. Bởi vì, họ chỉ biết vận dụng nghị lực của ý chí mà

trấn áp những tư tưởng đen tối của mình trong một thời gian hữu hạn nào đó, chứ không phát sinh được năng lực để hóa giải hoặc diệt tận các tư tưởng đen tối đó.

Người tin đạo đã dùng đức tin để chiến thắng ý phàm trong mọi hình thức sám hối của mình. Như thế, chỉ là sự vận dụng ý chí để trấn áp tư tưởng trong nhất thời mà thôi. Do đó, có người đã lạy Phật sám hối, nhưng rồi vẫn tiếp tục tái phạm làm điều tội lỗi như thường. Với hành động đó, họ đã bị mang tiếng là hành động của những người mê tín. Trái lại, chỉ dựa vào đức tin mà không có công phu tu tiến học nghiệm, chắc không thể tạo được một năng lực nhiệm mầu khả dĩ hoán cải được tâm tánh và hành vi của mình.

Do đó, sự sám hối theo kiểu trên, do quan niệm đức tin chỉ có tác dụng hữu hạn, chưa phải là phương thức sám hối hoàn thiện.

B. Tự giác sám hối

Sám hối theo quan niệm tự giác. Người biết lỗi lầm tự giác tạo nên sự phấn khởi để tự cải hóa lòng mình và cải thiện tập thể của mình. Trong quan niệm này, những người sám hối đã tỏ ra thành thực tới đa. Sự thành thực của họ không phải ý

lại vào đức tin như các thành phần vừa nói trên.

Bởi vì, tự xem là thành phần có kiến thức và tiến bộ hơn, họ sẽ không vọng cầu nơi tha lực nào xá tội cho họ. Họ vẫn suy tưởng rằng, chính mình đã làm nên tội lỗi, rồi họ lại trông cậy vào quyền năng thiêng liêng để nhờ gột rửa và tha thứ cho mình, đó là điều vô lý. Nếu Thần Tiên có quyền tha tội cho bất cứ ai, khi người này vái van cầu khẩn chẳng hóa Thần Tiên đã làm một việc quá bất công ư? Hiện ở thế gian này có biết bao người từng làm nên tội lỗi mà vẫn không bao giờ cầu xin ai tha tội. Như thế, chẳng lẽ tất cả họ đều chịu hình phạt cả hay sao? Hiển nhiên đã có rất nhiều người gây nên bao tội ác tày đình mà nào đã thấy họ chịu hình phạt gì đâu?

Do lý luận đó, người ta nhất định sẽ không cầu khẩn Đấng Thiêng liêng nào xá tội hay ban phước cho họ. Tuy nhiên, đối với họ, sự sám hối là điều chí lý, họ nhận định như thế. Cũng như định nghĩa như trên, nếu kẻ nào đã vấp phạm mà biết được điều vấp phạm của mình thì nên ăn năn sửa cải, đó là tinh thần tự giác. Do quan niệm này, người ta cho rằng, sám hối là một việc làm chính đáng

nhên khuyến khích. Cho nên, theo quan niệm tự giác thì điều cốt yếu của sự sám hối là thành thực. Vì đã thành thực nhận chân được giá trị nên mới tự giác.

Tác dụng của sự tự giác là: bộc bạch tất cả tư tưởng tội tệ của mình, phân tích những dự tính đen tối của mình. Kế đó, sẽ nghiêm khắc phê phán và hải tội các hành động hoặc những gì có liên hệ đến bản thân, làm như thế mới là con người thành thực tối đa, đáng quý. Hơn nữa, người ta còn phát biểu những điều phấn khởi từ thâm tâm mình, để nói lên những điều đã hứa hẹn, chắc chắn là không bao giờ tái phạm nữa. Tự giác thực hiện sám hối, người ta đã có thừa thành tâm thiện ý để ăn năn sửa cải. Họ kiên quyết không tái phạm nữa; mong tạo một hướng đi tốt, phục hồi cái quá khứ lương thiện và xây dựng lại con người tương lai hoàn hảo hơn.

Phải nhìn nhận một thực tế rằng: Con người dù có khôn ngoan thông thái đến bậc nào hay dù có phấn khởi tự giác đến đâu mà chưa hóa giải tâm thức diệt tận tư tưởng đen tối của mình được, thì rồi con người vẫn cũng hành động theo chiều hướng tự nhiên của con người - chưa hóa giải

tâm thức thì cũng có lúc lại phạm lầm lỗi tiếp. Những khi đối diện với qui luật, đối diện với tập thể đối diện với sự thật, người ta liền bừng tỉnh ngộ. Khi đã tỉnh ngộ, nhìn lại trách nhiệm và hậu quả, người ta sẽ thực tâm nhận hết lỗi lầm của mình. Do bản chất lương thiện và tác dụng của sự tự giác, người ta bỗng phấn khởi mà tự nguyện cải thiện. Đó là ý chí, kiến thức và nghị lực của những người sám hối theo quan niệm tự giác.

Nhưng, những hiệu lực ghi nhận trên đây, sẽ dần dần phai nhạt theo thời gian. Đến khi ngẫu nhiên hoặc không ngẫu nhiên, họ được dịp đụng đầu với các môi trường cũ thì tức thời những hình bóng và âm vang quá khứ sẽ nhất tề tái hiện trong đầu óc họ.

Lúc đó cố nhiên họ sẽ vận dụng nghị lực sẵn có và những ý hướng sẵn có của họ để xóa mờ và trấn áp mọi sức mạnh quyến rũ của môi trường khách quan. Nhưng, cùng lúc, tâm thức sẽ lần lượt chỗi dậy và xô đẩy họ chạy theo các hình ảnh quyến rũ của thực tại. Từ đó, trí óc của họ sẽ nảy sinh ra nhiều lý luận ngộ nghĩnh: bình vực cho tâm thức, bình vực cho khát vọng và bản ngã. Tiếp đến là xảy ra một cuộc

tranh luận sôi nổi trong nội tâm... Sau vài khoảnh khắc giằng co, rốt cuộc họ sẽ chấp nhận thỏa mãn cho mọi khát vọng. Từ đó, họ sẽ sa ngã và sẽ tái phạm.

Ở đây phải phân tách rằng, hành động sám hối thành thực đáng quý vừa nói trên, là hành động của lý trí. Hành động này do sự biện bạch xác đáng của óc minh mẫn lương thiện của con người.

Còn sự vọng động của tâm thức và sự quyến rũ của môi trường khách quan là hai thứ năng lực.

Cái năng lực của tâm thức là thứ năng lực đã tập trung tích lũy (tích tập) một phần tự tánh cùng với mọi ghi nhớ, mọi tri thức, mọi âm vang hình bóng, và mọi sự khát vọng thích thú của quá khứ vô thủy, vì thế tâm thức có một năng lực thiêng liêng và bén nhạy vô cùng. Cộng thêm với năng lực quyến rũ của môi trường khách quan nữa, cái năng lực này có một sức mạnh hấp dẫn huyền diệu. Cái huyền diệu đó là tính cách tương ứng và cảm nhận giữa môi trường khách quan và các chủng tử trong tâm thức con người.

Vì vậy, nó có nhiều khả năng và tiềm lực để ám ảnh lôi cuốn trí khôn của con người.

Vì thế mà người ta đã ví nó như là “Ma vương bên ngoài”, còn thần thức đầy động ở nội tâm là “Ma vương bên trong” vậy. Trong lúc người ta chỉ dùng nghị lực của lý trí để cố gắng trấn áp với hai phần năng lực của ma vương bên trong lẫn bên ngoài như trên thì thử hỏi làm sao mà chiến thắng được? Do đó, người ta đã phạm pháp, đã làm nên tội, đã tái phạm, đã suy thoái và đã sa ngã. Thật là điều đáng đau thương chớ không phải là điều đáng giận ghét.

Thế thì, để trấn áp năng lực “ma vương”, tất nhiên phải dùng đến một năng lực khác. Năng lực của tự tánh mới có thể hóa giải thành công sự xâm chiếm của các ma lực khác nhau hầu duy trì sự tự chủ thực sự của con người.

Cái tuyệt thế công phu của người tu hành là tự mình có thể phát sinh năng lực chân chánh. Người tu hành và thế nhân chỉ khác nhau ở một điểm đó.

Tóm lại, quan niệm sám hối tự giác cũng như quan niệm sám hối theo thiên thường vẫn chưa tạo được một tác dụng có hiệu năng cải hóa con người và trưởng thành đạo hạnh cao quý. Vì, tự mình chưa phát sinh được năng

lực chơn chính để hóa giải thành công các năng lực mù quáng đã gây nên lỗi lầm và sai quấy.

C. Sám hối của người tu

Theo quan niệm của những người tu hành đúng đắn, dựa trên tác dụng của trí tuệ.

Theo định nghĩa: Sám là ăn năn. Hối là sửa cải. Ăn năn là nói lại, kể lại, xét nét lại những công việc đã làm, để tìm ra ngọn ngành của sự sai quấy. Nhân việc xét nét lại mới đặt ra vấn đề sửa cải, thay đổi, cải thiện và phát triển theo đường hướng mới tốt đẹp hơn, tức là hối vậy. Trong các lễ Sám hối định lệ, thường là sự sám hối tập thể, mọi người đều tập trung trước Bửu điện, để tiến hành sâu rộng theo thể thức trên.

Tại đây, trong giai đoạn đầu, những người tham dự lễ sám hối, sẽ phải ôn lại mọi điều đã đem ra phê phán và xét nét một cách công khai. Tiếp đó, mọi người đều phải cố gắng tập trung tâm trí của mình xoay quanh những gì đã được phát tiết trong diễn tiến trong thời gian qua. Để có thể vận dụng tâm thần nhìn thấu gốc rễ mọi sự xấu xa nhơ bẩn của các việc làm lầm lỗi sai quấy. Đồng thời, cũng phải nhìn thấu những hình dáng tốt đẹp

chân chính của các điều phải, để cảm nhận đủ sự hay ho thích thú. Sự nhìn thấu và cảm nhận này do sức quán tưởng bền bỉ sẽ lần lượt hiện ra mọi sự kiện của tâm tư, tốt cũng như xấu chẳng khác những gì đã hiện ra trên màn ảnh vậy.

Theo kiểu đó, tinh thần sẽ nương theo âm thanh và thần lực của kinh chú để mà lần lần tập trung tư tưởng. Đó là lúc các vọng thức lần lượt nổi lên và lần lượt bị cắt đứt, cắt đứt cho đến lúc yên tĩnh bằng lặng.

Duy trì được trạng thái này, thì từ trong chỗ yên lặng tâm linh sẽ phát sinh thắng lực để hóa giải mọi tư tưởng xấu của tiềm thức có thể bất chợt hiện ra phá rối. Lần lần mọi nguồn tư duy sẽ được tập chú vào một đề án nào đó để mà phát triển nhẹ nhàng trong chiều hướng siêu thoát, thâm thâm diệu diệu như có như không...

Nếu trạng thái này được duy trì bền chặt thì kẻ tu hành sẽ do đó mà phát huy năng lực để hóa giải và diệt tận ma chướng cả bên trong lẫn bên ngoài.

Với hình thức sám hối như trên, chắc người tu hành có thể gặt hái được nhiều kết quả lâu dài bền bỉ và hiệu quả nhất. Cho nên cái tác

dụng của sự sám hối..., có thể nói là tác dụng của năng lực trí huệ vậy, đáng được phổ biến rộng rãi và thực hành chu đáo.

Kết luận:

- ❑ Sám hối theo quan niệm thông thường thì còn nông nổi, vì không có yếu tố chân lý nên khó có tác dụng sâu rộng và khó có kết quả mỹ mãn.
- ❑ Chỉ dựa vào sự thành khẩn của tấm lòng tự giác mà tổ chức sám hối, sự sám hối đó thiếu năng lực hóa giải, vì không có cơ sở tâm linh nên không có tác dụng bền chặt và không kết quả lâu dài.
- ❑ Sau cùng, phải phối hợp cả hai yếu tố nêu trên và cộng thêm vào đó yếu tố tâm linh trí huệ để tổ chức lễ sám hối.

Sự sám hối như thế mới có cơ sở phát sinh năng lực khả dĩ hóa giải tâm thức, diệt tận tư tưởng đen tối và cấu tạo nên hành động tốt, cùng hướng đi tốt cho mỗi người.

Đây mới chính là phương pháp sám hối tạo nên nhiều tác dụng có hiệu năng đem lại kết quả viên mãn cho người tu hành chân chính.



Đạo thương yêu

HƯ TRÚC

*Kính mừng Thánh đấng Đức Chí Tôn,
chhiêm nghiệm về Đạo của Thầy.*

Lịch sử nhân loại có muôn ngàn lý thuyết nói về một đấng tối cao và toàn năng là Thượng Đế (上帝). Thượng Đế với nhiều tên gọi qua lăng kính các tôn giáo khác nhau nhưng đều hướng chỉ đến đấng quyền năng tối thượng đã sáng tạo ra vạn vật. Thượng Đế trong Do Thái giáo có danh hiệu là Đấng Giê-hô-va (Tự Hữu), Kitô giáo, Tin Lành, Chính Thống giáo gọi là Thiên Chúa, hoặc Đức Chúa Trời, Đấng Sáng Thế. Đạo Hồi gọi là Allah, theo Ấn giáo là Brahma. Bà La Môn, Ấn Độ giáo còn tôn vinh Brahma, Vishnu, Shiva chỉ một vị thần tối cao. Thượng

Đế trong Phật giáo là Phạm Thiên Vương. Thượng Đế trong đạo Cao Đài là Đức Chí Tôn, là Thầy, Đức Đại Từ Phụ, Ngọc Hoàng Thượng Đế viết Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Nhận diện và thấu hiểu bản chất đích thực của đấng trọn lành, toàn năng, hóa dục quần sanh, thống ngự vạn vật là việc thậm khó. Thậm chí Thượng Đế với số đông là khái niệm tâm linh mơ hồ, bất khả tư nghị, chắc tin có Thượng Đế nhưng không thể bàn cãi, không tìm kiếm hay suy luận gì.

Trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn dạy rằng: “*Khi*



chưa có chi trong càn khôn thế giới thì khí hư vô sanh ra có một Thầy và ngôi của Thầy là Thái cực... Thầy phân Thái cực ra lưỡng nghi, lưỡng nghi sanh tứ tượng. Tứ tượng biến bát quái, Bát quái biến hóa vô cùng mới lập ra càn khôn thế giới” (TNHT, 1928). Lời khái thị này có thể soi sáng cho chư Tiên bối - những bậc thừa sai sứ mạng mới thấu hiểu. Còn hàng nhân sinh không dễ cảm nghiệm rõ Đức Chí Tôn và có chăng là đồng tình với ý kiến của Lev Tolstoy (1828 - 1910), khi đại văn hào Nga có lúc đã tự nhận rằng: “Mọi người có thể cảm thấy sự hiện hữu của Thượng Đế, nhưng không ai có thể thực sự hiểu Thượng Đế”. (Suy niệm mỗi ngày). Lev Tolstoy kể một chuyện ví von về khái niệm Thượng Đế như sau:

Một con cá nghe người ta nói rằng cá chỉ có thể sống trong nước. Lũ cá hỏi nhau: - Có ai biết nước là gì không? Chúng quyết định hỏi con cá già nhất, khôn ngoan nhất và được trả lời: “*Nước là cái nhờ đó chúng ta sống và trong đó chúng ta sống. Các con không biết nước, bởi vì các con đang sống trong nó*”. Cũng y như vậy, một số người không biết Thượng Đế, nhưng tất cả chúng ta

đều sống nhờ Thượng Đế và trong Thượng Đế. Và Thượng Đế sống trong chúng ta.

Quan niệm này xem ra thật gần với giáo lý Cao Đài minh định “Thượng Đế trong tất cả”. Không chỉ vậy, Cao Đài giáo còn đem đến cho con người biết thật rõ về Đức Chí Tôn với lời Thánh truyền: “*Thầy là Thượng Đế Chí Tôn, là sự thương yêu hằng sống... Thầy là sự thương yêu*”. (TTTH, 10/12/Ất Mùi - 1956). Như vậy, không còn mơ hồ gì nữa vì sự thương yêu là điều có thực. Thượng Đế không phải là đấng cao xa vời vợi, càng không hề là khái niệm trong thế giới ảo. Sự thương yêu là một hiện hữu xác thực trong đời sống nhân sinh.

CẢM THÚC VỀ SỰ THƯƠNG YÊU

Sự thương yêu là điều bí ẩn muôn đời của nhân loại? Con người tưởng chừng như biết thương yêu mà không hề thấu hiểu hết ngọn nguồn. Vì có lúc tưởng chừng mình trọn hưởng sự thương yêu nhưng sau đó lại bị đánh mất. Con người khát khao và hoài bão sống trong sự thương yêu mà số đông chẳng hề thực hiện được, chỉ thấy sống giữa “biên

trần khổ vơi vơi trời nước”. Tình hoa trí tuệ nhân loại khẳng định yêu thương là bản chất thật của sự sống: “Con người không có tình thương yêu như trái đất không có mặt trời” (tục ngữ Pháp). Thương yêu không chỉ là hoa thơm trái ngọt của mối quan hệ giữa người với người. Giá trị của sự thương yêu được liên tưởng đến những sự đời to lớn, dẫn dắt con người suy niệm các vấn đề sinh tử, chuyện trời đất vũ trụ... vì bản chất của sự thương yêu là không giới hạn và hàm chứa giá trị vĩnh hằng. Theo Cao Đài giáo nó bao gồm cả chân lý Đạo học: “*Sự thương yêu là chìa khóa mở Tam thập lục Thiên, Cực lạc thế giới và Bạch Ngọc Kinh. Kẻ nào ghét sự thương yêu, thì chẳng hề qua khỏi cửa luân hồi*”. (TNHT, 27-10-1927)

Trong cuộc sống cõi người - sự thương yêu được vẽ nên nhiều diện mạo, tình thương yêu lung linh cả tỷ sắc thái biểu cảm khác nhau, nên thương yêu là đề tài vô tận, một quyển sách nhiều chương hồi thú vị. Bản chất sự thương yêu đích thực là thương yêu hằng sống trong sáng, chân thành và chỉ có một. Chủ thể của thương yêu là con người. Nhưng trong thế giới muôn màu của cuộc sống có rất

nhiều thứ gần giống và được gắn “nhãn mác” thương yêu mà thực chất chỉ là họ hàng xa. Do vậy, yêu thương là chuyện của trái tim, chuyện tâm cảm nhưng rất cần sự minh mẫn của trí tuệ soi sáng, con người mới cảm thấu tường tận sự thương yêu đích thực, và từ đó cảm thức chính xác về Thượng Đế đích thực.

Thượng Đế hằng ngự trong mỗi trái tim thương yêu của chúng sanh. Bài học về sự thương yêu trước tiên của người Cao Đài là dành cho huynh đệ đồng môn. Từ buổi đầu khai Đạo, Thầy dạy: *Điều Thầy vui hơn hết, là muốn cho các con thương yêu giúp lẫn nhau, như con một nhà, phải đồng tâm hiệp chí, chia vui sẻ nỗi cho nhau, nương đỡ đùm dắt nhau...* (TNHT 19-02-1927)

Tu học lập công là hành trình thăng tiến tâm linh. Tín đồ Cao Đài là con của Đức Chí Tôn mà “con Thầy thì phải giống Thầy... phải đủ đầy yêu thương”, nên lòng thương yêu đâu chỉ dừng lại trong giới hạn đồng đạo. Đạo thương yêu của Thầy là thương yêu con người, quan tâm chia sẻ mọi số phận, thấm nhuần bài học chân thành thương người, chân thành ưu ái con người - tôn vinh chủ thể

sự thương yêu trên tinh thần:

Tôn trọng người như Trời

với Phật,

*Thương yêu cả hết chúng sanh
thành.* (TNHT)

Chân dung của thương yêu luôn lấp lánh tia sáng biểu cảm lòng chân thành. Chân thành với ai? - Chân thành với mọi người, mọi sự vật và đặc biệt là chân thành với chính mình. Lời nói chân thành mà sự im lặng cũng cần chân thành. Sự thương yêu không phải là thái độ có đối tác, càng không phải là một món quà trao đổi. Nói về đối tượng thương yêu của người có đạo là tất cả. Vì nhận biết “Thượng Đế trong tất cả” nên thương yêu hướng đến mọi sinh linh vạn vật, Kinh Sám hối khuyên dạy:

Lòng Trời Đất thương đều

muôn vật,

Đức háo sanh Tiên, Phật

một màu.

Thượng cầm, hạ thú lao xao,

*Côn trùng, thảo mộc, loài nào
chẳng linh.*

Sự thương yêu như di sản tâm linh, là yếu tố cốt lõi khẳng định giá trị nhân văn nên “vòng tay” thương yêu là vô tận. Trở thành “đại gia” trong thế giới thương

yêu là người sống trọn mình triết Cao Đài: *Các con nhớ biết thương Thầy, mà hễ thương Thầy thì ắt thương Đạo, mà hễ biết thương Đạo thì thương hết chúng sanh.* (TNHT, 01 Février 1927).

Chủ đề thương yêu cuộc sống nhân sinh không chỉ là chuyện của người Cao Đài. Thượng Đế ở khắp muôn nơi, ở đâu có thương yêu chân thành và lòng khoan dung thì có Thượng Đế ngự trị.

Karamchand Gandhi (1869-1948), sinh trong một gia đình Ấn Độ giáo thuộc cộng đồng Modh (những thương gia ở Gujarat). Như những người theo Kì-na giáo tại Gujarat, Gandhi sớm cảm nhận nguyên tắc bất hại, ăn chay, phương pháp nhịn ăn để thanh lọc tâm thức cũng như sự khoan dung lẫn nhau của các tín đồ và tông phái.

Cuộc đời Gandhi là thiên truyện dài sinh động đi tìm Thượng Đế, và hàm chứa một nội dung duy nhất là sống thương yêu con người. Gandhi có mặt trên cõi thế gian này như mặt trời để tỏa sáng chân lý thực hiện cuộc sống yêu thương, bất hại con người: *Không tổn thương đối thủ; không tìm cách hủy diệt con người, không bao giờ dùng súng. Không có lòng sân ác hoặc bất cứ tâm bất thiện nào khác. Đó là một năng lực*

tâm linh thanh tịnh... Linh hồn bao gồm trí huệ, ngọn lửa của lòng từ bi bùng cháy trong nó. Nếu một ai đó làm tổn thương ta vì vô minh thì ta thắng họ bằng tình thương. Bất hại là pháp tối cao. Bất hại không chỉ là sự chân thật trong lời nói, mà cũng là sự chân thật trong tư duy, và đó là Thượng Đế. (Gandhi, tự truyện)

Năm 1897, tại Nam Phi, ông bị một nhóm bạo lực da trắng tấn công và tìm cách sát hại. Như một dấu hiệu đầu tiên của thước đo nội tâm ảnh hưởng đến những cuộc đấu tranh sau này, Gandhi khước từ việc tố cáo bất cứ cá nhân nào của nhóm bạo lực. Trong thời gian 1946-1947, Gandhi có ảnh hưởng lớn trong các cộng đồng Ấn Độ giáo và Hồi giáo tại Ấn Độ. Tương truyền chỉ sự hiện diện của ông thôi cũng đủ chấm dứt các cuộc bạo động. Bằng phương pháp bất bạo động, Gandhi lãnh đạo dân tộc mình thoát khỏi chế độ thuộc địa của Anh quốc, dành độc lập năm 1947 và khai sinh nước Cộng Hòa Ấn Độ.

Ngưỡng mộ cuộc đời cao thượng thiện lành của Gandhi, cả cuộc đời dân thân dành tự do cho thân phận người bị áp bức, nhân dân thế giới tôn vinh ông là Á Thánh - người sống để khơi sáng nguồn thương yêu cho nhân loại.

SỐNG TRONG NGUỒN YÊU THƯƠNG

Trở lại chuyện tu học hành đạo của Cao Đài giáo, người chơn tu phụng đạo là sống trong thương yêu. Cần nói ngay yêu thương là món báu của sự sống nhưng không từ trên trời rơi xuống mà do con người tạo tác. Đường về Thầy, hội hiệp cùng các Đấng Thiêng liêng là con đường chan hòa ánh sáng yêu thương. Chưa nói chuyện thành Tiên tác Phật, chỉ đề cập đến tu học sao cho việc sống đạo hiển bày diệu dụng của sự thương yêu, sống trong sự khai thị của Thầy. Hoài bão lớn lao của Đức Chí Tôn là gì? Thầy khuyến cáo nhân sinh: *Thầy chỉ một lòng mơ ước cho các con biết thương yêu nhau trong Thánh đức của Thầy.* (TNHT, 27-10-1927)

Học hạnh người tu không chỉ nuôi dưỡng từ tâm, chuyển hóa tam độc (tham - sân - si) thành tám lòng cởi mở làm giàu chất liệu thương yêu... mà còn biết ương mầm hạt giống thương yêu cho đồng môn, đồng loại. Làm nảy nở tình thương yêu để tăng cường chất lượng đời sống tâm linh. Hành trình chuyển hóa này chính là sống đạo trên tinh thần truyền lửa yêu thương.

Sức mạnh truyền lửa yêu thương không phải là khẩu hiệu mang tính phong trào mà cần thực hiện và tiếp sức của hai đức hạnh khiêm nhẫn và khoan dung.

Giữ hạnh khiêm nhẫn để mình sống được với người. Khiêm nhẫn để yêu thương cộng đồng cách trọn vẹn.

Khoan dung để được người yêu thương. Mở rộng lòng khoan dung để thấu hiểu, cảm thông nhiều số phận người. Khoan dung để người sống được với mình. Khoan dung là thuốc đặc trị chuyển hóa những ẩn ức, thù ghét thành thiện cảm. Khoan dung soi sáng những ngộ nhận và bừng mở thương yêu.

Sau khi kết thúc thắng lợi cuộc chiến tranh vệ quốc những năm 1285 và 1288, nhà Trần thực hiện một nền chính trị an dân tiến bộ và nhân bản. Càng lên án chiến tranh và tội ác của chiến tranh, thì người lên án phải tỏ ra mình là một người có lòng nhân hậu rộng lượng bao la. Không thể dùng chiến tranh để dập tắt chiến tranh, mà phải có phương sách khác. Đó là lòng nhân ái, nhân hậu.

Trong lá thư ngoại giao gửi cho nhà Nguyên năm 1288, vua Trần Nhân Tông viết: “Đại quân rơi rớt lại còn hơn nghìn người,

thần đã ra lệnh cho trở về hết. Sau này, nếu còn tìm được người nào, thần cũng sẽ cho về”. Đứng trước những tội ác và hành động dã man của giặc Nguyên Mông, thế mà khi bắt sống được chúng, dân tộc ta vẫn tỏ lượng bao dung nhân ái, tha chết cho chúng để chúng có thể về đoàn tụ với gia đình cha mẹ vợ con. Việc vua Trần Nhân Tông đề nghị và thả các tù binh, không chỉ thể hiện một sách lược ngoại giao nhân hậu, mà còn bộc lộ tình thương đối với từng con người một trong từng cảnh khổ của họ.

Truyền thống thương người này, hơn một trăm năm sau, vị vua anh hùng dân tộc Lê Thái Tổ lại có dịp kế thừa và phát huy bằng việc thả tự do cho hơn mấy vạn quân Minh về nước. Kế thừa truyền thống này còn thể hiện rất đặc biệt trong thời Tây Sơn.

Trần Quang Diệu (1760-1802) là một trong Tây Sơn thất hổ của vua Quang Trung. Tháng 5 (âm) năm 1801, Trần Quang Diệu và Vũ Văn Dũng cùng đốc quân đánh thành Quy Nhơn. Tướng Nguyễn là Võ Tánh giữ vững không ra đánh. Trong thành hết lương thực, Võ Tánh đưa thư cho Trần Quang Diệu nói rằng: “Phận sự ta làm chủ tướng, thì đành liều chết ở dưới cờ. Còn các tướng sĩ không có tội

gì, không nên giết hại”. Sau đó, Võ Tánh chất rơm cỏ dưới lầu bát giác tự thiêu, quan Hiệp trấn Ngô Tùng Châu cũng uống thuốc độc tự tử, thành Quy Nhơn đầu hàng. Trần Quang Diệu vào thành, sai làm lễ liệm táng cho hai vị tướng nhà Nguyễn tử tế và tha cho tướng sĩ nhà Nguyễn, không giết một ai. Trần Quang Diệu thắng trận nhưng tự biết nhìn lại chính mình, hành xử theo tinh thần trọng người khí tiết và không hại hàng binh.

Khiêm nhẫn đích thực buộc con người nhìn lại chính mình, luôn tỉnh thức. Lòng chính thiện khiến anh chị muốn cứu giúp người khác thì trước tiên anh chị cần có năng lực cứu giúp; muốn tặng quà cho người thì trước tiên mình phải có quà. Sự thể hiện lòng thương yêu cũng vậy. Ngài Dalai Lama thứ 14 có một trải nghiệm sâu sắc đáng ghi nhận: “Nếu không yêu thương chính mình, bạn không thể yêu thương người khác. Nếu bạn không có từ bi đối với mình, bạn không thể phát triển lòng từ bi đối với người khác”. Trước khi được sống trọn lành trong ơn cứu độ của Thượng Đế, muốn được tắm mát trong suối nguồn thương yêu người tín đồ cần tu học lập công để làm tinh sạch bản thân - trong sạch từ thể chất đến tinh thần, từ

lời nói đến hành động.

Người Cao Đài thuần thành khắc cốt lời Thầy dạy: *Thầy mong rằng mỗi đứa đều lưu ý đến sự sửa mình ấy, thì lấy làm may mắn cho nền Đạo; rồi các con sẽặng thông dong mà treo gương cho kẻ khác. Các con thương mến nhau, dịu dặt nhau, chia vui sẻ nhọc nhau, ấy là các con hiến cho Thầy một sự vui vẻ đó.* (TNHT 24-12-1926).

Yêu thương đích thực sẽ Thánh hóa mọi chất phàm tục, sẽ chuyển hóa mọi thù ghét, giận hờn, đổ kỵ thành bao dung tha thứ, trở nên cảm thông và chân thành muốn chia sẻ. Tầm mức thấp nhất của đạo thương yêu là: *Nếu không đủ sức thương yêu nhau, thì cũng chẳng đặng ghét nhau, nghe à!* (TNHT, 11/01/1930). Người tu hành cần giác ngộ rằng yêu thương là đạo. Muốn thực chứng đạo quả thì nhất thiết phải thực chứng nguồn cội thương yêu nhau, và quyết tu học để tự chuyển hóa, loại bỏ thể giới ghét nhau.

Bản chất cuộc sống yêu thương sẽ khai thị cho ta thăng tiến tâm linh và cảm nghiệm được Thượng Đế. Để thâm sâu lòng yêu thương bền chặt và đánh thức sự thiện lành cho các mối quan hệ, có một bài học rất đặc ý, ta thử suy nghĩ: *Bạn càng ít chú ý tới thân thể mình, thì bạn*

càng được nhiều hơn trong cuộc sống tâm linh... Cái duy nhất mà không dừng lại hay kết thúc là việc chỉ sống cho kẻ khác. Khi bạn sống cho kẻ khác bạn có thể sống một cuộc đời hạnh phúc và thanh thản... Để có đức tin chân thực, bạn nên quên đi chính mình. (Lev Tolstoy, Suy niệm mỗi ngày). Yêu thương đôi khi đồng hành với sự hy sinh, chỉ ít sự thương yêu chân thực sáng tỏ tinh thần bất vụ lợi. Hành trạng người môn đệ đầu tiên của Đức Cao Đài còn lưu dấu bài nhập môn về sự thể hiện đạo yêu thương.

Ngài Ngô Minh Chiêu (1878-1932) ngoài tính thanh liêm và chính trực còn nổi bật lên tính thương người. Thời làm quan, Ngài thường du hành vào ban đêm, hễ nghe ai than thở gia cảnh túng quẫn, vợ yếu con đau, Ngài lén nhét tiền vào kẹt cửa rồi bỏ đi, không để ai biết. Những phiên chợ gần tết, Ngài lại mua hàng ế của người dân vì Ngài nghĩ họ lao động bằng chính sức lao động của họ. Ngài rất thương người khốn khó và hay giúp họ, theo cách lặng lẽ thường kín đáo, không muốn người thọ nhận phải mặc cảm của sự chịu ơn. Cao cả hơn khi tình thương của Ngài còn mở rộng cho loài vật. Mặc dù làm quan nhưng Ngài thích cảnh thiên nhiên, thanh

tĩnh. Một hôm, trên đường lên núi dạo cảnh, Ngài đã cứu sống một con nai mắc bẫy của thợ săn rồi cột tiền vào bẫy, số tiền tương ứng với trị giá một con nai ngoài phố. Không những Ngài đã cứu sống nai mà còn giúp người thợ săn. Lòng từ tâm quảng đại và sự thể hiện tình yêu thương của Ngài đã bùng mở cho nhân sinh hiểu nếp sống tu học của người Cao Đài.

Lòng yêu thương là tinh hoa đời sống tâm linh và người tín đồ sống đạo theo mệnh lệnh “*Thương yêu cả hết chúng sanh thành*”. Trong tầm nhìn phổ quát về Đạo thương yêu thì sống ở đâu và bất cứ lúc nào lòng người vẫn thường hằng nhân hậu. Đạo thương yêu phải đủ sức mạnh như tên lính canh cần mẫn giúp người tu ngăn ngừa ác niệm. Kinh Sám hối nhắc nhở người tín đồ:

Ở cho nhân hậu chế rắn

lòng tà.

Hãy có dạ kính già thương khó;

Chớ đem lòng lấp ngõ tài hiền.

Xót thương đến kẻ tật nguyên,

*Đỡ nâng yếu thế bình quyền
mô côi.*

Đọc Thánh truyền và lịch sử truyền bá Đạo Trời, người Cao Đài được thấm nhuần rất nhiều bài học về sự thương yêu. Đạo thương yêu

thật sự khẳng định giá trị khi nó bùng sáng từ thực tế đời sống. Lửa thương yêu chỉ truyền nổi lan tỏa bằng công việc, bằng hành vi thực tiễn nhân hậu lay động lòng người.

Năm Mậu Dần (1938) thời gian xây Thánh thất Trung Thành, thánh sở Cao Đài đầu tiên tại Tourane (Đà Nẵng). Công việc thật hào hứng sôi nổi, tiếng đồn vang đến khắp thôn quê. Lóp người đến xin nhập Đạo, lóp người đi coi lẫn lộn với người làm, trật tự kiểm soát thật là mệt nhọc, dịp ấy có một số đồng bào nghèo hoặc lao công thành phố đến bữa vào ăn uống như bốn đạo, Đạo trưởng Trần Đạo Quang (1870 - 1946) biết rõ nhưng khuyên ban trật tự đừng xua đuổi họ, vì chỉ có một dịp thôi và đó cũng là phổ độ, một người ăn sẽ có năm ba người trả, không sao! Đức độ từ bi hỷ xả của ngài Ngọc Chương Pháp làm cho mọi người cảm phục. Từ đó một đồn ra năm, ra mười gây ảnh hưởng tốt cho việc mở đạo, truyền đạo sau này vậy.

KẾT

Bàn về sự thương yêu là đề cập đến câu chuyện không hồi kết. Đức hạnh thương yêu con người thật cao cả và được thể hiện từ chuyện thương lo cho cộng đồng dân tộc đến những chuyện nhỏ

nhoi đời thường; ra ngoài xã hội hay về nhà... thậm chí ngồi vào bàn ăn người chơn tu cũng có bài học về sự thương yêu. Kinh Khi ăn cơm rồi nhắc nhở:

Trên theo pháp luật Đạo Trời

*Dưới thương sanh chúng một
lời đình ninh.*

Suốt một đời tu thân học đạo mà chưa giác ngộ đạo thương yêu, chưa khai thông được “kênh” cảm thông với nhiều số phận con người thì xem ra đạo nghiệp chỉ là hư vô. Có một lời thức tỉnh mang tính phản đề với sự thương yêu cho rằng: “Nếu người ta tin rằng họ có thể làm hài lòng Thượng Đế qua những nghi lễ và những lời cầu nguyện thôi - chứ không phải bằng hành động - thì họ đã nói dối với cả Thượng Đế lẫn chính họ” (Lep Tonxtoi). Người xa lạ với lòng từ tâm nhân hậu thì chỉ chìm đắm trong khổ lụy, thật sự mờ mịt đường về cõi thiêng liêng hằng sống: “*Phải thương yêu nhau giúp đỡ nhau dường như con một nhà, rồi cái thương yêu, sự giúp lẫn nhau ấy sẽ dìu chung các con vào tận chốn Cực lạc thiêng liêng, để tránh khỏi nơi khổ cùng tiêu tụy, khá biết lấy*”.

(TNHT 08-12-1926).



Nhân hòa

Học tập Thánh giáo của Đức BẢO NGUƠN CHƠN TIÊN

Nguyễn Công Khánh

*“Bảo toàn quyền pháp sớm Trung Hưng,
Nguơn hội Long Hoa thấy đón mừng!
Chơn đạo chỉnh tu thành Giáo hội,
Tiên bang ngày ấy được vui cùng.”*

(THBT, 15.01.Mậu Tuất-1958)

Ngài Bảo Nguơn Chơn Tiên thế danh Trần Nguyên Chí, Thánh danh Thượng Chí Thanh, hiệu Đồng Khê, sanh năm 1914 tại làng An Tráng, phủ Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam. Ngài xuất thân từ một gia đình chân Nho. Ngài là một đạo đồ Minh Sư thâm cứu Phật học và Dịch học; quy hiệp đạo Cao Đài từ năm Mậu Dần-1938, hành đạo tại Cơ Quan Truyền Giáo Trung Kỳ rồi Hội Thánh Truyền Giáo, Thiên phong phẩm Giáo sư phái Thượng. Ngài được Ôn trên triệu hồi vào đêm Noel năm 1957, nhằm ngày Mồng Bốn tháng Mười Một năm Đinh Dậu. Đàn cơ ngày 15.01.Mậu Tuất-1958, Thầy phong: Trung Đẳng Huyền Cơ Chương Pháp Hộ Đạo Thiên Quân, hay Bảo Nguơn Khai Huyền Cơ Truyền Tiên. Ngài giảng đàn với danh hiệu Bảo Nguơn Chơn Tiên.

Lúc sinh thời, trong đời sống xã hội và hành đạo, Ngài là một bậc hướng đạo lỗi lạc, được đồng bào và đồng đạo kính tin. Tệ đệ xin trích

lại một đoạn điệu văn của Tỉnh đạo Quảng Nam và Thành đạo Đà Nẵng trong lễ điệu tang Ngài để chúng ta cùng nhau ôn lại:

“Ôi! Anh Lớn Ôi!

Trăng đầu nóc còn hình mừng tượng

Áng mây chiều ẩn dạng phong nghi.

Kể từ đây, tìm đâu thấy người anh kiêu mẫu, một hướng đạo kiện toàn. Tuy pháp thể Anh Lớn yếu đuối, song tinh thần luôn luôn khỏe mạnh. Anh là một bậc hướng đạo hy sinh, không kể đến đời tư, quyết thoát tục ly gia, mưu hạnh phúc đời đời cho nhân loại. Anh là một con người học rộng hiểu sâu cả Tam Giáo kinh điển, triết lý Đông Tây. Anh là bậc chân tu đầy nhiệt huyết, hùng tâm hùng lực, nêu gương đạo đức nguyện dắt nhân sanh qua bờ giác. Với bản thân, rất đơn giản, cố thực hiện đạo lý Thánh Hiền. Với gia đình, rất mực hiếu kính hòa thân, xử tròn nhơn đạo. Với quốc gia xã hội, làm tròn bổn phận công dân, giữ vững lập trường, xây nền hạnh phúc hòa bình cho người được hưởng. Với Đại Đạo, luôn luôn tích cực phục vụ nhơn sinh.” (Trích từ Hồng Ân Tận Độ của Phạm Văn Liêm, NXB Tôn Giáo 2016, trang 214)

Trong ngày Thầy ban phong Thiên vị và cho Ngài nhập đàn trò chuyện cùng Hội Thánh, Ngài dạy:

“Anh em ôi! Gánh nặng đường xa, sức lực mòn mỏi của chúng ta với thời gian dĩ vãng bị cảnh huống trò đời làm tiêu hao suy kém, đến lúc đại nghiệp trùng tu, không đủ phương tiện để làm tròn sứ mạng, riêng giữa chúng ta mới nghĩ sao đây?

Tội tình thay! Nếu không quyết tâm thì sự nghiệp cứu đời phải tiêu vong theo cơ xáo trộn của đời đại biến đến đây.

Nhưng ta tin thành công ở ba điểm:

- Nói **Thiên thời** thì sứ mệnh đã trao.
- Còn **Địa lợi** thì danh tiết thuần chân nhóm Đạo Trung Tông có sẵn.
- Về **Nhân hòa** thì trên dưới một lòng bình đẳng thương yêu.

Nếu ba điểm này, Hội Thánh ta thiếu một thì cũng khó bề tiến tới. Cốt nhất là Hòa Tín Thân làm cơ sở.” (Bảo Nguơn Chơn Tiên-THBT, 15.01.Mậu Tuất-1958)

Ba điểm Ngài Bảo Nguơn Chơn Tiên dạy trên đây, chúng ta thấy rằng:

Điểm thứ nhất: *Nói Thiên thời thì sứ mệnh đã trao.*

Lịch sử mở Đạo cho chúng ta biết, như “Mấy lời giao cảm” của Ngài Phối sư Thượng Hậu Thanh viết trong tập “Mấy nhánh rồi sau cũng một nhà” rằng:

“Buổi họp mặt trong giao thừa Bính Dần, mở đầu bằng lời long trọng tuyên bố trước mười hai môn đệ, Thầy dạy:

Chư môn đệ nghe:

Chiêu buổi trước hứa lời truyền đạo cứu vớt chúng sanh, nay phải y lời mà làm chủ. Phải dùi dất chư môn đệ Ta vào đường đạo đức đến buổi chúng nó lập thành, chẳng dặng thối truất. Phải thay mặt Ta mà dạy dỗ chúng nó.

Theo lời Thầy thì sự hợp nhất vẫn chưa thành mà chờ các môn đệ sau này.

Khi ấy, Ngô tiền bối bạch, hỏi phải chăng mãi tới sau năm 1932 Ngài mới có điều kiện hoàn thành nhiệm vụ.

Thầy dạy: *Phải.*

Nghĩa là sau ngày Ngô tiền bối quy liễu (1932) chứng vị Ngôi Hai, Ngô Đại Tiên sẽ vận dụng phần thiêng liêng để thành tựu chánh pháp.” (Phạm Văn Liêm-Mấy nhánh rồi sau cũng một nhà, NXB Tôn Giáo 2014, trang 8)

Và Ngài Bảo Nguơn Chơn Tiên cũng dạy:

“Thầy lập Đạo, nên Đạo vừa xây đắp thì cơ chia rẽ lại phan phui tình thân hữu, rồi mỗi nơi đều đứng ra đại diện quyền pháp, thành lập Giáo hội khắp nơi, Chánh pháp bắt đầu suy yếu. Vì lẽ trên Thầy đến đây ban truyền Chính Cơ Lập Pháp xây dựng Tông Đạo Trung Hưng.” (Bảo Nguơn Chơn Tiên-THBT, 15.01.Mậu Tuất-1958)

Với hai ý trên đã chỉ rõ phần thiên thời và sứ mệnh đã trao.

Điểm thứ hai: *Còn Địa lợi thì danh tiết thuần chân nhóm Đạo Trung Tông có sẵn.*

Tông Đạo Trung Hưng được dựng xây tại miền Trung Việt, vùng đất không được thiên nhiên ưu đãi như đồng bằng Bắc bộ và Nam bộ; nhiều cát sỏi, nhiều nắng gắt mưa dầm, người dân nơi đây nhiều gian nan khổ cực. Nhưng cũng từ đó mà sức chịu đựng của con người miền Trung mãnh liệt hơn, nhẫn nại nhiều hơn, kiên trì trước thử thách, có chí hướng đi đến cùng với lẽ phải. Nơi đây cũng là miền đất có tư tưởng Tam giáo đồng nguyên, Vạn giáo nhất lý; có nhiều người trung kiên với đạo, sẵn sàng sống chết vì đạo.

Chưa nói đến quý bậc tiền bối hướng đạo hết lòng hy sinh vì đạo, những người nông dân tin đồ thuần thành như Ngài Võ Thanh Bị, Ngài Nguyễn Thị Ngại cũng đã tỏ rõ *danh tiết thuần chân nhóm Đạo Trung Tông*.

Điểm thứ ba: *Về Nhân hòa thì trên dưới một lòng bình đẳng thương yêu*.

Điểm thứ ba này là yếu tố quan trọng, nhân hòa là mấu chốt để tạo nên trên dưới một lòng bình đẳng thương yêu. Ngài Bảo Nguơn Chơn Tiên rất quan tâm đến điểm thứ ba này.

Ngài dạy:

“Nếu 03 điểm này, Hội Thánh ta thiếu một, thì cũng khó bề tiến tới. Cốt nhất là Hòa, Tín, Thân làm cơ sở.

Tệ Sĩ mong ở điểm Nhân hòa. Nhân hòa là sức mạnh chiến thắng tất cả ma cảnh bên ngoài, phấn phát lòng tu học bên trong. Nhân hòa là mốt tiêu để chỉ hướng. Nhân hòa làm cho sự thật hiện ra lẽ sống hằng còn. Bởi đó Nhân hòa là tông chỉ cứu thế tượng trưng cho mầm móng hòa bình và Quyền Pháp Khai Thế Lập Đạo, bởi Nhân hòa đó vậy!”
(Bảo Nguơn Chơn Tiên-THBT, 15.01.Mậu Tuất-1958)

- *Nhân hòa*

Nhân hòa có nghĩa là được lòng người, thu phục được nhân tâm. Được lòng người, thu phục được nhân tâm ở đây không phải bằng quyền lực, không phải bởi sự mua chuộc bằng vật chất hay chức tước, cũng không phải nhờ lợi ngôn lợi khẩu để thu hút người ta... mà nó bắt nguồn từ sự chân thành và tin cậy.

Chân thành khác với giả tạo. Người chân thành không chăm chút cái tôi, xem nhẹ cái riêng mà nghĩ đến việc chung, không so đo tính toán. Họ luôn vững vàng, tỉnh táo để phân biệt đúng sai; không quan tâm đến việc mình có được yêu mến hay không nhưng lại luôn được người người yêu mến; họ luôn tự tin, nói được và làm được, do đó cũng được mọi người tin cậy. Người chân thành mới có thể tạo được thể nhân hòa.

- Nhân hòa là sức mạnh chiến thắng tất cả ma cảnh bên ngoài, phát phát lòng tu học bên trong.

Người ta thường nói “Đoàn kết là sức mạnh”. Nhân hòa là thu phục được nhân tâm, là chất keo gắn kết mọi người cùng chung chí hướng lại thành một cộng đoàn, tổ chức chặt chẽ, tạo nên sức mạnh tập thể. Sức mạnh này có thể đẩy lùi những chướng ngại cản ngăn để cùng nhau tiến tới. Sự tinh tấn của tập thể tác động ngược lại vào từng cá nhân, làm cho họ nỗ lực, khoáng đạt, mở rộng tâm lòng mà tiếp bước phụng sự.

- Nhân hòa là mốc tiêu để chỉ hướng.

Nói nhân hòa là nói đến sự hòa hợp của mọi người trong một đoàn thể. Người trên thương yêu người dưới, người dưới kính trọng người trên; mọi người đồng tâm nhất trí tạo nên nhân hòa, yếu tố quan trọng nhất trong ba yếu tố Thiên thời-Địa lợi-Nhân hòa.

Thầy Mạnh Tử nói:

“Thiên thời bất như địa lợi; địa lợi bất như nhân hòa.”

Nghĩa là: Thiên thời không bằng địa lợi; địa lợi không bằng nhân hòa.

Được nhân hòa có thể làm nên việc lớn. Thế nhưng để có được nhân hòa không phải chuyện dễ. Sau khi phân tích nhân hòa quan trọng hơn thiên thời và địa lợi, thầy Mạnh Tử nói thêm:

“Đắc đạo giả, đa trợ; thất đạo giả, quả trợ.”

Nghĩa là: Giữ được đạo thì nhiều người hỗ trợ, không giữ được đạo thì ít người hỗ trợ.

Nhiều người hỗ trợ tức là đạt được yếu tố nhân hòa, ít người hỗ trợ là mất yếu tố nhân hòa.

Vậy đạo là gì mà giữ được đạo thì có nhân hòa?

Đạo từ thành và tín mà ra (Đạo gốc bởi lòng thành tín hiệp). Sống chân thành với nhau, thành thật với nhau, tin cậy lẫn nhau sẽ tạo được nhân hòa. Nhân hòa là mục tiêu để tiến tới.

- Nhân hòa làm cho sự thật hiện ra lẽ sống hằng còn. Bởi đó Nhân hòa là tông chỉ cứu thế tượng trưng cho mầm móng hòa bình và Quyền Pháp Khai Thế Lập Đạo, bởi Nhân hòa đó vậy!

Như ở trên đã dẫn, giữ được đạo thì có được nhân hòa. Mà đạo là bởi sự chân thành và tin cậy. Chân thành là chân thật, thành khẩn, là sự thật. Sống trên đời này mà dối dãi chân thật, thành khẩn với nhau, trải lòng ra chan hòa với mọi người; thì đâu có ai còn lo sợ, nghi ngờ nhau nữa. Không lo sợ, nghi ngờ nhau thì chẳng những không có hơn thua tranh đấu mà còn tương trợ giúp đỡ lẫn nhau sống hòa bình lương thiện. Từ đó, lẽ sống và tình thương được thể hiện, mọi người cùng nhau xây dựng thế giới đại đồng, trên dưới một lòng bình đẳng thương yêu, làm sáng tỏ quyền pháp khai thế lập đạo của đảng Chí Tôn.

Vì vậy, từ những ngày đầu khai đạo Thầy đã nhắc đến chữ hòa, Thầy dạy:

*“Chẳng quản đồng tông mới một nhà,
Cùng nhau một đạo tức một cha;
Nghĩa nhân đành gởi thân trăm tuổi,
Dạy lẫn cho nhau đặng chữ **HÒA**.”*

(20.02.1926 - TNHT. QI, 1948)

Và Ngài Bảo Nguơn Chơn Tiên thúc giục:

“Hôm nay, Hội Thánh phải quyết liệt lên với nhiệm vụ sẵn có, đừng sợ sệt trước cảnh thử thách.”

Trong một lần khác, Ngài Bảo Nguơn Chơn Tiên đã bày một phương pháp bảo an Giáo hội, Ngài dạy:

“Hội Thánh đặt lòng nơi Thiêng liêng đặng nhận lãnh cái sứ mạng thì lo gì, sợ gì mà không an toàn cho nhau. Muốn cứu toàn dân, muốn

an toàn Đạo, phải tin nơi Trời mới an toàn được. Thì chức sắc nói chung, đặt lòng trong máy mầu mà hành đạo.”

“Lúc này nên luôn luôn thanh tịnh, tăng cường sự quy giới để cầu nguyện cho nhân loại, nhân dân, cầu cho thuyền Đạo ở trong sóng gió mà được an bình, cầu cho gia đình đạo hữu sống trong ơn che chở của Thầy.”

“Đạo hữu cũng hết lòng tăng trai, quỳ hương, cúng nước, cầu xin sống trong ngày đao binh tao loạn được sự che chở của Thầy, giữ thuần túy tu hành hướng về Hội Thánh, nghe lời người làm đầu trong địa phận Đạo.”

“Làm được vậy, trăm sự khó dễ cũng giảm tám chín mươi phần mà thiện khí cũng làm cho dịu bớt đau khổ của đồng bào, Ôn điển đến nhà mình mà cả cho thiên hạ.” (Bảo Nguơn Chơn Tiên-THBT, 18.10.Tân Sửu-1961)

Như vậy, chúng ta học Thánh giáo của Đức Bảo Nguơn Chơn Tiên dạy để lo thuần túy tu hành, tăng cường quy giới, giữ thanh tịnh, một lòng kính thành lễ bái cầu nguyện Ôn Thầy che chở và các Đấng hộ trì cho tinh thần dũng mãnh tinh tấn trên đường tu học lập công, lần hồi cũng tạo được thế nhân hòa./.

28.9.2018



MINH TRA BẢO PHÁP

Phạm Sĩ Dũng

I/ DẪN NHẬP

Hội Thánh Truyền Giáo thành hình theo Pháp Đạo Ba Đài Bốn Cơ quan. Bốn Cơ quan tại Hội Thánh là Hành chánh, Phổ tế, Phước thiện và Minh tra. Tại Họ đạo có Ban Cai quản với bốn Ban tương ứng: Hành chánh, Phổ tế, Phước thiện và Minh tra.

Bài này mục đích để tìm hiểu Minh tra Bảo pháp tại Họ đạo, nhưng để hiểu thì xin phép nói sơ lược về chức năng, nhiệm vụ và việc làm của Minh tra Bảo pháp tại Hội Thánh và qua đó sẽ hiểu chức năng, nhiệm vụ Minh tra tại Họ đạo. Nói về Minh tra Bảo pháp là nói về pháp luật, quy giới nên chỉ dám sưu tập tài liệu từ Thánh Truyền Trung Hưng, Đạo luật, Đạo quy... và các tài liệu chính thức của Cơ quan Minh tra.

II/ NỘI DUNG

1. Chức năng: *Mục đích Minh tra là bảo tồn quyền pháp, minh chứng công bằng, ngăn đường thoái hóa, liệu phương giúp đỡ cho chư Chức sắc, chức việc và đạo hữu nam nữ tu thân hành đạo, sát đúng chơn truyền, vững yên phẩm vị; làm cho giáo hội tỏ sáng, giáo lý lan xa, pháp quyền sâu rộng, công việc làm của Hành chánh, Phước thiện, Phổ tế khế đồng Đạo pháp. (Điều 1-Khoản II-Nội quy Cơ quan Minh tra)*

Như vậy, chức năng tổng quát của Minh tra là **Bảo tồn quyền pháp - Minh chứng công bằng - Ngăn đường thoái hóa**. Và cũng như các Ban Ngành khác ở Họ đạo, Ban Minh tra cũng có chức năng kép: vừa

tham mưu cho Đầu Họ đạo phương hướng sinh hoạt tu học đúng chơn truyền đạo pháp; vừa thực thi các đạo sư được Hội Thánh giao phó hay Họ đạo đề ra.

2. Tổ chức

- **Cơ quan Minh tra** là một trong bốn cơ quan của Tòa Nội chánh Cửu Trùng Đài Hội Thánh, nhưng lại là một bộ phận của Tòa Pháp chánh Hiệp Thiên Đài tòng sự tại Cửu Trùng Đài.

- Bộ máy Cơ quan Minh tra có hai phần, phần vô vi và hữu hình.

Trên * Chương quản vô vi: Ngài Cao Tiếp Văn Pháp Quân.

* Ba Đại diện 3 chi: Pháp, Đạo, Thế.

Dưới * Ban Minh tra gồm có:

- 3 Truyền trạng: 1 Tình hình, 1 Kiểm soát, 1 Trưởng phòng

- 3 Sĩ tài: mỗi vị làm việc ở một ngành.

- Và nhiều nhân viên: Thường trực, lưu động hay đặc nhiệm.

- Tỉnh đạo:

- 1 Luật sự

- 3 nhân viên giúp việc: 1 Tình hình, 1 Kiểm soát, 1 Văn phòng.

- Thánh thất:

- 1 Phái viên (Trưởng ban Minh tra hay Tòng sĩ quân)

- 1 hay nhiều cộng sự.

Xin trích vài Điều trong Nội Quy Cơ Quan Minh Tra để chúng ta hiểu về nhiệm vụ và việc làm của các vị trí trong Minh tra Bảo Pháp:

Điều 13. Ba vị Truyền trạng được 3 Chi phân quyền, giữ bộ phận Hành chánh Bảo pháp.

1. Tình hình: Nắm vững tình hình hành đạo của chư Chức sắc, Chức việc và toàn đạo.

2. Kiểm soát: Soát xét đường lối hành đạo của chư Chức sắc, Chức việc và toàn đạo.

3. Trưởng phòng: Làm đầu phòng văn điều hòa công việc giữa Kiểm soát và Tình hình.

Điều 14. Về Hành chánh Hành pháp:

1. Tình hình theo chi Thế, dự biết phần giữ đạo, truyền đạo của Cơ quan Phổ tế.
2. Kiểm soát theo chi Đạo dự biết phần khai thế tạo thế của Cơ quan Phước thiện.
3. Trưởng phòng theo chi Pháp dự biết phần an bài trật tự, giữ mực công bình của Cơ quan Nội chánh và tham dự các phiên họp Hội Thánh.

Điều 17. Luật sự phụ trách Minh tra Tỉnh Đạo, thay quyền Cơ quan để hướng dẫn nhân viên trực thuộc và Phái viên các thánh thất, nắm vững tình hình, kiểm soát đường lối hành đạo Chúc sắc, Chúc việc và toàn đạo trong phạm vi trách nhiệm, tham dự và lập tờ kết chứng các phiên họp của các ngành Hành chánh, Phổ tế, Phước thiện và Nữ phái Tỉnh Đạo; tiếp nhận và lập các hồ sơ Bảo pháp, tổng kết và báo cáo về Cơ quan.

Điều 18. Phái viên (Trưởng ban Minh tra hay Tùng Sĩ quân) là người của Cơ quan đặc phái, thừa hành nhiệm vụ của Luật sự trong phạm vi Thánh Thất; phân công hướng dẫn các cộng sự viên để thực hiện chủ trương chung tổng kết và báo cáo về Luật sự.

Điều 19. Nhân viên và cộng sự viên là người chuyên trách phân hành do cấp lãnh đạo trực tiếp phân công ủy nhiệm có quyền hội ý xây dựng cấp mình.

Điều 24. Theo quy chế tam thế việc làm của 3 Chi: Pháp, Thế, Đạo hay chia thành 3 ngành: Trưởng phòng, Tình hình, Kiểm soát ở ba cấp Minh tra tại Bửu Tòa, Tỉnh Đạo, Thánh Thất, tuy quyền hành nhiệm vụ có phân lập, dưới trên theo hệ thống và đẳng đệ, không sai hàng vượt bậc; quyền Thánh Thất tùng quyền Tỉnh Đạo, quyền Tỉnh Đạo tùng quyền Bửu Tòa, nhưng lúc làm ở mỗi cấp đều có sự hợp nghị cộng đồng, thông báo trừ quyết trên dưới phân minh, trong ngoài duy nhất.

3. Tư cách người Minh tra

- “Người Minh tra lấy Pháp luật làm phương hướng, giữ đạo sửa mình; để cho khế đồng tương ngộ, hợp với Trời, thuận với người.

- Để chừa Chức sắc, Chức việc và toàn đạo trong Giáo hội “trở về với nhiệm vụ”.

- Để cho đôi bên đạo đời tương đắc, trên dưới suốt thông mà không rối loạn.”

(Điều 26-Khoản VII-Nội quy Cơ quan Minh tra)

“Người Minh tra là hiện thân pháp luật, phải có đức hạnh trung chính để cảm hóa mọi người, thuần hậu đứng đắn, ôn hòa ý nghĩ việc làm, chẳng một mảy may riêng tư, vì người mà độ người, thương người mà cứu người, lòng lành lúc nào cũng chan hòa giúp đỡ, không bị thân bỏ sơ, không bị trên khinh dưới, không theo mạnh hiếp yếu, không vì lợi quên tình, không vì tình quên lý mà làm hỏng việc lớn, là việc cứu đời độ người. Vì vậy người Minh Tra phải có một ý chí cao khiết, một tâm hồn minh mẫn, mới khỏi bị lừa phỉnh che đậy bằng lời nói khôn ngoan, bằng việc làm kín đáo, bằng lý luận giả trá hay bằng đạo đức suông bên ngoài, mà phải mạo hiểm mưu lược đi sâu vào nội địa của mỗi sự việc.

Người Minh tra phải có cái nhìn tổng quát, lấy lòng thương yêu mà trang trải cho nhau, chuyển mê thành giác, chuyển dữ ra lành. Ôn Trên có dạy: “kẻ này có bốn phận với người nọ, người nọ có bốn phận với người kia, vì thương nhau mà ta cho nhau, về phần xác cũng như phần hồn, không nở lòng để nhau sai lạc... Lại nữa: vì hiện nay trình độ đạo hữu có kém, phần đông thấy lỗi của bạn lại che giấu đi, gọi là ơn mà khóa lấp, không ngờ đó là giết bạn một cách âm thầm...”

Cho nên về phần giữ Đạo, chúng ta phải dè dặt tiểu tâm, nếu không được lành, thì cũng đừng nên gây ác, vì vậy: ngành Minh tra phải làm mẫu mực cho mọi người, thông suốt các luật Đạo, luật đời như Pháp Chánh Truyền, Tân luật, Đạo luật, các Nghị định, chỉ thị của Nhà nước về tôn giáo... Thường xuyên ôn tập Bửu châu, Bửu pháp.

Tóm lại, người Minh tra phụ trách ở bất cứ cấp bậc nào cũng phải hết bốn phận mình để làm tròn sứ mạng, không được bê tha biếng nhác, hay làm việc lấy lệ có chừng, hay vì danh lợi, vì tiếng khen mà quên hẳn trọng trách của mình, phải có tâm hạnh Bồ Tát, thương xót những kẻ phạm phải tội tình mà giải bày cởi mở, làm được vậy

mới có thể nâng mình lên Thánh, dự đứng vào hàng Chư Thiên Hộ Pháp.” (Kết tập Khóa Hội học Minh tra Bảo Pháp-2013-Tr 55-56)

Đạo phục hiện nay của Chức sắc Hiệp Thiên Đài Hội Thánh Truyền Giáo chúng ta (khăn đóng trắng bảy lớp chữ nhứt có Thiên Nhân, áo rộng trắng có dây nịt trắng, bông châu trắng) cũng nhắc nhở phải giữ gìn tứ oai nghi và tâm hạnh trong trắng.

4. Sinh hoạt tinh thần

“Phần sinh hoạt tinh thần người Minh tra đối với mình phải giữ thân tâm thanh tịnh, hằng ngày hương cúng sám luyện châu học đạo sớm chiều, tin Thầy nghe bạn, tu tĩnh thân tâm, trau dồi đức hạnh; đối với người phải chan trái một tình thương yêu chân thật hàng ngày truyền giáo bằng tư tưởng, giao hảo bằng tinh thần, kết liên bằng cảm giác, xây dựng bằng điển lực, cảm hóa bằng tâm linh.” (Điều 43-KhoảnX-Nội quy Cơ Quan Minh Tra)

“Về phần Minh tra trong lúc xây dựng thì như thế cũng được. Cần hơn là anh em phải cố gắng nghiên cứu học tập nhiều các phương bảo pháp để đủ tư cách đối đãi cùng chư Chức sắc CỬU TRÙNG ĐÀI. Mà muốn học cho rành thì phải tu cho chín, tu để tâm thần an định, thần không xao động thì hạo khí nương về, thần được trụ yên thì vạn duyên kết tập, thần ở nơi trong thì cảm quang tình thức cũng phải triều châu. Nếu không tu thì thần phóng tán ra ngoài, mỗi ngày một hao mòn đã mất của mình mà bề bạn tốt lành cũng xa đi, bấy tôi không kiêng nể thì làm sao an toàn được thân thể mà phát huệ hiện tri năng, lòng bị tối tăm, thân bị hư nát, thần sa biến ái non ân. Khí Tinh là của báu ở người để mặc cho tình thức phá tán tiêu pha mong gì thân hình vững chắc, thân hình không vững chắc thì mong gì thể Đạo được yên. Thánh thể không mạnh lành là do mỗi con người Chức sắc của chúng ta còn yếu ớt. Thân ta có chất phác, thì thể Đạo mới thuần hòa. Thể Đạo thanh cao Thần Thánh là bởi ta có thân Bồ Tát.

Vậy người Bảo pháp cần phải tu học nơi trong để đủ uy đức độ người về Chánh Pháp. Tu nơi trong là khắc kỷ phục lễ, khắc kỷ được thì làm chủ được thân, làm chủ mình để làm chủ người, ấy là tu thân; tề gia trị quốc bình thiên hạ. Tu thân để tề gia để bình thiên hạ là việc

làm của người quân tử không cần ai nhắc bảo, và cũng không vì ai sai khiến mà là bản phận làm người, bản phận ấy là sứ mệnh, khiến được thiên hạ phải theo cái đức độ khuôn viên của người quân tử.

Người quân tử để làm người an thiên hạ, thì người Bồ Tát để lại cái Đạo cứu độ vạn thể thanh bình, chúng sanh chứng vị Thánh Thần, thoát vòng luân hồi sanh tử. Vậy người Bồ Tát là người Đạo, cái Đạo cứu thế chuộc cả tội lỗi chúng sanh, mà muốn chuộc được, cứu được người phải bằng pháp luật.

Pháp luật là gì? Là khuôn viên đạo đức của người Bồ Tát. Người Bồ Tát hay người Hướng đạo có cái thân đầy điển huệ thân ấy làm mực thước cho người đời, mà mực thước đây không phải họ muốn giữ cho ra mực thước, mà mực thước ở trong lòng thuần chơn phát lộ.”

(Bài 23-TTTH III, Tr 115-116)

5. Nhiệm vụ Minh tra Bảo Pháp tại Họ đạo

Cơ quan Minh tra đã chỉ rõ 10 nhiệm vụ của Minh tra tại Họ đạo như sau:

5.1. Hoạch định chương trình sinh hoạt của ngành mình trong (trình) Họ đạo quyết định và thực hiện.

5.2. Báo cáo kết quả đạo sự chuyên ngành định kỳ cho Họ đạo và cấp trên.

5.3. Lãnh đạo và điều hành nhân viên Minh tra trực thuộc, thực hiện tốt các đạo sự trong phạm vi trách nhiệm.

5.4. Phối hợp với các ban ngành Hành chính, Phước thiện, Phổ tế thực hiện tốt các đạo sự tại địa phương.

5.5. Phải có mặt đầy đủ trong các buổi sinh hoạt, học tập do Họ đạo tổ chức.

5.6. Phối hợp với các Thông sự trong việc nắm bắt tình hình sai quy phạm giới của chức sắc, chức việc, tín đồ trong địa phận trình Họ đạo có biện pháp xử lý kịp thời.

5.7. Tham gia các kế hoạch hành đạo, đôn đốc việc hành trì quy giới, động viên khuyến khích việc tu luyện bửu châu, bửu pháp.

5.8. Chứng minh việc ban trao Bí tích, tu châu, thọ nhiệm, kiểm đàn, kiểm soát.

5.9. Phối hợp thanh kiểm tài chính Họ đạo theo đúng nguyên tắc tạo niềm tin cho nhơn sanh.

5.10. Thường xuyên liên hệ với Cơ quan Minh Tra Hội Thánh, Tòa Pháp Chánh-Hiệp Thiên Đài để được hướng dẫn thêm về chuyên môn trong công tác bảo an quyền pháp.

6. Quy trình phối hợp và xét đoán của Ban Minh tra

* Văn bản Pháp Luật, các quy định, điều khoản: Tân Luật, Pháp Chánh Truyền, Đạo qui, Nội qui 4 cơ quan, Đạo luật 1957, Thập hình, Nội qui Họ đạo.

* Các phần hành Trưởng phòng, Tình hình, Kiểm soát tại Họ đạo.

Nếu Ban Minh tra có 3 người thì Trưởng ban Minh tra-Tùng Sĩ quân là Trưởng phòng, một vị là tình hình và vị kia là kiểm soát. Nếu chỉ có 2 thì một trưởng phòng, một kiểm soát còn tình hình sẽ do các cộng sự Thông sự nam ở xã đạo.

Để hiểu rõ hơn về cách làm việc của các phần hành tình hình, kiểm soát và trưởng phòng xin xem một số điều trong Nội quy Cơ quan Minh Tra:

Điều 28. Khi tiếp một văn kiện tố tụng, Trưởng phòng chuyển qua Tình hình nhận xét và Kiểm soát tra cứu để tiến hành nhiệm vụ chung.

Các Truyền trạng và Sĩ tải theo ngành mình, một mặt chỉ thị cho Luật sự tìm hiểu nội vụ, một mặt đặc nhiệm các nhân viên trực thuộc theo dõi.

Điều 29. Để tìm hiểu cội rễ nội vụ, Tình hình đến tận nơi quan sát thực trạng, nghe ngóng dư luận, áp dụng phương pháp dò xét theo từng sự vụ mà không ai hay biết; nhưng tại trụ sở Minh tra các phận sự ngành Tình hình có trách nhiệm khai vấn.

Điều 30. Kiểm soát có bốn phận như Tình hình; nhưng về mặt công nhiên, khi Kiểm soát lập vi bằng có sự hiện diện của Hành chánh đạo địa phương và các chứng nhân cùng đương sự.

Nếu cần mở cuộc kiểm soát sâu rộng thì phối hợp với các cấp có trách nhiệm về phần luật lệ trong nền đạo nơi địa phương ấy.

Điều 31. Tình hình và Kiểm soát thông báo liên lạc nhau, để sự tìm hiểu vấn đề thêm tỏ sáng. Trưởng phòng phối hợp hồ sơ đôi bên lấy lẽ công bình xét bàn hư thực theo sự tìm hiểu của ngành mình, kết quả lâu mau tùy theo nội vụ.

Thấy cần đệ lên phòng họp nghị Bảo pháp thẩm định đề đề nghị Nội chánh phán đoán, nhưng phải có sự khuyên giải trước.

(Chiếu Thánh lệnh Đức Tổng Lý ngày 17/08/Nhâm Thìn “*Tòa đạo Minh tra phải xem xét chư Chức sắc nam, nữ; nếu cần đệ lên Giáo Tông phán đoán thì chư đệ khuyên trước nghe!*”).

Nếu xét nội dung tố tụng không xác thực, thì ban Minh tra phát hoàn đơn trạng lại cho đương sự và có phụ lời minh giải.

* Bộ hồ sơ Bảo Pháp:

- a. Phúc trình, báo cáo, đơn trạng
- b. Tờ vi bằng
- c. Bản tìm hiểu
- d. Lý lịch
- đ. Tờ khai vấn.
- e. Ý kiến các ngành các cấp

* Xử lý của Đầu Họ đạo: (Minh tra chỉ dự chứng và góp ý)

- Khuyên nhủ
- Răn đe
- Quyết định răn phạt quỳ hương
- Đề nghị Hội Thánh ngưng quyền, giáng chức.
- Chuyển Hồ sơ về Hội Thánh xử lý các trường hợp phạm pháp và luật nặng.

7. Tương quan hành đạo

Ban Minh tra với nhiệm vụ bảo pháp có trách nhiệm coi ngó, đề nghị và nhắc nhở để việc làm của các Ban Hành chánh, Phở tế, Phước thiện cũng như Văn phòng Nữ phái và các Ban trị sự khế đồng đạo

pháp. Điều quan trọng là mọi thành viên các Ban Ngành trong Họ đạo luôn thân ái hỗ trợ nhau hoàn thành chức năng và nhiệm vụ của mình.

III/ KẾT LUẬN

Để làm tốt nhiệm vụ Minh tra ở Họ đạo, người Minh tra phải **gương mẫu** trong tu học, hành đạo để làm gương từ đó nhắc nhở, khuyên nhắc chức sắc, chức việc và đạo tâm trì hành qui giới luật đạo, tu thân hành đạo sát đúng chơn truyền Đạo pháp. Xin trích hai điều mà Tùng Sĩ Quân phải giữ trọn:

1. *Khâm tuân lệnh Thầy, hiểu ý Thầy, kính hành quyền pháp.*
2. *Kính nhường mọi người, thương yêu mọi người như thương yêu mình.*

Xin nhắc lại 2 đoạn Thánh giáo để chúng ta suy ngẫm:

Đàn cơ tại THBT ngày 02.02.ĐĐ33 - 21.3.1958 (Mậu Tuất) Ngài Tiếp Văn Pháp Quân dạy: *“...Phước thiện, Phổ tế là hai tay, Hành chánh Minh tra là 2 chân, hai tay không thể thiếu một mà làm được việc nhanh nhẹn, hai chân cũng không thể thiếu một mà đi lại dễ dàng. Vì vậy, Hành chánh Minh tra làm trụ cột cho hình thể. Tay có làm mà chân không đi thì làm sao phổ cập; mà chân thiếu một thì thân thể bị què...”* (TTTH tập III trang 113).

Đàn cơ tại THBT Tết Nguyên Đán năm Bính Tý (19/02/1996) Đức Lý Giáo Tông huấn dụ:

*“Bảo pháp Hội Thánh Hiệp Thiên Đài
Đã được ơn Thầy Pháp Thể khai
Nhỏ nhất bỏ qua đừng chấp nhất
Quên thân vì Đạo mới anh tài...”* ☯

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Thánh Truyền Trung Hưng-HTTGCD
2. Đạo luật-HTTGCD
3. Nội quy 4 Cơ quan-HTTGC Đ
4. Kết tập Khóa Hội Học Minh Tra Bảo Pháp-2013
5. Tùng Sĩ Quân học và hành- Thừa sử Hồ Tân Sinh

Về nhà Thánh

Huệ Quang



C húng ta có cụm từ “về nhà Thánh”. Trong động từ tiếng Việt “đi” để chỉ hướng về phía trước, tách ra xa với tâm điểm; và “về” chỉ bên ngoài hướng về lại điểm xuất phát.

Đi ra, và trở về, là hai động từ chỉ hai hướng khác biệt, một hướng ngoại, một hướng nội. Ra không hẳn là ra ngoài, nhưng là tới một nơi đã định, về lại, hướng về nơi cũ, nơi trước khi mình đi

ra, có những từ như cừu vị, què xua, về nhà Cha, v.v...

“Thánh” ở đây là nhà Thánh, chúng ta có danh từ chung, Hội Thánh, Thánh Thất, Thánh tịnh, v.v.. nhưng đó chỉ là một cách nói tượng trưng, nhà Thánh không có nghĩa là nơi đó có các vị Thánh cư ngụ, mà nơi đó có nhiều “Thánh chất” hơn nơi khác. Trong trường hợp đó, không phải chỉ ở nhà mới có Thánh, mà bất cứ nơi đâu, có lòng trong sạch, có tịnh hạnh là nơi đó có Thánh, nhưng thông thường người ta thường dùng “nhà Thánh” để nói về một nơi tập trung tu học, như chùa chiền, tịnh thất, nhà tu. Cũng có những nơi chùa chiền mà không tu học, thì không phải là nhà Thánh thực chất. Đó là nhà Thánh ở trên danh từ, vì nơi đây không có “Thánh chất”, không có một những yếu tố thanh tịnh, không trong sạch, tinh khiết như các yếu tố của một vị Thánh phải có.

Từ đây ta thấy “Thánh chất” là yếu tố quan trọng nhất, về nhà Thánh tức là về với “Thánh chất” chứa đựng nơi đó, có thể là nhà, chùa thất, hoặc một Hội Thánh, nhưng ít khi hình thức và nội dung lại đi đôi với nhau. Sự khác biệt đó rất quan trọng, nó xác định, và làm rõ sự khác biệt giữa danh từ

và nội dung của danh từ, cũng như điều mà danh từ đó nhắm đến.

“Về nhà Thánh” là về với lòng mình, vì cõi lòng thanh tịnh nơi đó Thầy hằng ngự, lòng không thanh tịnh thì không có Thầy, chùa thất thanh tịnh thì luôn luôn có Thầy, chùa thất lộn xộn tất nhiên thầy bỏ đi. Do đó, không có một biên giới rõ ràng giữ thánh đường ngoại giới và thánh đường nội tâm, điểm khác biệt chỉ người trong cuộc biết mà thôi! Tranh cãi không đi tới đâu.

Quay về với lòng mình, thấy được tâm mình lộn xộn, rối loạn, phiền não, tham dục, và chất chứa biết bao nhiêu oan trái chồng chất. Làm cho nội tâm ổn định, trật tự, và an bình đòi hỏi một công phu tu dưỡng thật sâu sắc không kể ngày, kể tháng.

Nhà Thánh được tạo nên là do lòng kính ngưỡng Đấng Chí Tôn cao cả, do ý chí tu hành hướng thiện hình thành nên. Xây dựng nên một Thánh đường cũng đồng nghĩa với xóa bỏ đi một tù ngục đầy oan nghiệt, cho nên “về nhà Thánh” là về với lòng thương yêu thân ái, về với lòng nhân ái bao dung, mà biết bao nhiêu lời Thánh, ý Tiên đã từng giảng dạy.

1- Về nhà Thánh là về với hòa bình thân ái.

Ý hướng xây tháp dựng tượng, là một ý hướng bao hàm cả tín ngưỡng và tình yêu, muốn cho mình tu được và cũng muốn cho người khác tiến lên con đường siêu thoát.

- “**THẤY** mừng các con xây cất Đền Thất thờ Trời học Đạo, làm vậy gọi là công, con đem công trừ lòng ích kỷ, dưỡng lấy điều nhơn”.

“Nhơn loại hiện nay trên thế giới cũng đem công bỏ của ra để cung ứng cho chiến tranh, viện trợ bằng bom đạn, viện trợ bằng kỹ sư bác vật, chế tạo nguyên tử vũ khí để rồi giết nhau tàn phá cõi đời cho thành tro bụi, công của làm như vậy chẳng những chẳng được thưởng mà còn bị quả bằng sự trừng phạt của **THẤY**. Bên nọ như công dã tràng xe cát, bên này như gò mối chun đùn”.

(Cao Đài Thượng Đế - TT Trung Nguyên, ngày 01-8-ĐĐ.33 (Mậu Tuất) (13-9-1958)

2- Về nhà thánh là quay về với tâm chí mình, vì nhà thánh là nơi ấp ủ những hoài bão về hạnh phúc và an lạc thân tâm, **con người chỉ sống có ý nghĩa khi trở về với**

lòng mình một cách chân thật và trung thành với mình như từ thuở chưa lầm lạc.

- “Sao ai người ham tu mộ Đạo, không dừng bước lại mà suy ngẫm sự đời quay lại tìm nguồn Chơn lý. Về chỗ một, là chỗ giải thoát, ngoài dòng thác vô minh. Hơn thua chi, phải quấy chi, đứng trong suối nước tình cảm, mà phân biệt được giả chơn, nào khác chi đám rờ voi. Dầu đã đụng đến da, cũng biết được phần nào gần ta, đâu thấy chung toàn diện được. Vậy thì các Hiền muốn cứu mình để giúp đời nên Đạo thì trước phải tìm lại “**Ngôi độc nhứt**” ở lòng mình”.

(Thái Bạch Kim Tinh - TT Thánh Tịnh, Tý thời, ngày 27-7-Bính Ngọ-6-9-1966 - ĐĐ 41.)

- “**Về với mình, ở nơi mình để mình trở nên Thánh hiệp cùng vạn Thánh, mà điều hành lãnh đạo vạn linh, trước khi mình chưa phải Thánh thì khổ khổ ai cầu Đạo nhứt quán, cho đăng chứng Bát Nhã Bồ Đề, nếu thấy không làm lòng mình được như lòng trời đất thì sẽ buồn ra Phổ độ chúng sanh, đưa đường vạn dân trở về lẽ thật. Mà muốn cầu Chơn lý học Đạo Bồ Đề, là cốt giải thoát trần duyên, cho**

thân tâm rồi rảnh, để tiện bề tham dự cầu chứng vô vi. Thân phận còn chường nghiệp đương bao phủ lấy mình, ngăn trở bước tu, che mờ Chơn lý, thì mau khởi tâm phấn chí, để phá đoạn nghiệp duyên mở đường tiến tới. Đừng tham vội mang theo một đám nhơn sanh làm trở ngại thời giờ, mà tâm thể lúc nào cũng rối ren, lo ở bên ngoài. Sức mình đi tới còn khó khăn, mà gánh cả cho người làm sao vượt qua tai nạn. Các Hiền còn nhớ chuyện xưa Lưu Bị chạy giặc, mà dắt cả đoàn dân thì làm sao cứu mình cứu người cho trọn”.

(Thái Bạch Kim Tinh - TT Thánh Tịnh, Tý thời, ngày 27-7-Bính Ngọ-6-9-1966 - ĐĐ 41.)

3- Về nhà Thánh là về nơi an ổn nhất trong mọi nơi, nơi đó nhất định phải có tình thương, như lời Thầy dạy, nếu chưa thấy tình thương thì coi lại. Vì tình thương đang bị yếu tố không tình thương thay đổi rồi, không có tình thương do đồ kỵ, không có tình thương do danh và lợi. Danh là ngôi vị và phẩm tước của thế gian. Tự ngôi vị phẩm tước vốn không có gì là sai trái nhưng dùng tước phẩm một cách lệch lạc là sai trái và tội lỗi, đi nghịch với lòng Thầy và chư Thánh.

- “*Hội Thánh lấy thương yêu mà bảo vệ thành trì Giáo Hội, lấy đức tin hàn gắn trên dưới được liền, lấy lễ thật để an bài nội bộ”.*
(Thái Bạch Giáo Tông - TH Bửu Tòa, ngày 17-7-ĐĐ.33 (Mậu Tuất) (31-8-1958)

Biểu hiện của lòng thương Thầy là dựng lại ngôi Thánh thể thờ Thầy, mến bạn là giúp đỡ, dìu dắt nhau trên đường đạo và đường đời. Những gì cho đi không phải là mất, mà những gì cho đi để được phần nhiều hơn ở một nơi khác. Cho nên trọng trách là vinh hạnh, khảo đảo là cuộc thi mà không có nó thì không có cái gì có giá trị:

- “*Các con nơi này đã được dựng lên ngôi thờ bằng công phu, công quả để làm nơi chiêm ngưỡng là chỗ nhà chung. THẦY cũng mừng. Mừng là con đã nhận thấu lẽ Đạo, bỏ công góp của, xây đắp ngôi Thánh Thất thờ THẦY, công quả ấy cũng tiêu bớt nghiệp oan mà còn tô nền Phước Huệ về sau. Nhưng THẦY cũng lo, sức nhỏ làm việc to nếu không cố gắng thì có thể làm trò cười «Bán đồ nhi phế» thì chẳng những chẳng được công mà còn bị quở trách là khác. Nhưng THẦY đã cho chư Thần phò hộ mà cũng được soi dẫn nhiều, kết quả gỡ xong những*

rối rắm cho nhau, THẦY cho biết rằng: Con còn có công có hạnh thì THẦY còn giao nhiều trọng trách và cho nhiều khảo thí đến để mài giũa cho nên tốt đẹp hơn nữa”.
(Cao Đài Thượng Đế - TT Trung Nguyên, ngày 01-8-ĐĐ.33 (Mậu Tuất) (13-9-1958)

Khi con yêu mến Thầy, thì Thầy cũng yêu mến con, không phải Thầy đáp trả mà chính vì lúc yêu thương Thầy con đã trao cho Thầy tất cả, trong tất cả đó vốn có Thầy, lần này Thầy đặt con trong Thánh thể, con là Thầy, Thầy là con. Có gì không chung vui chung khổ. Cùng tương thích như vậy con mới là con của Thầy, và Thầy mới chính là Thầy của con, vì con không được ngoài Thầy, con ở trong điển lành của Thầy bao phủ con, con nói, con làm, đều nằm trong ý Thánh lời Thánh. Và Thầy cũng không ngoài con, vì ngoài con thì có người nào biết đến Thầy đâu. Vạn vật không biết nói, bày tỏ, chỉ có con người là trân trọng với Thầy, nhưng lại bị thiên lệch mà trái ý Thầy, khi con là Thầy thì sợi dây liên lạc đó bền chặt, con trọn đức tin, để sống trong ơn điển không cần vật thực của thế gian, cũng không sợ phạm giới cấm của Thầy:

- “Thầy đến lần này cứu con, đặt con trong Thánh thể, thể thì lòng thương của Thầy đã tỏ cho các con thấy được bình đẳng lắm rồi! Con là Thầy, Thầy là con, có gì không chung vui chung khổ. Vì con không được ngoài Thầy, mà Thầy cũng không ngoài được con. Khiến một sợi dây thiêng liêng ràng buộc, cũng chỉ mong, con biết vâng lời, con trọn đức tin, đừng nghi ngờ, để ở trong Thánh thể không ăn mà sống, không mặc mà lành. Điều ấy Thầy hứa không sai, nếu các con đừng phạm vào các điều răn cấm!”

(Ngọc Hoàng Thượng Đế - Tịnh Đường, 4-1-Giáp Thìn 16-2-1964 - Đại Đạo 39)

Ở trong Thánh thể của Thầy luôn luôn có thương yêu, luôn luôn tịnh hạnh, người nào ở ngoài thánh thể chẳng thể thương yêu người khác mà còn thù ghét nữa. Cho nên không thương yêu tức là giặc trong lòng rồi, mỗi ngày giặc mỗi lớn mạnh thêm. Người không thương yêu cũng là người mất công bằng, vì lấy chỗ này mà bỏ chỗ khác, giữ cái này mà bỏ cái kia. Nên chẳng thương yêu đồng lòng cũng là chẳng bao giờ có công bình cả. Chúng ta nghĩ bốn phận với đạo hữu, bốn phận

với Giáo Hội, Thánh thất, nhưng không nghĩ một khi thương yêu đến với ta trong tình Thượng đế thì chẳng có một bổn phận nào không hoàn thành, “Vậy thương yêu là tròn sứ mạng”.

- Bây giờ lo giữ gìn sự nghiệp Trung Hưng, sự nghiệp này đã lắm công phu bằng tiền của, bằng máu xương, bằng tâm lực và bằng lòng thương đời. Phải giữ gìn, phải thương nhau, không thương nhau là giặc ở trong nhà, giặc trong nhà phá hư sự nghiệp, chớ đâu đợi đến giặc ngoài xâm lấn cướp đoạt tàn hại, giặc trong nhà nhóm khởi ở chỗ thiếu thương yêu và công bằng. Vậy thương yêu là tròn sứ mạng.

(Thái Bạch Giáo Tông - TH Bửu Tòa, ngày 17-7-ĐĐ.33 (Mậu Tuất) (31-81958)

4- Nhà Thánh không phải là nơi Thánh ở, mà là nơi tiêu biểu cho Thánh chất. Thánh chất biểu lộ qua cách đi đứng nằm ngồi, ăn nói, làm việc, nơi nào có thánh chất thì gọi là nhà Thánh. Thật ra nhà Thánh không phải bao giờ cũng đầy đủ thánh chất, cũng có khi thánh chất nhiều hơn phàm chất, có khi bằng phàm chất, hoặc ít hơn phàm chất. Nhưng cái tiêu biểu này vẫn luôn luôn như vậy,

đây là cái gương để ta soi, nhờ có nhà Thánh mà ta biết được mình có Thánh chất hay không. Gương thì không có đúng sai, người soi gương thì có đúng sai, phải trái. Nhà Thánh là cái gương, chúng ta là người soi gương, người làm việc cũng là người soi gương. Chớ nên lầm lẫn người soi là cái gương. Soi gương, tuy vậy phải biết cách soi, trước tiên phải lau chùi gương cho sạch, tức là đừng thành kiến, tư tâm, tư dục, tình cảm thiên lệch. Rồi sau mới nhìn thật kỹ diện mục mình trong đó, thấy nó tốt thì giữ gìn và phát huy, thấy khuôn mặt bị méo mó, và cau có thì lo điều hòa cho được quân bình, như câu nói của đức Khổng Tử: **“Thiện giả tùng chi, bất thiện giả cải chi”**. Không những ở nhà Thánh như thế mà ở đâu ta cũng như thế; bởi vì nếu không có trí phân biệt đúng sai, thiện ác, thì cuộc đời chúng ta vô định, mục đích sẽ lệch lạc, hôm nay thiện, mai ác, hôm nay đúng mai sai, biết khi nào về được với Thầy, tức là nhà Thánh ở trên cao.

Về nhà thánh là đem lại niềm tin cho chính mình về một chánh pháp sẽ nâng đỡ mình lên trên đời thường. Về nhà thánh là đem lại cho thân và tâm nguồn suối trong

sạch, tinh tảo để tiếp tục sống vững vàng trong đời, không chỉ để qua ngày nhưng để tiến hóa lên tầm cao mới.

Vì những lý do trên, về nhà Thánh để học đi đứng, học ăn nói, học nằm ngồi, và học thương yêu, những hành động phải được nâng lên mức cao thượng hơn, những lời nói phải mực thước và có lợi ích quần sinh, không nói đùa, không biếm luận, không châm chọc, lời nói phải đúng đạo lý, đem lại lợi ích:

“Các con phải học Chiêu đức độ rộng lớn, hạnh chỉ ôn hoà, tâm tư rộng rang cõi mở, ăn nói lợi quốc ích dân, việc làm khuôn viên mực thước, một dạ tu hành; chớ dùng ý lại chánh pháp đó chắc mười phần là được, mà được không do ở một tâm”.

(Ngọc Hoàng Thượng Đế - TT Thánh Tịnh, Tỷ thời, ngày 13-3-Tân Hợi, 8-4 1971 - ĐĐ 46)

Thậm chí người xưa, tôn thờ lời Thánh, nên khi nghe cũng phải có đạo lý, nhìn cũng nhìn bằng đạo lý, nếu như nghe không đúng đạo lý, lời nói vu cáo cũng nghe, lời bịa đặt cũng nghe, không phân biệt lời đúng, lời sai. Thấy việc trái cũng an nhiên, thấy

việc phải cũng chẳng vui mừng, thế thì thấy và nghe chẳng đúng đạo lý, nhân nghĩa chẳng nêu cao, cầu an ích kỷ, chẳng có một chút tâm đạo. Phải lo cho mình cũng như lo cho đạo lớn được bền chặt, tiến bộ. Nên đức Khổng Thánh mới nói rằng: *“Phi lễ vật thị, phi lễ vật thính, phi lễ vật ngôn, phi lễ vật động”*. nghĩa là *nhìn phải đúng lễ, nghe phải đúng lễ, nói phải đúng lễ, làm phải đúng lễ*. Lễ ở đây nghĩa là nghĩa lý, là điều đúng đạo lý, hợp với tam cương ngũ thường, không trái với luân lý của xã hội. Tuy thiên lý khác với nhân dục, nhưng một khi nhân đạo mà Thánh nhân nêu ra được gìn giữ, chăm chút, thì cũng không trái với Thiên đạo là mấy.

Để nhìn đúng sự việc, cái nào vì cá nhân, cái nào vì đạo lớn, đã rất khó rồi. Nhưng để nghe những lời dễ dàng, êm ái mà không bị lôi cuốn lại càng khó hơn, cho nên mới gọi là *“mật ngọt chết ruồi”*. Trong lịch sử cổ đại, gần như không ít người quân tử đều sa vào kế nịnh hót của gian tà, ít tránh khỏi sự tâng bốc khôn ngoan, và lời nói khéo léo của bọn họ. Cho nên, nghe và nhìn đã khó, mà nghe và thấy lại chi phối rất nhiều hành động của chúng ta. Hễ nghe và

thấy bị lệ thuộc rồi, thì nói và làm cũng bị điều khiển theo hướng sai lệch. Người xưa thấy lời nói quan trọng, lời nói phi lễ ảnh hưởng đến con người và tập thể, cũng như xã hội, đất nước như thế nào? Nên mới nói *“một lời nói có thể hưng bang, một lời nói có thể tán bang”* suy sụp đất nước, đem đất nước đi xuống vực sâu, tác động đó của lời nói thật kinh khủng.

Sau lời nói là hành động, các động lực nằm phía sau hành động, và điều khiển hành động, bị thương và ghét, lợi và hại chi phối rất nhiều, gần như hầu hết chí hướng của hành động. Từ đó, mới xảy ra việc sáng suốt hay không sáng suốt trong hành động, có nhiều khi phản ứng lại một hành vi ngang trái là việc làm đúng, nhưng im lặng để cho việc sai trái đi qua cũng không phải là sai. Người sáng suốt thấy cái lợi trước mắt và cái hại lâu dài, hay sự lợi hại đi kèm nhau, khó phân biệt, phải cân nhắc lợi hại nhiều hay ít, được hay mất, cái gì quan trọng hơn cái gì? Đó gọi là sáng suốt, thường thì hành động được xác định đúng hay sai, phải mất một thời gian dài kiểm chứng, khi đó khó thấy tác động một chiều của nó ra sao?

6- Không phải nhà Thánh là nơi lát toàn vàng ngọc, quý giá, không chỉ nơi đó chỉ có thánh tâm, mà còn có rất nhiều phàm tâm trú ngụ, nhưng về nhà Thánh để tìm được sự sáng suốt, qua đôi chiếu qua học hỏi, qua hiểu biết và nhất là thương yêu như lời Thánh dạy, *“chỉ có thương yêu nhau là đắc đạo”* chúng ta đọc lời Thánh, nói lời Thánh, nghe lời Thánh, nhưng ít khi hiểu được lời Thánh. Để được hiểu và được thương nhau, phải thực hành theo lời Thánh. Muốn vậy có nhiệt tình thôi chưa đủ, mà phải thêm sự sáng suốt và thương yêu. Sáng suốt là hiểu, hiểu là hiểu việc lớn dung chứa được việc nhỏ, công việc Giáo hội bao hàm việc thánh thất, công việc làm *“nhân”* làm *“lành”*, quan trọng hơn việc xây chùa, hay hành chánh đạo. Cần có những con người tốt trước khi xây nền đắp móng, nếu không sớm muộn rồi cũng đổ sập. Trước đây, chúng ta không hiểu hết, thế nào là người có tâm đức, tâm hạnh. Bây giờ chúng ta thấm thía hơn về sự khác biệt giữa người có tâm, và người không có tâm đạo. Người không có tâm không phải là họ vô tình, lạnh nhạt, mà vì họ dễ ham danh ham lợi, chuộng hình tướng,

nên bỏ tâm mà theo hình. Họ tu để cho người ta biết, chứ không tu cho mình. Một khi mọi người biết mình tu, thì khi đó việc tu hành của mình coi như đã chấm dứt, vì hoàn thành ước nguyện: mọi người biết là mình có tu. Chức tước cũng vậy, người có chức phải thấy mình luôn luôn để phục vụ nhân sinh, sợ dĩ có chức, có danh để phục vụ nhân sinh tốt hơn, chớ không phải để ăn trên ngồi trước, phát biểu nhiều. Nếu ngược lại, khi mọi người thấy và biết mình đang nắm giữ quyền hành, khi đó công việc phục vụ nhân sinh đã chấm dứt, vì cái mình mong mọi người khác biết, việc đó đã được đáp ứng. Cho nên người ham danh chức, uy quyền sẽ bỏ mặc cho tương lai nhà Thánh ra sao cũng được, không hề ưu tư, buồn phiền cho cơ đồ suy sụp. Điểm

khác nhau quan trọng giữa người có tâm và người không tâm hay ham muốn danh lợi ở điểm đó.

Về nhà Thánh, để tĩnh tâm tìm hiểu và nâng mình lên Thánh, đó là một cách để bảo vệ và vun trồng Chánh pháp Trung Hưng, mặc dù sự nghiệp này đã tốn rất nhiều công sức tiền của, mồ hôi và nước mắt, nhưng không chỉ chừng đó là giữ gìn được sự nghiệp, Sự nghiệp đó phải được bền vững do lòng thương yêu nhau, vì không thương nhau là giặc trong nhà, Chúng ta cũng biết giặc trong nhà mới phá đổ được nhà chứ giặc bên ngoài nào hề hấn gì! Bảo vệ sự nghiệp đó cũng chính là duy trì lòng thương, *“Vậy chỉ có thương yêu là giữ tròn sứ mạng”*.



Ích lợi của cúng kính

Diệu Nguyên

Tân Luật của đạo Cao Đài gồm ba phần: Đạo Pháp (tám chương, ba mươi hai điều), Thế Luật (hai mươi bốn điều), và Tịnh Thất (chín điều).

Trong phần Đạo Pháp:

- Chương II (Về người giữ Đạo), Điều Thứ Mười Một quy định:

Người làm Đầu trong Họ hay là chức sắc thay mặt cho mình phải đến làm lễ cúng khai đàn, trấn thần, an vị cho người mới vào Đạo.

- Chương III (Về việc lập Họ), Điều Thứ Hai Mươi quy định:

Chức sắc giữ thánh thất mỗi ngày phải làm tiểu lễ bốn lần theo tứ thời: Tý, Ngọ, Mẹo, Dậu. (...) Đổ một hồi chuông trước khi hành lễ trong mấy thời này, bỗn đạo muốn đến tụng kinh tùy ý.

Những điều quy định dẫn trên cho thấy người nhập môn vào Đạo cần thiết phải thượng tượng thờ Thầy tại tư gia và cúng kính hằng ngày



vì có như vậy người tín đồ mới nhận được sự bảo hộ của Thiêng Liêng, như lời tục thường nói: “Con Phật, Phật rước; con ma, ma dẫn.”

Đức Quan Âm Bồ Tát dạy:

Nên nhớ rằng, mỗi một người tu hành trong lúc này đều có một bậc Chơn Linh hoặc Thiêng Liêng âm phò mặc trợ⁽¹⁾. Mỗi ngày nên tưởng niệm để nhắc nhở tâm thức, liên lạc thông công với phần Thiêng Liêng hộ trì. Nếu để trống không, Bản Sĩ e khó tránh khỏi những tà quái, ngạ quỷ⁽²⁾ giết giành. Hãy nhớ câu truyền khẩu từ xưa rằng buổi hạ ngươn mặt kiếp, hễ con Phật, Phật rước; con ma, ma dẫn⁽³⁾.

Chức sắc, chức việc cùng bốn đạo phải thường xuyên cúng kính hằng ngày tại thánh thất, thánh tịnh để tiếp nhận ân điển thiêng liêng đồng thời giúp cho người và vật chung quanh thánh sở cũng được tiếp nhận ân lành, cỏ cây mùa màng được tốt tươi thành mầu, người người được an cư lạc nghiệp, có thể tránh khỏi thiên tai chiến họa và làm ăn phát đạt thành công.

Lúc còn tại thế, trong một bài thuyết pháp, tiền khai Phạm Hộ Pháp cho biết:

Qua⁽⁴⁾ đứng trên ngai, qua thấy trên Nê Hoàn Cung của mấy em, nếu định tâm, thì có một hào quang xung lên đều đều. Mọi người đều có cả hào quang đó. Có một vị Phật ôm hết đem vào Bát Quái Đài, hiệp với đạo hào quang trong quả Càn Khôn, đoạn đem trở ra bao trùm chỗ ngồi của mấy em mà mấy em không thấy được. Cho nên, khi mấy em hầu lễ, nếu biết hưởng cái ơn Thiêng Liêng ban cho đó, thì tinh thần được an tịnh. Hạnh phúc biết bao!

Ngoài ra, việc cúng kính tứ thời còn có nhiều ích lợi khác.

Đức Chí Tôn dạy:

Cúng tứ thời có ích cho các con lắm, chớ không phải ích chi cho Thầy. Nếu cúng được thường, thì lòng dạ nở nang, tứ chi luân chuyển,

¹ Âm phò mặc trợ: Âm thầm giúp đỡ.

² Ngạ quỷ: Quỷ đói.

³ Thánh Bộ Từ Bi Thông Thiên Học, 01-4 Đinh Mùi (Thứ Ba 09-5-1967).

⁴ Qua: Tôi (đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất).

có nhiều khi tật bệnh tiêu trừ⁽⁵⁾.

Con người vốn có tính vị kỷ (ích kỷ), thường chỉ nghĩ đến bản thân và gia đình mình. Nếu cúng kính thường, hướng lòng mình về các Đấng trọn tốt trọn lành, tai lắng nghe những lời kinh tiếng kệ, lòng dạ sẽ được nở nang tức là tâm sẽ được mở rộng hướng về người khác, gia tăng lòng yêu thương mọi người (vậy là vị tha). Đó là ích lợi về mặt tinh thần.

Còn về mặt thể chất, mỗi khi cúng kính thì cúi lạy nên tứ chi luân chuyển (vận động) giúp cho máu huyết được lưu thông đều khắp trong cơ thể, tốt cho sức khỏe.

Đức Quan Âm Bồ Tát dạy:

Các em phải lo cúng kiếng⁽⁶⁾ thường:

- Một là cho Chơn Thần được gần gũi các Đấng thiêng liêng cho *đặng xán lạn*.

- Hai là cầu khẩn với Đức Đại Từ Bi tha thứ tội tình cho các em và *cả chúng sanh*.

- Ba là có tế lễ thì tâm mới có cảm. Cảm rồi ứng. Ứng là lẽ tự nhiên⁽⁷⁾

- Bốn là tâm có cảm thì lòng bác ái mới mở rộng, mà nhưt là khiếu lương tri, lương năng của các em cũng nhờ đó mà lần hồi thành ra *mẫn huệ⁽⁸⁾*. Các em nhớ à⁽⁹⁾.

Việc cúng kính còn giúp cho chúng ta giải trừ được ba nghiệp (thân, khẩu, ý). Đức Chí Tôn dạy:

Sự cúng lạy con nên sốt sắng

Trừ nghiệp thân cho đặng tinh anh

Kệ kinh miệng đọc lòng thành

Để trừ nghiệp khẩu, khỏi sanh não phiền.

⁵ Dân ngày 10-12 Bính Dần (Thứ Ba 14-12-1926).

⁶ Cúng kiếng: Cúng kính. (Kính đọc trại thành kiếng.)

⁷ Cảm ứng: Cảm là con người xúc động tới Thần Minh; ứng là Thần Minh đáp lại con người. Đây là hai chiều tương tác qua lại.

⁸ Mẫn huệ: Sáng suốt, mau hiểu rõ.

⁹ Tòa Thánh Tây Ninh, 14-4 Quý Dậu (Thứ Hai 08-5-1933).

Con ngày đêm tâm thiềng⁽¹⁰⁾ cầu nguyện

Để diệt trừ vọng niệm ý tà

Từ thời trẻ ráng gần Cha

Nhìn ngay Thiên Nhân thì là thần gom⁽¹¹⁾.

- Thân có ba nghiệp ác là sát sanh, tà dâm, trộm cắp.

- Khẩu có bốn nghiệp ác là vọng ngữ (nói dối), ác khẩu (nói lời ác độc khiến cho người khác đau khổ, buồn tủi...), lưỡng thiệt (hai lưỡi: nói lời đâm thọc, ly gián hai bên), ỷ ngữ (nói lời thêu dệt).

- Ý có ba nghiệp ác là tham, sân, si.

Gộp chung thân, khẩu, ý là mười nghiệp ác.

Thầy còn nhắc chúng ta mỗi khi quỳ cúng hãy nhìn ngay Thiên Nhân, bởi lẽ Thiên Nhân là Thần của vũ trụ, của Thượng Đế. Nhìn Thiên Nhân lúc cúng kính sẽ tiếp nhận được Thần của Thượng Đế, giúp cho Thần của chúng ta được minh linh sáng suốt.

Đức Di Lạc Thiên Tôn dạy về tác dụng giải nghiệp của việc cúng kính như sau:

Sự lễ bái, cúng lạy, quỳ mọp ngoài ý nghĩa trình trọng thi lễ với Phật Trời, lại còn có ý nghĩa câu thúc thân mình trong sự khó khăn để trừ bớt nghiệp thân.

Tịnh khẩu hoặc niệm Phật tụng kinh để trừ bớt nghiệp khẩu.

Nhắm mắt tham thiền hoặc ngó ngay vào tượng Phật hoặc ngọn nhang hay ngọn đèn lưu ly là để trừ lần nghiệp nhãn.

Tham thiền định ý khép chặt không tư tưởng suy nghĩ vẩn vơ phóng túng để trừ lần nghiệp ý.

Thiền định không chấp nhận mọi tiếng động vào tai để trừ lần nghiệp nhĩ.

Tóm lại, tất cả những điều ấy là những phương pháp trợ cho người tu hành được yên ổn trả dứt nghiệp cũ, không gây nghiệp mới và tạo

¹⁰ Tâm thiềng: Tâm thành, lòng thành.

¹¹ Thánh Huân Hiệp Tuyển, bài 106: Giới Định Huệ.

thêm âm chất để làm vốn liếng, sản nghiệp⁽¹²⁾ vô hình cho kiếp lai sanh⁽¹³⁾ hoặc cho ở bên kia thế giới⁽¹⁴⁾.

Vì có nhiều tín hữu đến chùa thất cúng kính với mục đích cầu xin may mắn, lợi lộc riêng tư cho bản thân mình và gia đình mình, nên Đức Quan Âm Bồ Tát khuyên dạy chúng ta cần phải biết thực hành cúng kính trong tinh thần chánh tín:

*Còn cúng lạy niệm danh chư Phật
Ở chùa chiêm tịnh thất thường khi
Từ thời bài sám làm chi
Niệm danh các Đấng làm gì nữa đây?*

*Có người niệm xin Thầy cùng Phật
Cho thánh đường, tịnh thất bình yên
Đó đây trên dưới chùa chiêm
Đừng cho phá hoại, giữ yên mãi hoài.*

*Cho gia đạo trong ngoài an bĩ⁽¹⁵⁾
Cho đàn con ứng thí thủ khoa
Và cho lớn bé trẻ già
Làm ăn thanh mẫu, cửa nhà sum sê.*

*Tôi sẽ nguyện đem về cho Phật
Hoa quả trà chõng chất đầy bàn
Hương thơm, trầm tốt, trà nhang
Rượu lê, trà cúc bĩ bâng thiếu chi.*

¹² Sản nghiệp: Của cải, tài sản.

¹³ Kiếp lai sanh: Kiếp sau.

¹⁴ Trúc Lâm Thiền Điện, 18-7 Kỷ Dậu (Thứ Bảy 30-8-1969).

¹⁵ An bĩ: An ổn và bĩ bâng (đầy đủ, sung túc).

*Xin chư Phật từ bi gia hộ
Cho chồng tôi thi đỗ quan cao
Để cầm vận mạng phong trào
Đi đâu dân chúng chạy sau rần rần.*

*Đó là tu theo phần mê tín
Phật Tiên đâu ưa nịnh ưa dua
Mà đem lễ vật đến chùa
Đặt điều kiện để bán mua Phật Trời⁽¹⁶⁾.*

Đức Quan Âm Bồ Tát còn dạy cho nhơn sanh ý nghĩa chơn chánh của việc cúng kính:

*Tu phải có trau dồi tâm tính
Phải trước tiên quyết định tu chi
Tụng kinh là để làm gì
Ăn chay niệm Phật ích chi cho mình?*

*Không phải Phật thiếu kinh thường dụng
Bảo chúng sanh đem tụng Phật nghe
Tụng kinh như thể nói về
Nghĩa sâu không biết, lối lẽ không thông.*

*Chẳng khác nào nghe ong vò vẽ
Tiếng nhỏ to thỏ thẻ vu vu
Tụng nhiều mới gọi là tu
Đọc nhiều cho Phật, công phu mới nhiều.*

*Đó là tu theo chiều mê tín
Biết bao giờ tâm thánh mở mang*

¹⁶ Giáo Hội Tiên Thiên Minh Đức, 20-9 Đinh Mùi (Thứ Hai 23-10-1967).

*Sách kinh là đuốc rọi đường
Dạy đời học đạo hành tàng⁽¹⁷⁾ thể nào⁽¹⁸⁾.*

*Vì lẽ đó cùng nhau ráng hiểu
Đọc kinh coi Phật biểu làm chi
Ráng làm ăn ở cho y
Tánh tình cùng những hành vi Phật Trời.*

*Đọc kinh rồi hiểu lời Phật dạy
Thì chớ làm trái lại sách kinh
Nếu khi mình đã thông minh
Lâu thông⁽¹⁹⁾ đạo pháp, xem kinh làm gì?⁽²⁰⁾*

Do đó, tác dụng quan trọng nhất của việc cúng kính chính là tu thân sửa mình theo lời kinh dạy để trở thành người chí thiện chí mỹ, hầu có thể giải thoát kiếp phàm phu mà trở thành hiền nhân, thánh nhân hay Thánh Thần Tiên Phật. Do đó, khi đọc kinh thì phải chú tâm vào câu kinh, hiểu rõ ý nghĩa câu kinh để rồi thực hành đúng theo lời kinh dạy.

Ví dụ:

* Bài *Ngọc Hoàng Thiên Tôn Bửu Cáo* có các câu như:

- *Đại La Thiên Đế.*

Đại La là tấm lưới lớn, ám chỉ bầu trời rộng, che khắp, ngụ ý bảo rằng “Lưới Trời lồng lộng, tuy thưa nhưng khó lọt”, ám chỉ luật Trời hay luật Thiên Điều thưởng phạt rất công minh. Mọi việc làm của con người nơi thế gian đều không thể qua được luật Thiên Điều. Vậy, khi đọc câu kinh này, chúng ta tự nhắc nhở mình không được làm điều tội lỗi, xấu ác.

- *Càn kiện cao minh, vạn loại thiện ác tất kiến.*

¹⁷ Hành tàng: Lúc vận động, hiển bày (hành); lúc ẩn kín (tàng).

¹⁸ Thể nào: Thế nào, ra sao.

¹⁹ Lâu thông: Hiểu rõ từ đầu tới cuối, thông suốt tất cả.

²⁰ Giáo Hội Tiên Thiên Minh Đức, 20-9 Đinh Mùi (23-10-1967).

Càn kiện: Âm chi Đạo Trời cương kiện, mạnh mẽ.

Cao minh: Vô cùng sáng suốt.

Vạn loại thiện ác: Tất cả mọi điều lành dữ, tốt xấu của muôn loài.

Tất kiến: Nhìn thấy thấu suốt, rõ ràng; nhìn thấy hết tất cả. Câu kinh này có ý nói Trời vô cùng sáng suốt, thấy biết hết tất cả mọi điều lành dữ, thiện ác của muôn loài vạn vật.

Hai chữ *tất kiến* gợi nhớ câu nói dân gian: Trời cao có mắt. Đó cũng là nghĩa lý của thánh tượng Thiên Nhân. Thế nên, khi đọc đến câu kinh này, chúng ta tự nhắc mình rằng mọi việc ta làm, dù trong bóng tối, dù nơi vắng vẻ không người, Trời đều biết hết.

Trong *Cổ Học Tinh Hoa*, hai tác giả Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc và Tỉnh Trai Trần Lê Nhân kể lại câu chuyện của một vị quan thanh liêm thuở xưa tên là Dương Chấn.

Dương Chấn được bổ làm thái thú quận Đông Lai. Trên đường phó nhậm đi qua Xương Ấp. Quan huyện ở đấy là Vương Mật, trước kia được Dương Chấn đề bạt. Thế nên đợi đêm khuya, Vương Mật đem vàng đến tạ ơn.

Dương Chấn bảo: “Trước đây tôi biết ông là người khá, mới tiến cử ông. Thế mà ông vẫn chưa biết bụng tôi, còn đem vàng tới cho tôi ư?”

Vương Mật cố nài, thưa rằng: “Xin ngài cứ nhận cho. Bây giờ đêm khuya không ai biết.”

Dương Chấn nói: “Trời biết, đất biết, ông biết, tôi biết, sao lại bảo là không ai biết!”

Nghe vậy Vương Mật xấu hổ, lui ra.

- *Huyền phạm quảng đại. Nhứt toán họa phước lập phân.*

Huyền phạm: Cái khuôn mẫu nhiệm, ám chỉ luật tắc của Tạo Hóa.

Quảng đại: Rộng lớn. *Nhứt toán:* Một sự toan tính trong lòng. *Họa phước:* Điều tai họa và phước lành. *Lập phân:* Phân định rõ ràng.

Câu kinh này có ý nói: Hễ con người vừa nảy sinh một ý nghĩ, mưu toan, dù chưa thi hành mà luật Trời đã phân định tội hay phước cho nghiệp ý đó rồi. Kinh sách có câu: *Nhơn tâm sanh nhứt niệm, Thiên địa tất giai tri.* (Lòng người vừa khởi sinh một ý niệm, Trời đất liền biết ngay.)

Đọc câu kinh này, chúng ta tự nhủ mình phải cẩn thận ngay từ trong tư tưởng, suy nghĩ của mình, đừng toan tính những chuyện xấu ác, dù chưa thực hiện thành hành động nhưng luật Thiên Điều đã ghi nhận và phân định họa phước cho mình rồi.

- *Nhược thiệt nhược hư, bất ngôn nhi mặc tuyên đại hóa.*

Nhược thiệt nhược hư: Như thực như hư, như có như không, không thể lường biết được.

Bất ngôn: Không nói năng chi, im lặng.

Nhi: Nhưng mà.

Mặc tuyên: Lặng lặng phô bày ra.

Đại hóa: Sự sinh hóa to lớn, ám chỉ toàn thể sự vận hành trong vũ trụ không có lúc nào ngừng nghỉ.

Câu kinh này có ý nói tuy Trời im lặng, như hư như thật, nhưng lại phô bày ra cả đại cuộc vận hành sinh sôi nảy nở của vũ trụ.

Đức Khổng Tử nói (*Luận Ngữ*, thiên Dương Hóa, câu 19): *Thiên hà ngôn tai! Tứ thời hành yên, bách vật sanh yên. Thiên hà ngôn tai!* (Trời nào có nói gì đâu thế mà bốn mùa thay đổi, muôn vật sinh thành. Trời nào có nói gì đâu!)

- *Thị không thị sắc, vô vi nhi dịch sử quần linh.*

Thị không thị sắc: Là không là sắc, có hình tướng và không có hình tướng.

Vô vi: Làm mà không để ai thấy hoặc biết việc mình làm.

Nhi dịch sử quần linh: Nhưng mà sai khiến vạn linh.

Câu kinh này có ý nói Trời rất thần diệu, không ai nhìn thấy hoặc biết được việc Ngài làm, nhưng tất cả vạn linh đều do Ngài sai sử.

Đọc đến hai câu kinh *Nhược thiệt nhược hư, bất ngôn nhi mặc tuyên đại hóa / Thị không thị sắc, vô vi nhi dịch sử quần linh*, chúng ta tự nhắc mình hãy noi theo gương của Trời: Làm việc, mang lại phúc lợi cho vạn vật chúng sanh mà nào có kể công chi. Mỗi khi chúng ta làm được công quả gì, giúp ích được cho ai, chúng ta cũng đừng khoe khoang, kể công mình. Đó chính là làm công quả trong tinh thần vô tư, vô công, vô cầu, vô danh, như Đức Chúa dạy rằng “*đừng cho tay trái*

biết việc tay phải làm” (Mátthêu 6:3).

- Thời thừa lục long du hành bất tức.

Thời: Tùy thời cơ, hoàn cảnh.

Thừa: Cối.

Lục long: Sáu rồng.

Du hành: Đi lại.

Bất tức: Không ngừng nghỉ.

Theo nghĩa đen, *Thời thừa lục long du hành bất tức* có nghĩa là Trời cối sáu rồng đi đi lại lại không ngừng nghỉ. Theo nghĩa bóng, sáu rồng ám chỉ sáu hào dương của quẻ Kiền (tượng trưng cho Đạo Trời). Thế nên, câu kinh này có ý nói Đạo Trời vốn cương kiện, mạnh mẽ và vận hành khắp cả vũ trụ không một phút giây ngừng nghỉ. Đại Tượng Truyền quẻ Kiền có câu: *Thiên hành kiện, quân tử dĩ tự cường bất tức*. Nghĩa là người quân tử luôn kiên cường mạnh mẽ không ngừng nghỉ như Đạo cương kiện của Trời⁽²¹⁾.

Trong giới tu hành có câu: *Học Phật nhất niên, Phật tại nhãn tiền; học Phật lưỡng niên, Phật tại đại diện; học Phật tam niên, Phật tại Tây thiên*. (Học Phật một năm, Phật ở trước mắt; học Phật hai năm, Phật trong chánh điện; học Phật ba năm, Phật tại Tây phương.) Nghĩa là lúc mới nhập môn vào tu thì hăng hái siêng năng, lúc nào cũng thấy có Đức Chí Tôn ngay trước mặt. Dần dần chảnh mắng biếng lười, khi vào chánh điện cúng kiếng thì mới nhớ đến Thầy, giải đãi riết rồi không còn nhớ đến Thầy đến Đạo nữa, Thầy ở xa tít trên chín tầng mây⁽²²⁾.

Thế nên, khi đọc câu kinh “*Thời thừa lục long du hành bất tức*”, chúng ta tự nhắc nhở mình hãy siêng năng tu học hành đạo, tinh tấn không ngừng nghỉ, dù có gặp gian lao khổ đảo thử thách cũng không thối chí nản lòng.

²¹ Phần giải thích ý nghĩa các câu kinh nêu trên được trích từ: Huệ Khải, Tìm Hiểu Ngọc Hoàng Thiên Tôn Bửu Cáo. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2010. (Quyển 16-2 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo.)

²² Xem thêm: Huệ Khải, Gần Và Xa, in trong Nẻo về Tâm Linh. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo 2014, tr. 35-38. (Quyển 84-1 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo.)

* Bài *Ngũ Nguyên*, câu nguyện thứ ba: *Tam nguyện xá tội đệ tử*.

Chúng ta cầu xin Thầy tha thứ lỗi lầm cho mình thì mình cũng phải biết tha thứ lỗi lầm cho người khác. Vậy, mỗi khi đọc đến câu kinh này, chúng ta nhớ mở rộng lòng khoan dung tha thứ cho nhau.

Đức Quan Âm Bồ Tát dạy:

Chư hiền đệ muội! Ai cũng thường cầu nguyện Thiên Liêng, Trời Phật phò hộ cho mình, cho gia đình được an bình hạnh phúc, nhưng có bao giờ cầu nguyện cho mình đủ dạ từ bi để sẻ chia, để thông cảm, xử sự với tha nhân như Đức Chí Tôn đối với chư hiền đệ muội không?⁽²³⁾

Qua một số ví dụ trên đây, chúng ta có thể thấy rõ ích lợi quan trọng nhất của việc cúng kính là giúp cho chúng ta tu sửa thân tâm của mình theo lời kinh dạy để trở nên người chí thiện chí mỹ. Đức Đại Tiên Ngọc Lịch Nguyệt dạy:

*Đến chùa thất rửa lần tội lỗi
Nghe kệ kinh tắm gội linh hồn*⁽²⁴⁾.

Sau cùng, chúng ta hãy ghi nhớ lời Đức Thiên La Đạo Nhơn⁽²⁵⁾ khuyên bảo:

*Các thời cúng mõ chuông kinh kệ
Phải thành tâm hiến lễ nghiêm trang
Đừng miệng thì đọc rớt⁽²⁶⁾ oang oang,
Tâm phóng ngoại cả ngàn cây số
Kèm tâm tán hướng về một chỗ
Tai lóng nghe cho rõ tiếng kinh
Thân quỳ ngay, chẳng chút nghiêng chình
Hai mắt đứng chú nhìn Thiên Nhãn*⁽²⁷⁾.



²³ Thánh thất Nam Thành, 14-10 Canh Tuất (12-11-1970).

²⁴ Vĩnh Nguyên Tự, 07-01 Ất Tỵ (08-02-1965).

²⁵ Thiên La Đạo Nhơn: Thánh danh Lê Văn Nghĩa (1881-1972), thánh danh Thiên La Tinh, làm Đầu Họ Đạo thánh tịnh Ngọc Minh Đài. Xem tiểu sử của ngài trong Đạo Uyển Xuân 2018, tr. 22-38.

²⁶ Đọc rớt: Đọc xuôi rớt, không vấp vấp.

²⁷ Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 01-01 Giáp Dần (23-01-1974).

Học Đức Khiêm Nhường từ Chúa Ba Ngôi

TRƯƠNG DUY

Từ ngày mới khai Đạo, Đức Chí Tôn đã dạy:

“Các con coi bậc CHÍ TÔN như Thầy mà hạ mình đặng độ rồi nhơn sanh là thế nào, phải xưng là một vị TIÊN ÔNG và BỒ TÁT hai phẩm chót của Tiên Phật. Đáng lẽ thế thường phải để mình vào phẩm tối cao tối trọng; còn Thầy thì khiêm nhường là thế nào? Vì vậy mà nhiều kẻ môn đệ cho Thầy là nhỏ... Cười.

Hạnh khiêm nhường là hạnh của mỗi đứa con phải noi theo gương Thầy mới độ rồi thiên hạ đặng. Các con phải khiêm nhường sao cho bằng Thầy...”

(TNHT, Đàn cơ 05-8 Bính Dần)

Sau này, Đức Chí Tôn còn nhiều lần dạy về đức khiêm nhường vô cùng thực tiễn, rất tâm lý; chẳng hạn như trong lĩnh vực giữ gìn tư cách, phong thái giao tiếp, đối đãi nhau trong tình huynh đệ, nghĩa đồng bào, Thầy khuyên bảo:

“Con tôn trọng, tự cao thành thấp,

Con hạ mình, thấp trở nên cao;

Đừng xưng con đáng kiết hảo,

Nhân sanh chẳng chuộng làm sao tán thành!”.

Qua đó, chúng ta thấy, Chúa Ngôi Một (Đức Chí Tôn) trong Kỳ Ba cứu thế đã nhắc lại ý trong dụ ngôn của Đức Jésus Christs, nhưng cách hành văn thì cô đọng và có vần điệu; còn bút pháp thì chọn tính phổ quát và sự thực tiễn, gần gũi với đời thường (như đoạn thi trên) làm môn sinh của Ngài dễ hiểu, dễ thuộc, dễ nhớ và dễ tri hành với phạm vi rộng hơn. Dụ ngôn của Chúa Ngôi Hai vừa đề cập ở trên là:

“Người nhận thấy khách dự tiệc cứ chọn chỗ nhất mà ngồi, nên nói với họ dụ ngôn này;” Khi anh được mời đi ăn cưới, thì đừng ngồi vào chỗ nhất, kẻo lỡ có nhân vật nào quan trọng hơn anh cũng được mời, và rồi người đã mời cả anh lẫn nhân vật kia phải đến nói với anh rằng: “Xin ông nhường chỗ cho vị này”. Bấy giờ anh sẽ phải xấu hổ mà xuống ngồi chỗ cuối. Trái lại, khi anh được mời, thì hãy vào ngồi chỗ cuối, để cho người đã mời anh phải đến nói: “Xin mời ông bạn lên trên cho”. Thế là anh sẽ được vinh dự trước mặt mọi người đồng bàn. Vì phàm ai tôn mình lên sẽ bị hạ xuống; còn ai hạ mình xuống sẽ được tôn lên.”

(Hãy ngồi chỗ cuối - Lu-ca 14,12 KTTU tr. 245/ 2006)

Điều khó hiểu là tình trạng này Chúa đã cảnh báo cách đây hai nghìn năm rồi mà trong các lễ khánh thành, các kỳ đại hội của thời đương đại, một số ban tổ chức có liên quan không thể tiên liệu được số lượng từng thành phần tham dự để rồi phải kéo lên, xô xuống một cách “khó coi”, điều mà Chúa gọi là *“...sẽ phải xấu hổ”* đấy!

Mà thôi, điều xấu hổ này rồi cũng sẽ “buông”, cũng sẽ quên. Dù gì đi nữa cũng sẽ được thôi! Cái khó ở đây là huynh đệ mình phải “buông”, nói đúng hơn là phải *“chuyển hóa”* cái tính ngã mạn để học **đức khiêm nhường** mà Chúa Ba Ngôi đã từng khuyên dạy (từ *“Chúa Ba Ngôi”* (Holy Trinitri) đã được đem ra mổ xẻ bắt đầu từ thế kỷ thứ tư, cho đến nay vẫn chưa được thống nhất hoàn toàn. Nhưng ở bài viết này, chúng ta không thể hiểu theo ý đó, mà tham cứu về Ngôi Chủ Tể Càn Khôn, Ngôi Pháp và Ngôi Thánh Linh! Thật ra, cũng chỉ là quan niệm mà thôi, chứ thực chất cũng chẳng khác nhau mấy! Mẫu số chung để xóa đi cái ranh giới dị biệt là: *Một là tất cả, tất cả là một!*)

Cái “một” mà huynh đệ mình dễ thấy nhất là: Phật đã dạy đức khiêm nhường, Chúa đã dạy đức khiêm nhường, các Thánh linh trong Tam Giáo cũng đều dạy đức khiêm nhường!

Vậy, đức khiêm nhường có vị trí về giáo dưỡng ra sao mà Ôn Trên quá coi trọng như vậy? Học nghiệm lời dạy của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế sau đây, chúng ta sẽ hiểu rõ:

“Các con lấy sự khiêm nhường mà đón những gì cao thượng hay

ho của các dòng giáo pháp. Cốt là trau dồi đạo đức lập công tu hạnh đủ đầy thì Thầy sẽ trọng dụng các con. Ngày gần đến đây, vì lý trí tài năng sức mạnh con người dầu gia tăng gấp lên bao nhiêu đi nữa cũng không thể đem hạnh phúc cho đời mà còn gây thêm họa loạn, sao bằng trí tuệ chơn tâm. Mà sao các con quên, tự thân xao lãng công phu làm Thánh.

Thầy đã nói phước huệ đồng tu, mà thiên hạ cầu phước mấy ai cầu huệ”.

(TTTH GP, 08-6 Kỷ Dậu)

Huynh đệ mình biết rõ lời Thầy dạy rồi đó, như tách trà đầy của Thiền sư Nan-in, nước đã tràn trề làm sao chứa thêm được nữa? Cũng vậy, nếu muốn học Đạo, chứ chưa nói đến việc luyện đạo cho được viên mãn, nhằm đem lại niềm an lạc cho mình, cho đời thì trước nhất phải biết buông bỏ cái tính ngã mạn, kiêu căng để lòng được rộng rang, thanh bạch mới đón được Thánh Ân!

Cái phàm ngã mà chúng ta vừa đề cập còn mang lại sự phá hoại khôn lường. Đức Trần Hưng Đạo thuở còn sinh tiền, đang nắm binh quyền trong tay, Ngài đã thấy rõ điều đó nên đã ra sức vun bồi tính khiêm cung như việc tự tay tắm cho Trần Quang Khải trong lúc vương tộc còn đang áp ủ mầm móng tranh đoạt địa vị và nghi ngờ lẫn nhau; như việc sau những chiến công oanh liệt, sau khi Ngài đã được củng cố niềm tin trong giới quý tộc và nhân dân, nhà vua trao toàn quyền quyết định cho Hưng Đạo Vương, nhưng không bao giờ Ngài sử dụng cái đặc quyền ấy. Chính nhờ phẩm chất cao quý và tài thao lược vô song đó mà Đức Thánh Trần đã tập hợp được sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, lãnh đạo toàn quân, toàn dân ba lần đánh đuổi quân Mông Nguyên, bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ, giành quyền tự chủ cho giòng giống Tiên Rồng với những thắng lợi vang dội, vẻ vang. Đức kết kinh nghiệm đó, thành quả đó, bảy trăm năm sau, khi là Tổng Lý Vô Vi Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài, Ngài dạy về sự nguy hại vô cùng của người Hướng Đạo thiếu khiêm cung như sau:

*“Hướng Đạo còn cái ta lủ khủ,
Còn sân si, tự phụ, kiêu căng;*

*Ngoài ta thiên hạ ai bằng,
Khả năng học thức, khả năng thiên tài.
Đem cái ta mà sai sử Đạo,
Hóa cho nên chánh giáo thất truyền;
Xưa nay các bậc Thánh Hiền,
Lấy tâm Thiên địa tự nhiên dạy người”.*

(Trần Hưng Đạo, TTTH, 15-7 Đ Đ 48)

Đã còn “*cái ta lủ khủ*” thì đâu có chỗ cho con đường thuần chơn vô ngã! Giống như đồng bằng ven biển, thời gian khô hạn càng dài thì sự xâm nhập mặn càng sâu; con đường thuần chơn vô ngã nhạt mờ thì cái “phàm tính cá hữu” xuất hiện và lớn dần qua năm tháng; ngày càng rõ mòn một! Nếu nó càng đậm nét thì sự phá hoại càng gia tăng. Sự tác hại này phát triển một cách tự nhiên với quy luật “đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu”! Thế là sinh lực của Đại Đạo bị chết dần mòn, chơn truyền bị mờ ám, Ánh Sáng Đạo lý cũng sẽ chìm ngấm vào bóng tối mịt mù của vô minh che phủ! Trang sử Đạo của Trung Hưng đã ghi lại bao nỗi thăng trầm của nạn phái phe bành trướng là minh chứng hùng hồn cho lời dạy của Đức Thánh Trần trong Đàn cơ 01-7 Đ Đ 30:

“Nạn phái phe là một tai vạ lớn lao, chẳng những mang tội với người, mà với luật pháp Thiên điều chẳng nhỏ. Phái phe đã giết chết bao nhiêu sinh lực của Đại Đạo lắm rồi, đã làm mờ ám chơn truyền, không còn chiếu sáng, đã đưa lại ngờ vực cho nhơn loại, đã lộ tướng chia rẽ bất bình, dù chơn truyền Đạo Pháp Chí Tôn có giữ vào tay cũng bị phân đông các Hiền trong phái phe đã đem cái phàm tính cá hữu mà che lấp con đường thuần chơn vô ngã”.

Chúng ta có thể nghiệm sâu hơn một chút: Chơn Đạo dẫn ta đến con đường Thuần chơn vô ngã. Đó là hành trình hòa nhập vào Đại Ngã, tức là giải thoát, là đến Thiên Đàng, Cực Lạc! Mà, ví dụ, huynh đệ mình còn vì “ta” với sự đủ đầy của khôn ngoan lý trí thì chưa đúng đường đâu! Đó là lời cảnh tỉnh của Đức Lý Thái Bạch trong Đàn cơ 01-1 Đ Đ 30:

“Thầy có nói: Thầy dùng đủ pháp môn, và cũng do sự kết tập được nhơn duyên mà dùng phương tiện để trao truyền bí pháp. Cũng có thể

nói cái gì xây dựng bằng khôn ngoan lý trí, thì không bao giờ tồn tại. Chừng nào mọi người vô tư vì Đạo, nghĩa là tất cả ý nghĩ việc làm lời nói đều không dính dáng vì ta (ngã) thì ý ấy, việc ấy, lời ấy mới đúng”.

Đồng đạo mình thường vấp phải ý nghĩ, việc làm, lời nói **dính dáng vì ta** nên từ đó sinh ra ngã mạn; rồi cũng từ đó mà xảy ra nhiều việc tranh chấp trong Đạo. Đó đây đều xảy ra việc tranh phẩm, tranh chức, tranh quyền. Đâu phải tranh để mà lập công gì cho cam! Tiếc thay, họ tranh cho bằng được, dù phải sử dụng chiêu thức bá đạo nhất, nhằm thỏa mãn cái “ta”! Con đường Đạo mà “*nan minh*” như thế, thì người đòi dễ gì tìm được ánh sáng mà vào? Huynh đệ mình thử nghĩ coi: Ngoài đời thì “đòn dập tai ương”, vào Đạo thì gặp lắm “*nhieu nhuong*” do tánh ngã mạn mà ra; Thế là sao? Nếu mình chỉ là con người thuần túy thì gặp cảnh này cũng đau xé lòng đi chứ! Hy vọng sau này, đây chỉ là lời cảnh tỉnh của Thầy mà thôi:

*“Đời đã lắm tai ương đòn dập,
Đạo còn mang tranh chấp giả hình
Duy nguy Đời Đạo Nan minh
Sống mê nhồi khúc, sống tình nhiều nhuong”.*

(NHTĐ, TTCTG 15-8 Tân Sửu)

Cái ngã mạn khi đang phát khởi, thì chính chủ thể đó liền thấy nó cũng hấp dẫn chẳng khác nào quả dâu đang độ chín muồi rất đổi thơm tho, ngọt lịm; Ai mà chẳng thèm thuồng, muốn vớ tay hái, ăn liền? Nhưng mà có biết đâu, ngày đêm cứ đi qua, đi qua,... rồi vô thường cũng sẽ đến! Không qua được bờ giác, cứ lẩn quẩn nơi bến mê thì làm sao khỏi rơi vào hiểm họa đang rập rình ở dưới vực sâu? Chuyện ngụ ngôn sau đây phản ánh nhiều mặt của cuộc sống vô minh, trong đó có nghiệp dẫn của phàm ngã, thiếu khiêm cung:

“Phật kể một ngụ ngôn trong Kinh:

Một người đàn ông băng qua một cánh đồng, gặp một con cạp giữa đường. Anh ta chạy trốn, cạp đuổi theo. Đến một vực sâu, anh nắm được rễ nho và đu mình sang bên kia. Cạp ở trên dọa anh ta. Sợ hãi, người đàn ông nhìn xuống, dưới xa, một con cạp khác đợi anh ta. Giúp anh ta chỉ có dây nho.

Hai con chuột một trắng một đen, từ từ bắt đầu gặm mòn rễ nho. Người đàn ông nhìn thấy một trái dâu thơm ngon gần đó. Một tay nắm dây nho, một tay thò qua hái trái dâu. Ôi, trái dâu mới ngon ngọt làm sao!

(Giai thoại thiền - Viên Đức)

Ở ngụ ngôn này, dựa vào phạm trù phạm ngã mà hiểu: Rễ nho là quãng đời của mỗi một kiếp nhân sinh, hai con chuột một trắng một đen ám chỉ cho ngày và đêm cứ miệt mài gặm nhấm quãng thời gian quý báu đó; Còn quả dâu chín, ngon ngọt trong tầm tay với của người đàn ông chính là chủng tử của mọi thứ tham dục kết tụ mà hình thành, trong đó có một phần của ngã mạn, thiếu khiêm cung! Ôi, nếu người ăn dâu không kịp thời thức tỉnh, bằng quên việc cấp bách là phải gấp rút sang bờ bên kia (bến bờ giải thoát), thì đến lúc rễ nho đứt, việc gì sẽ xảy ra? Liệu ta cứ mãi mê đắm chìm trong phạm ngã cho đến lúc “chung mạng đứt hơi hồn xuất, quỷ vô thường đến chực đem đi” thì ta sẽ được gì?

Ở trên, chúng ta vừa sử dụng cụm từ “kịp thời thức tỉnh”, Ai mà không ý thức được điều này, có đúng không? Nhưng mà, ranh giới giữa thức tỉnh và tỉnh thức còn xa xôi lắm!

Thôi, ta cứ lấy ví dụ một người nghiện thuốc đi. Nào ai không biết hút thuốc là có hại đến sức khỏe? Biết thì biết thế nhưng bỏ thuốc có dễ hay không khi mình đã nghiện ngập?

Vậy đó! Biết hút thuốc thì có hại đến sức khỏe: là thức tỉnh; còn bỏ thuốc không bao giờ dùng đến nó nữa: là tỉnh thức! Tương tự như thế, từ chỗ biết ngã mạn là có hại như vừa nêu trên, đến việc tập rèn tính khiêm nhường là quá trình giồi luyện dài lâu và đầy gian nan thử thách. Điều này thường xuyên diễn ra trong cuộc sống đời thường; Chẳng năm mười phút trước, sau khi tụng bài Hồng Thệ, mình vừa nhủ lòng: Thôi, từ nay ta phải “*Vẹn gìn cử chỉ nói năng...*” để cho “*Tình trong ý lặng dạ thiền tâm không...*”. Vậy mà, khi gặp chuyện bất bình hoặc nghe câu nói không vừa lòng là nổi cáu liền! Thậm chí có người còn la lối om sòm ở nơi cần trang nghiêm thanh tịnh nữa chứ!

Sở dĩ huynh đệ mình gặp phải tình huống trên là vì “*con nghiện ngã mạn*” nó cám dỗ đấy! Mà ai không bị cám dỗ? Đến Đức Thích Ca, Đức Jésus còn bị cám dỗ nữa là! Để vượt lên lực hấp dẫn đó, điều

thiết yếu là mình phải có khả năng lựa chọn con đường vinh quang ít ra cũng tương xứng với lực hấp dẫn! Ví dụ: Ngài Cồ Đàm chọn con đường đắc Đạo để độ dẫn chúng sanh thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi; Nguyên lực này có giá trị vinh quang hơn là ba cô gái tuyệt đẹp do Ma Vương sai đến để mê hoặc. Đức Jésus thì bị chiêu dụ theo cách khác; Ngài phải chạm trán với nguyên lý Lucifer (nguyên lý thách thức loài người chúng ta). Ngài bị cám dỗ “trao quyền thống lãnh toàn cầu, quyền được hiện thực hóa, thỏa mãn tất cả những gì Ngài có thể nghĩ ra”. Vâng, Ngài đã dễ dàng vượt lên sự cám dỗ hấp dẫn đó nhờ sứ mạng cứu chuộc loài người!

Còn chúng ta, nếu có ai đó đang bị “con nghiện ngã mạn” thì sao?

Thưa, cũng với công thức ấy! Nhưng ta phải biết củng cố *sức mạnh nội tại* cơ! Với vấn đề này, chúng ta phải tu tánh luyện mạng một cách rất ráo để có “đủ lực cân xứng” mà lựa chọn con đường vinh quang! Sở dĩ có một số vị đã lên Tâm Châu, Tam Bảo rồi mà còn ngã mạn là vì chưa “đủ lực cân xứng” để đương đầu với những “thách thức ngọt ngào”!

Nhiều trải nghiệm cho ta thấy “sức mạnh nội tại” không thể và không bao giờ “diệt trừ” tận gốc được tính ngã mạn, mà chỉ hiểu từ diệt trừ theo hướng chuyển hóa mà thôi. Osho đã chọn được hình ảnh đặc địa để làm vẻ so sánh cho việc “diệt trừ” và “chuyển hóa”. Hình ảnh so sánh này là: khi ta lấy tảng đá để chặn dòng suối, thì dòng suối ấy sẽ không mất đi, mà bằng cách nào đó, nó sẽ chảy sang một hướng khác. Việc xén đi những chiếc lá trên cây cũng có sự thay đổi tương tự! Đoạn viết sau đây của ông có lẽ rất ích lợi cho việc chuyển biến tâm linh:

“Tôi không tin tính cách con người là tất cả. Niềm tin của tôi nằm ở ý thức. Nếu một người trở nên có ý thức hơn, đương nhiên tính cách anh ta sẽ thay đổi. Sự chuyển biến ý thức tôi muốn nói ở đây không phải do bộ óc điều khiển mà là sự chuyển biến từ bên trong. Khi nào tính cách của bạn phát triển một cách tự nguyện và tự nhiên, nó sẽ phát ra một vẻ đẹp bí ẩn riêng. Nói cách khác, bạn luôn ở trong thể chuyển hóa. Bạn có thể bớt đi sự tức giận, nhưng bạn sẽ làm dịu đi cơn cuồng nộ của mình ở chỗ nào? Bạn sẽ phải tiêu trừ nó trong cõi

vô thức của bạn. Bạn sẽ bước sang một phía khác trong đời mình, song bất cứ điều gì bạn vứt bỏ đi cũng sẽ bắt đầu hành trình của chúng ở một góc độ khác. Chắc chắn là như thế. Khi bạn chặn dòng suối bằng một tảng đá, dòng suối ấy sẽ tìm cách chảy về phía nào đó mà bạn không thể hủy diệt được. Con tức giận vẫn ở đó, lòng tham vẫn còn đó, tính ích kỷ và đố kỵ vẫn còn đó bởi vì bạn vẫn chưa ý thức sâu sắc tất cả những vấn đề này.

Vì vậy, tôi không quan tâm đến việc bạn còn tức giận hay không giống như việc xén đi những chiếc lá từ cái cây và hy vọng một ngày nào đó cái cây sẽ biến mất. Nó sẽ không bao giờ biến mất đâu, ngược lại, càng tỉa tót thì lá càng lên xanh...”

Nhiều người cho rằng: Ngã mạn là một trong những tính xấu cần phải cố gắng bỏ gấp. Không đâu! Không thể gấp được đâu! Làm một việc gì cũng cần phải có thời gian, nói chi đến việc chuyển hóa một thói xấu. Nói cách khác, muốn chuyển hóa tánh ngã mạn thì huynh đệ mình **không cần phải gắng gượng**. Vì gắng gượng chẳng khác nào lấy tảng đá mà chặn dòng suối! Vậy thì làm sao? Thưa, đừng nghĩ nhiều về “ta” nữa! Thay vào đó là nghĩ về con đường vinh quang như hồi hướng về Thầy, rèn Tánh Không... chẳng hạn. Kinh nghiệm của Nijinsky rất thú vị về việc tập luyện:

Nijinsky, một trong những nghệ sĩ múa lừng danh nhất thế giới. Ông từng có những động tác nhảy tuyệt diệu như trong huyền thoại, đến nỗi người ta có cảm giác ông thoát khỏi sức hút của trái đất. Điều thần kỳ là cách ông rơi xuống mặt đất, như một chiếc lá: chậm rãi, nhẹ nhàng. Cách chạm đất của Nijinsky bình dị, không vội vã, bởi chẳng có gì để ông cố bám lấy cả. Một chiếc lá rơi khỏi cành còn nhanh hơn bước chân của Nijinsky. Ông rơi như một lông chim, không một tiếng động.

Rất nhiều người hỏi: Sao ông có thể làm được như thế?

Nijinsky trả lời: Tôi có làm gì đâu. Nếu *gắng gượng* làm, tôi chẳng bao giờ thành công, càng cố gắng bao nhiêu, tôi càng thất bại bấy nhiêu. Tôi nghiệm ra một điều: Điều kỳ lạ chỉ xảy ra khi tôi không cố gắng, không nghĩ nhiều về nó. Khi tôi “vắng mặt” thì điều kỳ lạ đến.

Còn khi tôi bắt đầu suy nghĩ tại sao nó diễn ra thì ngay lập tức điều kỳ diệu không còn nữa; Tất cả đã ra đi, và tôi trở lại mặt đất.

Từ đó suy ra: Chuyển tâm khiêm nhường không buộc phải gắng gượng và đừng nghĩ đến cái “ta”. Chỉ cần một việc duy nhất là nghĩ đến con đường vinh quang sao cho tương xứng với lực hấp dẫn của thỏa mãn cái “tôi”!

Chắc chắn là như vậy. Khi ta có tâm ngã mạn thì không thể diệt trừ nó được, mà phải “*tìm cách*” để chuyển hóa có hiệu quả! Tìm cách có nghĩa là lựa chọn phương thức đối trị. Bởi vì có nhiều dạng thức của cái “ta” lắm! Như “ta đây” để thỏa mãn tính tự cao, tự đại, tự phụ, tự đắc; “chỉ có ta” để thể hiện tính độc tôn, không ai bằng; “ta là...” để biểu thị sự khoe khoang, bốc phét...

Những phương thức chuyển hóa thông thường là:

Trước nhất, phải tuân theo lời dạy của Thầy, đó là kính trọng người. Phải biết kính người để chuyển hóa tính “ta đây” thành đức tính cao quý: hiền đức, khiêm hạ, công cộng hiệp hòa, gần gũi chúng sanh. Có thế thì nhân sanh mới ưa, mới quý. Chúng ta mới giúp Thầy mà cứu độ sanh linh chứ!

*“Người hiền đức không cần danh vọng,
Làm thì ưa công cộng hiệp hòa,
Kính người quên phứt đến ta,
Tự nhiên thanh tịnh giọng tà bất sanh”.*

(NHTĐ, ĐTCG, 04-9 Bính Tý)

Nếu không cần danh vọng, thích làm việc chung hơn việc riêng, biết kính trọng và hiệp hòa cùng mọi người thì đâu còn “*bôn chôn tranh lướt theo thói thường tình*”? Được vậy thì chắc chắn sẽ “*quên phứt đến ta*” tức là đã trưởng dưỡng được lòng đạo đức và tánh khiêm cung rồi đây! Đức Lý Bạch đã minh họa lời dạy của Thầy ở trên:

“Nền Đạo lập nên là nhờ có lòng đạo đức và tánh khiêm cung của mỗi môn đệ của Đức Từ Bi. Nếu đập vào nẻo Đạo mà cònボン chôn tranh lướt theo thói thường tình thì dầu có bao nhiêu đạo hữu, bao nhiêu công quả đi nữa, mỗi Đạo chẳng qua là một trường ngôn luận

của thế gian đó thôi, chờ công quả đạo đức mong chỉ thấy sự kết quả xứng đáng chăng?

(Lý Bạch , TNHT, 29 Mai 1927)

Rất may cho huynh đệ mình: Đời có bao nhiêu phiền não thì cũng có bấy nhiêu pháp đối trị. Khi đã có ý thức ngã mạn gây phiền não cho mình cho người thì liền có pháp môn chế ngự. Đó là:

*“Ta phải lấy **khổ hạnh** làm pháp môn chế ngự ý tình, ngã mạn”.*

(Đức Trần Tổng Lý, TTTH 03-2 Mậu Tuất)

Khổ hạnh là pháp môn tiêu biểu của **thân tu** nên Đức Bảo Thọ Thánh Nương cũng đồng quan điểm trên:

*“Thân tu rồi mới vào tu xá,
Thân tu rồi mới hạ kiêu căng;
Thân tu giai cấp ban bằng,
Thân tu chiều sớm luyện rèn cho tinh”.*

(TTTH, 04-11 ĐĐ 33)

Khi giai cấp đã được ban bằng rồi thì đâu còn cái tâm phân biệt! Khi mình ngộ đến chỗ “ta là người, người là ta” rồi thì làm gì còn chuyện ngã mạn? Mà, nếu có thì ngã mạn với ai chứ? Xa gần gì, Đức Quan Thánh Đế Quân cũng ngầm cho ta biết đó là con đường đi đến Tánh Không, con đường giải thoát!:

*“Sao bằng cảnh thanh tao vắng vẻ,
Mới không già, không trẻ chi mà!
Không người mà cũng không ta,
Người là ta đó, ta là người đây”.*

(TTTH, 02-5 ĐĐ 13)

Đó cũng là yếu lý về **không chấp ngã, không dị đồng** của Đức Trần Hưng Đạo dạy cho môn sinh khi muốn bước vào vào Tánh Không:

*“Tâm đã động, tình đời đã động,
Tâm định rồi, tình trống không không;*

*Không chấp ngã, không dị đồng,
Bắc, Nam hiệp một, Tây, Đông chung đường”.*

(TTTH, 11- 7 Đ Đ 45)

Đó không phải là tất cả, mà chỉ là những phương thức tiêu biểu nhằm chuyển hóa tính ngã mạn thành tính khiêm nhường mà Chúa Ba Ngôi đã dạy cho chúng ta.

Điều thú vị là: Khi ta đã chuyển thành đức tính khiêm nhường rồi thì điều diệu kỳ không chỉ đến với riêng ta mà còn phát tỏa Ánh Sáng rực rỡ ra chung quanh nữa!

Xem đoạn chia sẻ của Gary Zukav sau đây, huynh đệ mình sẽ cảm nhận sâu hơn về nhận định này:

*“Như vậy, việc bạn tiến hóa hướng về sức mạnh đích thực không chỉ ảnh hưởng đến cá nhân bạn. Khi tần số ý thức của bạn tăng cao, khi ý thức của bạn chứa đựng sự rõ ràng, sáng suốt, tính khiêm nhường, lòng vị tha và tình yêu thương, sóng năng lượng ý thức sẽ càng phát tỏa ra xung quanh. Khi bạn gặp phải những cám dỗ lớn hơn, khả năng đưa ra những lựa chọn có trách nhiệm của bạn cũng lớn hơn. Khi linh hồn của bạn tỏa sáng hơn, khi Ánh Sáng và sức mạnh của bạn gia tăng theo mỗi **lựa chọn có trách nhiệm**, thế giới chúng ta đang sống cũng sẽ rực rỡ hơn”.*

Ông còn khẳng định tiếp:

“Khi bạn chiến đấu với một thói nghiện, bạn đang trực tiếp chữa lành cho linh hồn, trực tiếp giải quyết những vấn đề rắc rối nảy sinh trong cuộc đời bạn. Khi bạn giáp mặt với cuộc chiến diễn ra trong nội tâm, bạn đang đưa mình hướng tới mục tiêu cao nhất. Khi bạn trao Ánh Sáng, chữa lành và phóng thích những dòng năng lượng tiêu cực lẫn khuất sâu trong bản thân, bạn mở đường cho năng lượng linh hồn trực tiếp đi vào và định hình những trải nghiệm, những sự kiện diễn ra trong thực tại vật chất. Qua đó, bạn hoàn tất nhiệm vụ của linh hồn trên Trái Đất.

Đây là sứ mệnh của linh hồn.

Đây là cách thức giúp cho linh hồn tấn hóa. ☯



Tìm hiểu ý nghĩa Kinh Rước Tiên Linh ngày xuân

Tùng Nguyễn

1. Kinh văn.

*Ngày nay bệch trước giai thì,
Đào phù vạm hộ nghinh kỳ tân xuân.
Hà linh chúc tụng chi tuần,
Đồ tồ cung hiến lễ mừng Tiên thân.
Trầm xông tấc đốt hương phần,
Huy hoàng đăng chúc hầu gần Lý đoan.
Trương rau hoa quả trai bàn,
Cung nghinh Thất Tổ linh sàng giáng lâm.
(4 lạy)*

VĂN XƯƠNG ĐẾ QUÂN

2. Tìm hiểu ý nghĩa nội dung các câu kinh.

*Ngày nay bệch trước giai thì,
Đào phù vạm hộ nghinh kỳ tân xuân.*

Bệch trước cũng gọi là *bệch trúc*, *bệch can* hoặc *bệch trượng* có nghĩa là pháo nổ¹. Trong bài thơ *An quán tảo xuân kỳ 1* của Cao Bá Quát có từ này và một vài từ khác trong bài kinh.

*Tam canh chung đoạn kê y ốc,
Lạc lạc sổ gia văn bộc trúc.
Xuất môn quyện ý lập môn khan,
Lộ thiếu đăng hành thất hy chúc.*

Dịch nghĩa:

*Tiếng chuông chấm dứt canh ba, xen lẫn tiếng gà gáy,
Đáy đó mấy nhà nghe tiếng pháo nổ,
Ra cửa, mỗi một đứng tựa cửa ngấm nhìn,
Ngoài đường ít bóng đèn đi, trong nhà hiếm thấy ánh nến².*

Giai thì là thời gian tốt đẹp hoặc thời điểm tốt đẹp³.

Đào phù là lá bùa cảnh đào. Thời xưa vào ngày tết một số nhà treo hai cảnh đào trước cửa, một cảnh viết tên Thần Đồ, một cảnh viết tên Uất Lũy, tên hai vị thần trừ tà ma⁴.

Vạn hộ. Hộ là nhà, như chữ hộ khẩu, hộ dân. *Vạn hộ* là vạn nhà hay nhà nhà.

Hai câu kinh trên có nghĩa là: Ngày nay ở vào thời điểm tốt đẹp, cùng với tiếng pháo nổ, nhà nhà treo lá bùa cảnh đào nghinh đón mùa xuân mới.

*Hà linh chúc tụng chi tuần,
Đồ tô cung hiến lễ mừng Tiên thân.*

Hà linh là bậc cao niên tức người lớn tuổi⁵.

Chi là của⁶.

Tuần là sự lặp đi lặp lại như chữ tuần lễ, tuần hoàn.

Đồ tô là tên một thứ rượu, làm bằng cỏ thuốc pha quế, bạch truật⁷. Trong Lễ Bồn, phần giải nghĩa từ ngữ *đồ tô* có nghĩa là bữa cơm cúng gồm cơm, xôi.

Cung hiến là đồ đem dâng cúng⁸.

Tiên thân cũng đồng nghĩa với *tiên linh* là linh hồn người thân đã qua đời⁹.

Hai câu kinh trên có thể hiểu: Cứ mỗi năm vào thời điểm này người

lớn tuổi trong gia đình, qua mâm cơm dâng lời chúc tụng đến những linh hồn người thân đã mất.

Trầm xông tóc đốt hương phân,

Huy hoàng đăng chúc hầu gần Lý đoan.

Tóc đốt. Tóc là một loại gỗ thơm¹⁰. *Tóc đốt* là đạo ngữ của *đốt tóc* nghĩa là đốt gỗ thơm. *Tóc đốt hương phân* là đốt hương làm bằng gỗ thơm.

Đăng chúc là đèn và nến. Hai từ *đăng* và *chúc* chúng ta đã gặp trong bài thơ *An quán tảo xuân kỳ 1* của Cao Bá Quát nêu ở trên. *Huy hoàng đăng chúc* là đèn nến được thắp sáng rực rỡ long lẫy.

Lý đoan. Lý viết tắt của *Đạo lý*. *Đoan* hay *đoan chính*, *đoan chánh* là ngay thẳng. *Lý đoan* là đạo lý chơn chánh hay là chánh đạo.

Hai câu kinh này tiếp nối lời chúc tụng ở trên. Trong mâm cơm với trầm xông, hương đốt, đèn nến được thắp sáng rực rỡ; qua bầu không khí trang nghiêm trong sạch này, người lớn tuổi trong gia đình mong ước linh hồn người thân gần chánh đạo.

Tương rau hoa quả trai bàn,

Cung nghinh Thắt Tỏ linh sàng giáng lâm.

Trai bàn là bàn với thức ăn chay.

Cung nghinh. *Cung* là phép chấp tay làm lễ, *nghinh* là đón tiếp¹¹.

Cung nghinh là lễ phép chấp tay đón tiếp.

HỆ THỐNG CỬU HUYỀN

1. Ông Sơ của Ông Sơ	(Thỉ Tổ)	Thắt tỏ	THẮT TỎ
2. Ông Cố của Ông Sơ	(Cao Cao Tổ)	Lục tỏ	
3. Ông Nội của Ông Sơ	(Viễn Tổ)	Ngũ tỏ	
4. Cha của Ông Sơ	(Tiên Tổ)	Tứ tỏ	
5. Ông Sơ	(Cao Tổ)	Tam tỏ	
6. Ông Cố	(Tằng Tổ)	Nhị tỏ	
7. Ông Nội	(Nội Tổ)	Nhứt tỏ	
8. Cha	(Phụ thân)		
9. Bản thân			

Linh sàng là bàn thờ người chết.

Giáng lâm chỉ người quyền quý tới nhà, cũng chỉ Thần Tiên đến.

Thất Tổ. Bài viết xin trích dẫn ra đây hệ thống Thất Tổ trong Cửu Huyền Thất Tổ ở Cao Đài Từ Điền của Hiền tài Nguyễn Văn Hồng. Quan niệm này có lẽ phù hợp với bài *Kinh Rước Tiên Linh ngày xuân* chúng ta đang tìm hiểu. Bạn đọc tham khảo trong Từ điền này để biết thêm, vì còn nhiều quan điểm khác về Cửu Huyền Thất Tổ.

Hai câu kinh *Tương rau hoa quả trai bàn, Cung nghinh Thất Tổ linh sàng giáng lâm* tiếp nối lời chúc tụng ở trên. Đây là lời kính mời và lễ phép đón tiếp Thất Tổ, cũng như chư Tiên Linh đến bàn thờ.

Vào ngày Tết, thường là ngày 30 âm lịch, người Việt Nam có mâm cơm cúng những người thân đã mất. Gọi là cúng rước ông bà. Với mong ước những người thân về ăn Tết với mình và phù hộ cho con cháu mạnh khỏe, gia đình bình an hạnh phúc. Ngày nay người Cao Đài tuy không có pháo nổ (bộc trước) hay treo bùa trước nhà (đào phù), nhưng có *tương rau hoa quả trai bàn*, và trên hết là lòng mong ước các bậc Tiên thân của mình hầu gần Lý đoan tức gần Chánh Đạo. Làm tiền đề để về với Đức Thượng Đế Chí Tôn¹². Các bậc Tiên thân của chúng ta, có vị có thể là Tiên, Thánh, nhưng chắc cũng có nhiều vị còn ở những cảnh giới đau khổ như Địa ngục và chịu nhiều tội báo oan gia. Văn tế Tổ phụ qui liễu cho biết điều đó:

*Giọt máu mủ lưu truyền tại thế,
Cháu nhần mong truyền kế lửa hương;
Nguyện cùng Thất Tổ xin thương,
Cho bền gang tấc noi đường thảo ngay.
Xưa¹³ chẳngặng phước may gặp Đạo,
Nay phò trì con cháu tu tâm;
Dâng guơm huệ kiếm xin cầm,
Chặt lia trái chủ,ặng tâm ngôi Thiên.*

*Dầu tội chường ở miền Địa giới,
Dầu oan gia ở ngoại Càn Khôn;
Dầu mang xác tục hay hồn,
Nhớ cầu Từ Phụ Chí Tôn cứu nàn.*

Nhưng việc Tiên thân được Đức Chí Tôn cứu nàn là phụ thuộc vào việc tu hành, sống đạo đức của chúng ta. Văn tế cha mẹ qui liếu:

Chờ con lập đức giúp huân ngôi xưa.



¹. Cao Triều Phát, Lễ Bồn, NXB Tôn giáo, Hà Nội, 2008, Phần giải nghĩa từ ngữ.

². <https://thuvien.datviet.com/an-quan-tao-xuan-ky-1>.

³. Cao Triều Phát, Lễ Bồn, NXB Tôn giáo, Hà Nội, 2008, Phần giải nghĩa từ ngữ.

⁴. Cao Triều Phát, Lễ Bồn, NXB Tôn giáo, Hà Nội, 2008, Phần giải nghĩa từ ngữ.

⁵. Cao Triều Phát, Lễ Bồn, NXB Tôn giáo, Hà Nội, 2008, Phần giải nghĩa từ ngữ.

⁶. Từ điển Hán Nôm, Nguyễn Quốc Hùng.

⁷. Từ điển Hán Nôm, Nguyễn Quốc Hùng.

⁸. Từ điển Hán Nôm, Nguyễn Quốc Hùng.

⁹. Cao Triều Phát, Lễ Bồn, NXB Tôn giáo, Hà Nội, 2008, Phần giải nghĩa từ ngữ.

¹⁰. Cao Triều Phát, Lễ Bồn, NXB Tôn giáo, Hà Nội, 2008, Phần giải nghĩa từ ngữ.

¹¹. Từ điển Hán Nôm, Nguyễn Quốc Hùng.

¹². Kinh Cầu Siêu Âm hồn, Cô hồn có câu:

Độ hồn mau biết ăn năn,

Trở về đạo chánh phi thăng Thiên đàng.

¹³. Nếu tổ phụ đã tu thì tụng: “Xưa đã đăng...”

TU TẬP THEO KINH CẨM ỨNG

Võ Văn Pho

Tu tập theo kinh Cẩm Ứng là quá trình lĩnh hội ý nghĩa thâm diệu của lời kinh để chuyển hóa THÂN, KHẨU, Ý. Người tu tập sửa đổi, chấn chỉnh những lời nói thiếu chuẩn mực, những suy nghĩ chệch choạc, những hành vi va vấp, lỗi lầm... của chính mình và quyết tâm thanh lọc chúng, dần dần tiến đến chỗ đức hạnh, thuần thiện tốt đẹp. Nói cách khác, người tín đồ Cao Đài có thể nương cậy Cẩm Ứng kinh để xây dựng thiện tâm làm ngôi đền kính thờ Thượng Đế.

Kinh Cẩm Ứng vô cùng linh diệu. Hành giả tu theo Chiếu Minh Tam Thanh phải học thuộc lòng trước khi xin keo Thầy để được thọ pháp. Là người học đạo, xưa nay ai ai cũng một dạ kinh tin. Chúng ta thường trì tụng theo phần dịch Nôm nhưng để dễ hiểu và dễ nhớ chúng ta có thể đọc phần diễn nghĩa. Với tất cả lòng thành, cho phép tôi được bày tỏ một vài suy nghiệm của chính mình về ba điểm nhấn ở trong kinh Cẩm Ứng là: THÂN, KHẨU, Ý. Đây là ba yếu tố tạo nên tập nghiệp của đời người. Chúng ta có thể hiểu: **ngiệp** là tổng hòa những tạo tác từ **thân - khẩu - ý**, là con đường gây ra nhân và dẫn tới **quả báo**: “điều họa phước không cửa, tại mình vời đến.”

A. Về THÂN NGHIỆP, có thể chia làm hai phần:

a. Thiện thân nghiệp: là tất cả những hành vi, việc làm tốt đem lại, như chương chứa lành thứ ba nhấn mạnh: “...Đường phải thì đi, đường quấy thì tránh... đừng khi nhà tối mà làm việc trái lẽ. Chứa đức làm cho có nhiều công... Ngay thảo hiếu thuận, sửa mình cho chánh mới dạy người... Loài vật cỏ cây chớ có phá hoại... Mừng cho kẻ làm lành. Giúp người con gấp rút, cứu người lúc nguy hiểm... Dấu sự quấy của người, khen điều phải của người. Chia vật thì xẻ phần nhiều cho người. Chịu nhục mà chẳng oán... Làm ơn đừng trông người trả...” và ngược lại sẽ là:

b. Ác thân nghiệp: gồm hầu hết những tạo tác xấu do thân gây ra như “...làm những điều phi nghĩa, điều trái lẽ, lấy dờ làm hay, nhẩn tâm mà làm hại... dữ tợn hiếp người, phải quấy chẳng xét...Ồ bạo ngược với kẻ dưới.. khi dễ dân trời khuấy rối việc nước...Lấy ngay làm vậy lấy vậy làm ngay... bắn loài bay, đuổi giết loài chạy...Lấy cái xấu đổi lấy cái tốt... Lấy sự giả dối trộn lộn với sự thiệt. Lượm lặt cái lợi gian trá...Nổi giận tranh giành với tình cốt nhục ...Phá đạo cang thường của người... Vui chơi quá độ.....Hại thai phá trứng...” Có thể nói, nội dung kinh đã đề cập khá đầy đủ về những hành động xấu mà thân do vô minh, do thiếu hiểu biết hoặc không kiểm chế được gây ra. “Thiện giả thiện báo, ác giả ác báo”. Chung quanh ta, có không biết bao nhiêu câu chuyện để minh họa cho vấn đề này. Ai gieo gió chắc chắn sẽ gặt bão. Thần thông cũng không thể thoát khỏi nghiệp báo. Đó là nội dung câu chuyện kể về cái chết thê thảm của Đức Mục Kiền Liên. Vì tiền kiếp, ngài quá sợ vợ; sợ vợ đến nỗi phải đem cha mẹ bỏ trong rừng sâu rồi giả làm cướp nhẩn tâm sát hại. Cho nên giờ, đến cuối đời, ngài bị một nhóm cướp tìm đến truy sát. Ngài không nỡ để bọn cướp phạm trọng tội giết người nên dùng thần thông lẩn tránh. Nhưng cuối cùng, ngài nhận ra... đó không phải là cách tốt nhất để giải quyết. Ngài trụ tâm đón nhận sự hành hình: thân xác bị phân ra hàng trăm mảnh.

B. Về KHẨU NGHIỆP: là nghiệp lực do nói năng tạo ra. Để dễ cảm nhận, chúng ta có thể tách làm hai phần:

a. Thiện khẩu nghiệp: Nghiệp tốt do lời nói mang lại. Trong kinh đã chỉ ra hết sức rõ ràng: “Đừng khai sự xấu của người, mà khoe mình hay... Dấu sự quấy của người, khen điều phải của người... Nếu lòng phát niệm lành, tuy lành chưa làm, mà đã có vị Thần lành theo mình đó...”

b. Ác khẩu nghiệp: Những lời nói đưa đến sự chia rẽ, tổn thương, gây đau khổ cho người khác... Trong kinh đã nêu: “...chê bai bạn đồng học... Chửi gió mắng mưa... Dèm siểm phỉ báng người... Chối đổ lỗi... Thấy người thất bại bèn nói xấu người... Thấy người tướng xấu tàn tật mà lại cười chê...Bày lời nói ác độc... Thẻ nguyên sự tục tĩu...

Day vào bếp hát ngâm và rửa khóc... Trù rửa mà cầu ngay thẳng... ..”
Để thấy tác động ghê gớm của lời nói, chúng ta cùng theo dõi một thí nghiệm. Người ta lấy hai cái lọ thủy tinh đã rửa sạch cẩn thận. Sau đó bỏ vào lọ hai phần cơm trắng như nhau, rồi để để phân biệt viết lên nắp: một lọ A và một lọ B. Hằng ngày nói với lọ A những lời tốt đẹp, đại loại như: ta yêu cơm, cơm là hạt ngọc trời, cơm thật đẹp, cơm tốt bụng quá!... Ngược lại lọ B, nói những lời tệ hại: đồ ngu si, không có gì xấu như mày, khốn kiếp hãy cút đi... Sau một tuần, cơm trong lọ A vẫn còn trắng và nguyên vẹn. Ngược lại lọ B, cơm đã chuyển sang màu đen, thiu hôi khó chịu. Thật đáng kinh ngạc phải không! Lời nói ác: nhà tan cửa nát, lời nói ác: chồng vợ lìa xa, lời nói ác: vào nơi tù tội, chỉ một lời nói ác: rơi xuống địa ngục...

C. Về Ý NGHIỆP:

a. Thiện ý nghiệp: là những ý nghĩ, tư tưởng, tình cảm khởi phát trong lòng tốt đẹp, lợi lạc cho tha nhân, cho cuộc sống. “Chứa đức làm cho có nhiều công. Phải giữ lòng lành mà thương thú vật... Ngay thảo hiếu thuận.. thương kẻ mồ côi, thăm cho người góa bụa... Kính trọng người tuổi tác... Mừng cho người làm lành... Thấy người mất như mình mất...”

b. Ác ý nghiệp: là những gì ẩn dấu trong lòng, dấu không hiện ra bên ngoài nhưng chất chứa những định kiến xấu xa, đố kỵ, lắm khi là hẹp hòi ích kỷ... “Bao chứa lòng độc hiểm... Thấy người vinh hiển muốn cho người hèn hạ. Thấy người giàu có mong cho người lâm lụy. Thấy người sắc tốt dục lòng thương thầm. Ôm ấp điều ngoại tình trong lòng... Thương ghét thiên lệch... Tham lam ham muốn tiền của... Bó thí cho người mà còn tiếc... Thấy người bị tội chết chêm. Mà mình còn ghét... Hoặc lòng phát niệm ác, sự ác tuy chưa làm, mà vị hung Thần đã theo mình đó...” Nhiều người cho rằng: ác ý chỉ là suy nghĩ của riêng mình, chẳng làm hại ai, chẳng gây nguy hiểm cho ai... Hiểu như vậy là chưa thấu đáo, chưa tôn trọng người khác nhưng suy nghĩ hằn in trong lòng, đã làm tiêu hao năng lượng và dày vò chính mình. Nhứt nhu ngoạt nhiễm, ác ý sẽ hình thành nếp xấu dung dưỡng trong lòng, đã là ác nghiệp thì chẳng dễ gì buông bỏ. Khi lâm chung, thân xác rã

rời, ý thức tê liệt, chỉ tư tưởng sân hận, bất thiện còn nung nấu và nếu là ác ý nghiệp nặng nề bao đời bám víu thì sẽ đưa đẩy linh hồn vào cõi chẳng lành. Dầu có được bốn đạo tiếp quy chẳng nữa, chắc gì linh hồn sẽ được dẫn dắt về chốn vắng sanh?

“Đã mang cái nghiệp vào thân - cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa.” (truyện Kiều) hay câu kinh: “nghiệp tập rồi phải kiếp trầm luân” Chính nghiệp dẫn đến thiện báo hay ác báo. Đau khổ, phiền não hay an lạc hạnh phúc đều do chính bản thân ta tạo ra. “Điều lành dữ vay trả như bóng theo hình.” Cuộc sống hằng ngày diễn bày lắm những nhiều nhương, phi thị. Vì thế, người tu hành cần phải dè chừng, phải luôn phản tỉnh. Đặc biệt là về ý nghiệp “tâm viên ý mã”, nên ý thoát ẩn thoát hiện, mới thiện liền chuyển qua ác, lúc Phật lúc ma, lúc tà lúc chánh... Trì tụng kinh Cẩn Ứng cũng là cách giúp chúng ta từng bước khắc chế những tạp niệm, những vọng tưởng (ý nghiệp). Nếu thu phục được tâm ý, chúng ta sẽ làm chủ được cách nói năng ‘Lời nói chẳng mất tiền mua - Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.’ Và cũng nhờ tâm an mà hành vi sẽ ôn hòa, nhẹ nhàng, vui vẻ, thân thiện. Ai đó đã nói; “tư tưởng là mẹ đẻ của hành động” là rất đúng. Đi tìm an lạc không có cách nào khác hơn là nhận ra và giải trừ ác nghiệp. Tu tập theo kinh Cẩn Ứng là cách gần gũi và hiệu nghiệm. Thanh luyện một con người không phải xóa tâm dục vọng mà hướng cái tâm đó vào con đường lành mạnh để chuốt gọt và dần dà hoàn thiện. Chắc chúng ta không quên anh chàng Trư Bát Giới trong Tây du ký. Tuyệt tác này, không chỉ là một tác phẩm văn học kinh điển mà còn là một thông điệp về hiểu hành đạo pháp. Nhân vật Trư Bát Giới là bản sao của tâm thể con người chúng ta. Cũng ham ăn, ham ngủ, ham sắc, ham của cải giàu sang, con ngoan vợ đẹp... Nhưng nhờ thầy Đường Tăng bao dung nhân ái, nhờ đại huynh Tôn Ngộ Không trí huệ hỷ xả, nhờ hiền đệ Sa Ngộ Tĩnh kham nhẫn quyết tâm, nhờ ý chí vô song của Bạch Mã trợ giúp. Chàng Trư đã thắng được yêu ma bên ngoài và hàng phục cả quỷ quái trong chính bản thân mình và cuối cùng chứng đắc Tịnh Đàn Sư Gia. Câu chuyện ảo diệu nhưng là bài học tu tập sống đạo vô cùng thiết thực, rất đáng để mỗi chúng ta suy nghiệm. ☯

HOA HƯNG ĐẠO ở vùng đất mới

Nguyễn Thị Lan

Gia đình Hưng Đạo nơi tôi sinh hoạt số lượng không đông lắm nhưng trải đều ra đủ các ngành Thanh Thiếu Đồng. Do các gia đình ở xa Thánh thất nên từ lâu nơi đây có hai vườn Đồng sinh hoạt. Một lớp sinh hoạt tại Thánh thất, một lớp sinh hoạt tại Thánh xá. Phần đông các em trong độ tuổi đi sinh hoạt thuộc khu vực Thánh xá đều ở xa nhưng

quý phụ huynh luôn khao khát cho các em đi sinh hoạt thường xuyên. Hầu như cuộc sống của quý phụ huynh nơi đây còn rất nhiều khó khăn mà công việc lại không ổn định. Vì thế, việc đưa các em về sinh hoạt lại càng khó khăn hơn. Đa phần anh chị trưởng đều ở xa nên không thể đưa đón các em về thường xuyên được, thỉnh thoảng cũng được vài hôm. Lại



một trường hợp khác, tôi nhớ mãi một hình ảnh thật đáng thương của phụ huynh vừa đi lấy cơm heo vừa ghé chở ba đứa con ra về trên chiếc xe ấy. Còn chủ nhật nào ba mẹ không đi làm thì ngày ấy các em được về sinh hoạt. Những ngày vắng các em, tôi cũng luôn trăn trở nhưng chưa tìm ra cách nào hữu hiệu nhất.

Qua một thời gian suy tính, tìm đủ cách thế rồi một ngày nọ, quý phụ huynh khu vực này quyết định thông qua Ban Trị sự Xã đạo đề nghị với Họ đạo hỗ trợ kinh phí để thuê xe đưa các em về sinh hoạt. Khi nghe tin này, thật lòng tôi không mấy yên tâm vì nghĩ đến phương án này không thể tồn tại lâu dài được. Thế rồi vào một ngày họp Ban hướng dẫn, Trưởng Ban hướng dẫn phổ biến lại công việc như vậy. Lúc này, tôi không suy nghĩ ra cách gì hay hơn nhưng vẫn trầm tư lo lắng. Bỗng nhiên, một người huynh trưởng nói: “Sao chúng ta không mở nhóm sinh hoạt trên đó?”. Lòng tôi như bùng tỉnh và dường như trong tôi đã có câu trả lời nhưng vẫn im lặng. Đột nhiên một hôm đạo huynh Trưởng Ban cai quản điện thoại chia sẻ với tôi: “Con à, việc mình hỗ trợ chi phí cho các em ở xa về sinh

hoạt được chứ con? Dạ, thưa bác, việc này Ban hướng dẫn đã bàn nhưng phương án thuê xe để các em về sinh hoạt con e rằng không hay bằng cách mở một nhóm sinh hoạt nơi đó. Đây là ý kiến của một người huynh trưởng và con đã suy nghĩ mấy tuần nay ạ. Nếu Ban hướng dẫn cho phép, con sẽ đứng ra chịu trách nhiệm chính cho khu vực trên đó bác ạ.” Sau đó, tôi gọi điện cho Trưởng Ban hướng dẫn để xin ý kiến chỉ đạo và chia sẻ ý tưởng này cho huynh Vũ hiện đang làm Phó Trị sự phụ trách khu vực trên đó. Huynh mừng rỡ vô cùng nói với tôi rằng: “Trưa nay, anh không ăn cơm cũng no luôn.” Câu nói của huynh làm tôi xúc động vô cùng, như tiếp thêm cho tôi sức mạnh để tự tin hơn về quyết định đã chọn nơi đây gieo thêm những mầm non Hưng Đạo.

Thế rồi, anh em chúng tôi bắt tay vào tìm vị trí nơi sinh hoạt. Ngay lúc đó, có gia đình huynh Hiếu tự nguyện cho mượn một mảnh đất nhỏ để sửa sang lại cho chúng tôi sinh hoạt. Tinh thần tự nguyện của huynh, đã giúp chúng tôi thêm phần cảm kích và phấn khởi hơn. Tôi nghĩ như vậy là được rồi, chỉ cần cầu nguyện Thầy Mẹ và các Đấng Thiêng liêng hộ trì

nữa là xong. Tôi đã thừa qua mọi việc như vậy với Ban hướng dẫn nhưng người huynh trưởng của tôi rất cẩn thận trong mọi việc và bảo Ban hướng dẫn phải đi khảo sát thực tế rồi mới quyết định.

Rồi vào một buổi chiều của giữa mùa hạ, anh em chúng tôi hẹn nhau lên đường để tìm nơi gieo những mầm non Hưng Đạo. Trước ngày đi tôi nhớ như in câu nói của huynh trưởng: “Dù chiều mai trời có mưa cũng phải đi.” Vì thế, khi đến giờ hẹn cơn mưa to vô cùng mà tôi vẫn đội áo mưa đi. Bấy giờ, trên trời thì giông sét ầm ầm còn miệng tôi thì liên tục niệm danh hiệu Thầy. Gần cả giờ đồng hồ anh em chúng tôi mới gặp được nhau đông đủ và cùng nhau đi đến nhà huynh Hiếu. Đến nơi, dù cho anh em chúng tôi đã mặc áo mưa nhưng hôm ấy dường như ai cũng bị ướt cả. Thế rồi, chúng tôi lên đánh lễ Thầy tại nhà huynh. Điều tôi ngạc nhiên nhất là với diện tích nhỏ bé thế này, mà huynh vẫn dành cho Thầy một chỗ ngự. Thật đáng trân trọng cho những người con một lòng vì Thầy, vì Đạo. Qua trao đổi, huynh trưởng của tôi muốn nhờ huynh Phó Trị sự đưa đi thăm cho được sáu nhà phụ huynh mới về. Lúc ấy, tôi thấy

huynh Vũ cũng có vẻ lúng túng vì huynh trưởng muốn biết số lượng ở đây chắc chắn là được bao nhiêu em đi sinh hoạt? Nhưng rồi huynh cũng nhận lời đưa anh em chúng tôi đi thăm. Đến nhà ai, có bàn thờ Thầy là anh em chúng tôi đều đánh lễ Thầy và chụp hình lưu niệm. Có lẽ, trong anh em chúng tôi ai ai cũng không kiềm chế được sự xúc động vì với diện tích nhỏ bé thế này mà nhà nào nhà nấy cũng thiết lập Bàn thờ Thầy. Mặc dù, diện tích của ngôi nhà không lớn lắm nhưng các huynh tử vẫn dành lại một khoảng để cho Thầy ngự. Tuy diện tích bàn thờ vón vện chỉ từ 6m² đến 8m² nhưng hằng ngày các huynh tử luôn gần gũi bên Thầy trong mỗi giờ cúng.

Tôi nghĩ rằng, ai bước chân đến mảnh đất này cũng đều ngạc nhiên: “Sao nơi đây, không có nhà cao tầng mà nhà ai cũng xây theo kiểu tạm thời?” Nơi đây là một huyện thuộc ngoại thành của thành phố lớn nhất cả nước. Tuy nó mang tiếng là thuộc một thành phố hiện đại nhưng đường sá đi lại còn khó khăn. Con đường dẫn đến nhà bốn đạo vẫn còn lổm chổm ổ gà. Ấy thế mà, bốn đạo nơi đây vẫn tích cực tham gia các đạo sự và hăng say trong tinh thần

xây dựng Đạo Thầy. Bồn đạo của chúng ta chủ yếu là người Quảng. Họ đa phần đang ở độ tuổi trung niên và phần lớn là lao động phổ thông nhưng lại có một đức tin đồng mãnh về Đạo, về Thầy. Những con người nơi đây thật bình dị, chất phác, hiền lành dễ gần gũi. Họ sẵn sàng hi sinh để các em được có nơi sinh hoạt.

Kết thúc chuyến đi khảo sát buổi chiều hôm ấy, anh em chúng tôi xem như tạm ổn về việc sẽ mở được một nơi sinh hoạt ở đây. Tôi thoáng nghĩ vậy là từ nay quý phụ huynh không còn phải lo lắng về việc làm thế nào để các em thường xuyên được đi sinh hoạt và tôi không còn xót xa khi nhìn phụ huynh phải ngồi đợi các em để chở về.

Sau chuyến đi khảo sát, Trưởng Ban hướng dẫn tiến hành xin Họ đạo và được sự chấp thuận. Mọi việc đều diễn ra đúng như kế hoạch chỉ còn hơn năm ngày nữa là khai giảng sinh hoạt đầu tiên ở nơi đây. Ấy thế mà, tôi nhận được tin chỗ sinh hoạt đã chọn ban đầu không được phải đổi sang chỗ khác. Khi nghe tin vậy, tôi thấy hoang mang và bắt đầu lo lắng nhưng may thay gia đình huynh Dũng lại sẵn sàng cho mượn nhà

của mình để dùng cho các em sinh hoạt. Ôi, quý quá tấm lòng cao cả của gia đình huynh đã dang rộng vòng tay để đón lấy các em về đây sinh hoạt. Việc làm của gia đình huynh làm tôi nhớ đến đề tài “Thứ Keo Linh Sơn Thuần Chân Vô Ngã” đã được nghe trong ngày đàn lệ gần đây. Vì sao gia đình huynh lại dám nhường nhà cho các em sinh hoạt? Đây có phải là Thứ Keo Linh Sơn không ạ? Ngày xưa, quý bậc tiền bối vì muốn giữ được nền Đạo phải chịu bao cực hình, tù đày, gian khổ để hôm nay cơ đạo mới được xướng danh và tỏa hương thơm khắp nơi. Và hôm nay, gia đình huynh vì những mầm non tương lai của Giáo hội mà sẵn sàng cho chúng em mượn ngôi nhà để thuận tiện trong quá trình sinh hoạt tu học.

Bao lo toan rồi cũng chóng qua trong niềm hân hoan của ngày khai giảng đầu tiên nơi đây. Ngày 15/7/2018, buổi lễ khai giảng được diễn ra dưới sự chứng kiến của quý chức sắc, chức việc trong Họ Đạo, Ban Trị sự xã đạo và quý huynh trưởng, quý trưởng. Buổi lễ tuy không có căn phòng to lớn, không có âm thanh nhưng nó vẫn đảm bảo được tính nghiêm trang, ấm áp và đầy tình yêu thương

của đồng đạo. Thế là, từ hôm nay nơi đây sẽ là chỗ sinh hoạt của các em. Nhìn gương mặt ai nấy cũng vui tươi làm tôi nghĩ đến một vườn hoa Hưng Đạo sắp mọc nơi đây. Những công việc mà các huynh tỷ đang làm đã bắt đầu gieo những hạt giống mới, trên mảnh đất mới và một ngày nào đó nó sẽ đơm hoa rực rỡ. Từ nay, những hạt giống Hưng Đạo đã được ươm trên vùng đất có tên là Vĩnh Lộc và những mầm xanh Hưng Đạo mãi mãi xanh tươi trong Ôn Lành của Thầy Mẹ cùng các Đấng Thiêng liêng.

Để có được những gì hôm nay, tôi tin rằng mọi việc đều có sự xoay chuyển của Thầy mà anh chị em chúng tôi mới may duyên đến thế. Lúc này, tôi chợt nhớ đến lời dạy của Đức Trần Hưng Đạo:

*Xét muôn việc có tay Thượng Đế,
Nằm bên trong मुख kẻ con người;
Bên trong tất cả sự đời,
Ý người, tính có ý Trời kèm theo.*

*Trung Hưng Bửu Tòa,
ngày 09-01-ĐĐ.49 (Giáp Dần TTTH/IV)*

Khi buổi lễ kết thúc, cũng là lúc bắt đầu cho buổi sinh hoạt đầu tiên. Trong nghi thức của buổi sinh hoạt, hình ảnh một em đồng bảy tuổi nắm lấy bàn tay nhỏ bé

của em bé gái bên cạnh để hướng dẫn cách bắt tay Ấn Tý rồi vỗ vỗ vào tay ấy. Nhìn thấy thân thương làm sao! Thường ngày, em rất tinh nghịch ấy thế mà hôm nay ngoan đến thế! Đây, công việc như thế không ai bảo các em cũng làm được, cũng hiểu được mình con nhà Đạo mỗi khi niệm danh hiệu Thầy là bắt tay Ấn Tý. Ngoài những trò chơi vui nhộn, hấp dẫn bài học giáo lý đầu tiên các em được học là Niệm danh hiệu Đức Chí Tôn. Đối với các em đã đi sinh hoạt thì bài học này chẳng có gì thú vị cả nhưng với những gương mặt ngây thơ lần đầu tiên đến đây có vẻ rất ấn tượng và khắc ghi. Vì qua tuần sau, tôi nhận được chia sẻ của một phụ huynh bảo rằng: “Tuần vừa rồi đi sinh hoạt về Trúc Phương cứ đọc mãi cho thuộc câu niệm của Thầy và còn bày cho bạn hàng xóm nữa cơ.” Điều tôi ngạc nhiên hơn, trong giờ dâng lễ hôm ấy các em chưa biết đọc kinh nhưng vẫn đọc theo vanh vách từng chữ một.

Cuối buổi sinh hoạt, khi đưa các em ra về tôi đã nghe một em nhỏ lần đầu đi sinh hoạt nói với ba: “Ba ơi, hôm nay con được cúng ở bàn thờ giống bàn thờ ở quê đó ba.” Nghe em nói mà tôi

chợt nhận ra ngay, em muốn nhắc đến hình ảnh Thiên Nhân. Đây có lẽ là một dấu ấn với em khi quay về nhà Cha. Buổi sinh hoạt hôm ấy đã khép lại nhưng để lại trong tôi những hình ảnh ban đầu thật thân thương và ấm áp.

Tôi rất biết ơn những phụ huynh đã đồng hành cùng anh chị em chúng tôi trên con đường hướng dẫn các em nhưng đâu đây vẫn còn nhiều phụ huynh thờ ơ với việc sinh hoạt của con em nhà Đạo. Khi chúng tôi trao đổi với quý phụ huynh để vận động các em về sinh hoạt thì chúng tôi luôn nhận được câu trả lời “Các em nó đi học suốt, không có thời gian đi sinh hoạt.” Tôi biết cả tuần các em đã đi học mà chủ nhật bắt đi sinh hoạt nữa thật là vất vả. Song, với hai giờ đồng hồ các em về đây sinh hoạt để được vừa chơi, vừa học tôi nghĩ không phải là quá áp lực với các em. Trong những giây phút ấy, các em được học giáo lý, kỹ năng và vui đùa trong tình anh em Cha chung một nhà. Anh chị em chúng tôi cũng luôn cố gắng thay đổi cả nội dung và hình thức để tạo sự hứng thú khi các em về sinh hoạt. Những bài học giáo lý, chúng tôi luôn cố gắng không làm các em nhàm chán bằng cách đã

lồng ghép phương pháp “học mà chơi, chơi mà học” để qua trò chơi các em vẫn nắm được nội dung bài học. Tôi đã đọc được chia sẻ của một phụ huynh “Bản thân cũng biết mình mang Đạo dòng mà sau này con cái không có thắm những đạo lý này thì do cha mẹ.” Nếu phụ huynh nào cũng suy nghĩ như vậy thì có lẽ anh chị em chúng tôi rất biết ơn.

Những năm gần đây chúng ta lại nghe những vụ anh, em, vợ chồng chém giết lẫn nhau? Vì sao như vậy? Phải chăng, do con người thiếu đi cái tình yêu thương bởi cuộc sống với sự bùng nổ của các trang mạng thông tin điện tử đã lôi kéo chúng ta rơi vào một thế giới ảo mà không hề hay biết. Để các em cứ đắm mình vào trong thế giới ảo thì một ngày nào đó các em sẽ không có tình yêu thương. Nếu thiếu tình yêu thương thì các em sẽ trở thành những con người khô cứng dễ hành động thiếu tính người. Nếu các em không về sinh hoạt thì hai giờ đồng hồ ấy các em cũng chơi game, lướt facebook mà chẳng học hành được gì cả. Đổi lại hai giờ ấy, các em về đây sinh hoạt, được niệm danh hiệu Thầy, được làm lễ Thầy, được gần Thầy, được trang bị cho mình

một số kĩ năng sống thì ít nhiều gì các em cũng được sống trong Ôn Lành. Tôi chưa dám nói rằng tất cả các em về đây sinh hoạt sẽ trở thành những người tài giỏi nhưng tôi tin các em sẽ là những người con sống có ích cho đời, cho Đạo. Các em không trở thành “Hung Đạo tha nhân” thì cũng có thể trở thành “Hung Đạo bản thân”. Phần đông những bậc đàn anh, đàn chị của chúng ta trưởng thành và thành đạt bây giờ cũng bắt đầu từ một “Hung Đạo sinh”.

Có thể nói rằng, bây giờ việc sinh hoạt của các em nơi đây tạm ổn nhưng về lâu dài vẫn là nỗi trăn trở của tôi cũng như bao huynh tỷ khác. Nhưng tôi luôn tin

“Chi chi cũng có Thầy.” Chúng ta sẽ chung lòng cầu nguyện Thầy Mẹ cùng các Đấng Thiêng liêng hộ trì, soi dẫn để việc sinh hoạt nơi đây được nhiều thuận duyên. Để mảnh đất nơi đây, sẽ sinh sôi nảy nở những chồi non cho thế hệ kế thừa mai sau. Ươm mầm cho ngôi vườn tương lai là Thánh ý như chúng ta đã thuộc nằm lòng:

“Thanh niên phải dồi trau đạo đức

Thanh niên cần trí thức cho cao

Thanh niên làm chủ đời sau

Đời sau lưu tị tại màu thanh niên”

Thánh Thất Nam Trung Hòa, ngày

06-7-ĐĐ.13 (Mậu Dần) TTTH/I



Làm người phục vụ mọi người

Trần Quốc Huân

1 Đê-Bà Đạt-Đa vì tính thèm khát danh vọng, lòng ganh tỵ, và tật oán ghét mà đã kinh chống đức Phật:

Khởi đầu, Đê-Bà Đạt-Đa đến chỗ Phật xin theo Phật tu hành. Lúc ấy Phật khuyên Đê-Bà nên ở tại gia tu phước, và Phật từ chối không chấp thuận cho Đê-Bà làm Tỳ-kheo, vì Ngài thấy trước những gì có thể xảy ra nếu nhận con người ấy vào tu trong Tăng đoàn. Tuy nhiên, Ngài đã không ngăn ngừa được khi Đê-Bà cố ý làm.

Đến khi Đê-Bà học được ngũ-thông, chưa phải là bậc A-La-Hán (có lục-thông), nhưng vì

tính hiếu thắng, trí kiêu căng, lòng tham lợi lộc, nên đã khoe tài thần thông của mình; đồng thời lòng kiêu căng nổi dậy, tính phàm phu vị kỷ che khuất tất cả, nên đã khởi ra những ý nghĩ kiêu ngạo như: “Sa-môn Cù-Đàm hiện thần túc một, ta sẽ hiện hai, Sa-môn hiện bốn ta sẽ hiện tám v.v...”

Đê-Bà ném đá mưu giết Phật không thành, Phật chỉ bị mảnh đá văng làm chảy máu chân chút đỉnh; vì ngu dốt Đê-Bà tiếp tục đi sâu vào tội ác, ông ta đến chỗ vua ác A-Xà-Thế bày mưu độc dùng voi say giết Phật. Nhưng rồi, kế hoạch ác

độc ấy cũng bị thất bại”. Mặc dù ông ta nói với vua A-Xà-Thế: “Sa-môn Cù-Đàm có chú thuật khiến các ngoại đạo đi học thấy đều hàng phục...”, nhưng sự vô minh chưa dễ gì tỉnh được, kẻ ác ngu si tăm tối càng lún sâu trong tội ác.

Trên đường đi, Đề-Bà gặp Tỳ-kheo Ni Pháp-Thí khuyên bảo lẽ phải, không những không hối tỉnh, ông ta lại còn nổi cơn thịnh nộ đánh chết người không góm tay.

Khi bệnh đến thân, mặc dù nói được những lời hối lỗi, nhưng lại là những lời giả dối. Miệng nói hối lỗi, nhưng tâm nghĩ và việc làm lại khác. Miệng nói với các đệ tử rằng “Ta muốn tới chỗ Sa-môn Cù-Đàm để sám hối”, nhưng lại ngầm lấy thuốc độc bôi vào mười đầu ngón tay. Để làm gì? Kẻ ngu đã lún sâu vào tội ác, lại càng mưu độc lún sâu hơn vào tội đại ác.

Đề-Bà Đạt-Đa quyết giết Phật để làm Phật ba cõi! Thật là mơ ước của kẻ khùng điên, vì lúc này ông ta đã mất hết thần thông rồi, đâu có khác gì kẻ phàm phu bình thường. Vậy mà vẫn chưa tỉnh ngộ, để đến nỗi

phải mạng vong, sa địa-ngục! Tuy nhiên, khi bị lửa đốt liền biết hồi tâm niệm Phật, và khi Tôn giả Mục Kiền Liên vào địa ngục nói những lời Phật thọ ký Đề Bà đều tin tưởng và có tâm lành, nên tuy ở trong Địa ngục khổ đau mà không sân hận, do đó sau khi hết hạn ở Địa ngục liền được sinh lên cõi trời.

Câu chuyện trên cho thấy ngay trong các cộng đoàn tăng lữ, trong các dòng tu, trong các tổ chức thánh thiện như giáo hội, hội thánh thì sự thèm khát danh vọng, địa vị và quyền lực vẫn hiện hữu và đầu độc mỗi người, hủy hoại tổ chức.

oOo

2. Mỗi năm đến mùa Giáng Sinh, khắp nơi lại vang lên câu hát: “Vinh quang của Thiên Chúa trên trời, và Bình an cho loài người dưới thế.” Vinh quang của Thiên Chúa, “Gloria in Excelsis Deo”! “Vinh quang” này thật không dễ hiểu thấu cho loài người chúng ta.

Tin Mừng theo thánh Máccô có đoạn: “Sau đó, Đức Giê-su và các môn đệ đến thành Ca-phác-na-um. Khi về tới nhà, Đức Giê-su hỏi các ông: “Đọc đường, anh em đã bàn tán điều gì vậy?” Các ông làm

thinh, vì khi đi đường, các ông đã cãi nhau xem ai là người lớn hơn cả. Rồi Đức Giê-su ngồi xuống, gọi Nhóm Mười Hai lại mà nói: “Ai muốn làm người đứng đầu, thì phải làm người rốt hết, và làm người phục vụ mọi người.”

(Ms 9,33-35)

Vinh quang mà Thiên Chúa hứa cho chúng ta dự phần chính là làm người phục vụ mọi người.

Người có địa vị càng cao thì phục vụ càng nhiều người hơn. Tổng thống Mỹ Abraham Lincoln trong bài diễn văn Gettysburg nổi tiếng đã nói: “...chính quyền của nhân dân, bởi nhân dân, vì nhân dân...”

oOo

3. Trong cảm hứng “nguyện làm người phục vụ mọi người”, bài này xin được bàn về sự phục vụ.

Thông thường, người ta hiểu “phục vụ” như một bổn phận bắt buộc của người dưới đối với người trên. Thật ra, hiểu một cách đúng đắn và rõ ràng thì phục vụ là tạo điều kiện cho người khác thành tựu mong muốn chính đáng của họ.

Chỉ có phục vụ khi có mong muốn chính đáng. Điều này hàm nghĩa ta có quyền và có nghĩa vụ từ chối “phục vụ” những yêu cầu bất

chính. Trong phiên tòa Nuremberg xử các tội phạm Đức Quốc-Xã, đã diễn ra những cuộc tranh luận kéo dài về việc liệu người ta có phải chịu trách nhiệm về những việc đã làm theo mệnh lệnh của cấp trên hay không. Phán quyết của tòa đã khẳng định: mỗi người phải chịu đầy đủ trách nhiệm về hành vi của mình. Vì vậy, ai cũng phải dùng lương tâm mà suy xét tính chính đáng hay bất chính của một yêu cầu trước khi chấp nhận hay từ chối phục vụ. Phục vụ, do đó, mang tính tự do.

Trong một xã hội hài hòa và văn minh thì mọi người phục vụ lẫn nhau, người này phục vụ người kia và được người khác phục vụ mình. Đây cũng là một ý nghĩa khác của phương châm: “Mọi người vì một người, Một người vì mọi người”. Với chiều kích này thì quan hệ phục vụ - được phục vụ không phải là quan hệ trên - dưới nữa, mà là quan hệ liên thuộc và bình đẳng.

Phục vụ là tạo điều kiện cho người khác thành tựu mong muốn của mình. Điều này rất gần với sự cao cả của đức tính “thành nhân chi mỹ” (giúp tạo thành sự tốt đẹp của người khác) là mức độ cao nhất của lòng nhân ái.

Phục vụ như vậy là bao gồm cả ba giá trị Bình đẳng - Tự do - Bác ái mà loài người hằng hướng đến cho một cuộc sống viên mãn, văn minh, hạnh phúc.

oOo

4. Trong cuộc sống quanh ta, hẳn có nhiều lần chúng ta thấy nhiều người rất có thiện chí, rất nhiệt tình muốn giúp đỡ, muốn phục vụ người khác, nhưng rốt cuộc hiệu quả lại rất thấp, không giúp được người khác mà đôi khi còn gây bức mình. Điều đó cho thấy muốn phục vụ hiệu quả, phải được huấn luyện để phục vụ.

Trước hết, ta cần nhận thức được các thuộc tính đặc biệt của sự phục vụ:

1. Vô hình, không định lượng: sự phục vụ không phải là một món hàng để người ta cầm nắm, xem xét, vì vậy, người được phục vụ sẽ đánh giá sự phục vụ là tốt hay kém dựa vào các biểu hiện hữu hình gắn kết với sự phục vụ, mà trước hết là bản thân người phục vụ (nét mặt, cử chỉ, ngôn ngữ...).

2. Không phân ly: sự phục vụ được tạo ra bởi người phục vụ và được thụ hưởng bởi người được phục vụ cùng một lúc tạo

nên một sự giao lưu trực tiếp có thể làm tăng hay giảm mức độ hài lòng và hiệu quả phục vụ.

3. Biến đổi: hiệu quả phục vụ biến đổi rất lớn tùy thuộc “ai”, “khi nào”, “ở đâu”, “thế nào”.

Chúng ta vẫn gặp những cụ già hay người bệnh chỉ chịu uống thuốc, ăn cháo do một người nhất định chăm cho.

4. Mất đi: giá trị của sự phục vụ chỉ tồn tại ở một thời điểm nào đó, không thể “để dành dùng dần” được. Tôi nhớ mẹ tôi thường bảo tôi: “Mẹ bức nhất là khi nhờ con việc gì, con lại nói lát nữa con sẽ làm.”

5. Kỳ vọng chứ không phải nhu cầu: đáp ứng được nhu cầu của người khác thì người phục vụ cũng chỉ mới thực hiện được phần căn bản của sự phục vụ. Sự hài lòng của người được phục vụ nằm ở chỗ kỳ vọng của họ được thỏa mãn. Kỳ vọng khác với nhu cầu thế nào? Tôi đau răng và đến phòng Nha để chữa răng. Nếu nha sĩ chỉ hỏi muốn nhổ hay trám, rồi nhanh chóng làm theo yêu cầu, thì đó là đáp ứng nhu cầu. Nhưng tôi còn mong đợi là nha sĩ sẽ an ủi tôi là chỗ răng đau chỉ ảnh

hưởng một cái răng, động viên tôi là nhìn chung răng miệng còn tốt, sau khi xử lý cái răng đau, nếu chịu khó vệ sinh răng miệng thì sẽ không phải lo lắng gì vv. và vv. Nếu nha sĩ vừa chữa răng vừa làm được những việc đó thì đi chữa răng sẽ thành một kinh nghiệm tuyệt vời của người đau răng.

Một sự phục vụ hiệu quả đòi hỏi người phục vụ không chỉ kiến thức, kỹ năng, sức mạnh, mà trên hết là tấm lòng. Một người phục vụ tốt thì không chỉ cung cấp cái người khác cần, mà còn trân trọng người được phục vụ như một người đặc biệt, thông qua sự quan

tâm và mong muốn được phục vụ của mình.

oOo

Ta đã thấy để phục vụ hiệu quả một người đòi hỏi nơi người phục vụ biết bao nhiêu điều, đồng thời sự phục vụ dù chỉ một người đã hàm chứa trong nó bao nhiêu chiều kích lớn lao của xã hội và nhân loại. Thế thì Tổng thống của một nước phục vụ hàng triệu công dân của nước mình, giáo chủ của một tôn giáo phục vụ hàng trăm triệu tín đồ, thật là vĩ đại biết bao! Và người phục vụ mọi người, đó chính là người đứng đầu.



NGƯỜI TAO NHÃ

LỘC TRẦN

Trong xã hội ngày nay, tao nhã giống như một làn gió trong lành, khiến người ta mở lòng vui vẻ, bởi vì trong tim có hoa, núi sông, thì bất cứ khi nào và bất cứ nơi đâu, đều sẽ hiện ra dung nhan thanh tú và phong thái ưu nhã say đắm lòng người.

Một người tao nhã phải là người khoan dung hào sảng.

Tao nhã không phải là sự thanh cao không vướng mùi tiền bạc, cũng không phải là ngân nga tiếng hát theo gió hoa trăng tuyết, càng không phải là cố ý phô diễn bản thân, lúc nào cũng giữ tư thế ngồi ngay ngắn, để cho người khác tán thưởng. Tao nhã vốn dĩ không phải là để cho người khác xem, mà thực sự là tu luyện từ trong tâm, rồi bộc lộ ra sắc thái, thể hiện ra vẻ ngoài. Mà vẻ ngoài này chỉ là một phần biểu hiện của nội tâm mình, không liên quan gì đến người khác. Một người tao nhã có thể ở trong cuộc sống buồn tẻ mà làm tốt chính

mình, học cách cho đi, biết cách cảm ơn, trong trái tim có tình yêu, thấu tình đạt lý, khoan dung lương thiện chính là tao nhã.

Tao nhã không phải là bẩm sinh mà có được, nó là sự kết hợp hoàn hảo giữa tâm hồn và trí tuệ. Sự tao nhã của một người là kết quả có được từ việc đọc sách, từ sự trải nghiệm trong cuộc sống; đó là một biểu tượng của sự tự tin, độc lập và thanh cao. Phẩm chất này xuất phát từ sự hiểu biết về cuộc sống, và là sự kết tinh và tích lũy từ cuộc sống.

Tao nhã tuyệt đối không chỉ là vẻ đẹp về ngoại hình, mà còn là một loại trí tuệ bên trong được phản ánh qua các điều kiện khác nhau của cuộc sống.

Một người tao nhã nhất định phải có một đôi mắt biết cảm nhận cái đẹp, một tâm hồn nhân hậu, có một trí tuệ nơi sâu thẳm trong tâm hồn được hình thành qua năm tháng. Điều quý giá nhất trong

cuộc sống là sự trải nghiệm qua hàng ngàn thăng trầm của cuộc sống mà vẫn có thể giữ được một trái tim dịu dàng lương thiện. Tao nhã sẽ phóng ra một nét duyên dáng tự nhiên, đó là một vẻ đẹp sâu sắc.

Sự tao nhã có lẽ liên quan đến tuổi tác, nhưng cũng liên quan nhiều hơn đến sức mạnh của bản thân. Một người tao nhã phải là một người có tính tự giác, dù cho thế giới bên ngoài hấp dẫn như thế nào, cũng không bị lung lay, mà biết tự giữ mình và khoan dung; dù là đang sống trong hoàn cảnh khôn khó trắc trở, thì cũng vẫn giữ gìn sự trong sạch và thanh cao.

Cho dù cuộc sống đưa chúng ta vào tình huống như thế nào, thì vẫn có thể tự mình tỉnh ngộ, biết tôn trọng và biết cảm ơn, bình dị không toan tính với bạn bè, dịu dàng hào phóng với người thân; không coi thường và xa lánh người khác.

Tao nhã có thể liên quan đến ngoại hình, nhưng nó còn liên quan nhiều hơn đến việc tu dưỡng nội tâm. Một người không có suy nghĩ, cho dù có trang điểm thật hoàn hảo đi nữa, cũng không thể che giấu đi sự xấu xí trong lòng,

ngược lại còn làm cho người ta cảm thấy đạo đức giả.

Một người tao nhã phải biết cách tự yêu quý bản thân, tự tin và cá tính độc lập, trí tuệ vững chắc, ăn nói điềm đạm, khuôn mặt thuần tịnh và có một tấm lòng lương thiện, đẹp mà không phô trương, vừa vừa phải phải.

Tổng thống Hoa Kỳ Lincoln nói rằng vẻ ngoài của một người 30 tuổi là do cha mẹ cho, còn khi 40 tuổi thì chúng ta phải tự chịu trách nhiệm về vẻ ngoài của mình.

Một người tao nhã sẽ biết cách giữ miệng, bất kể khi nào hay ở đâu đều sẽ không ba hoa, càng sẽ không khoe khoang thể hiện khắp nơi, bởi vì đó là thể hiện của sự nông cạn, chỉ khiến cho người ta cảm thấy chán ngán.

Vẻ ngoài xinh đẹp có thể là một chiếc vé ưu tiên, nhưng không thể là chiếc vé thông hành vĩnh viễn.

Những người tao nhã giống như trầm hương vậy, tỏa ra hương thơm thoang thoảng, giữ cho tinh thần luôn dịu dàng ảm áp và tính cách độc lập. Cử chỉ duyên dáng này là một sự tu luyện cá nhân và cũng là một món quà từ Thượng đế.

Người tao nhã sẽ không nổi trận lôi đình vì một chuyện nhỏ nhặt,

cũng sẽ không dễ dàng thể hiện một biểu cảm xấu xí trước mặt người khác, càng sẽ biểu hiện thờ ơ trước kẻ yếu đuối; họ biết cách tôn trọng và lắng nghe, học cách quản lý cảm xúc của mình, gương mặt luôn nở nụ cười, tận hưởng ánh nắng mặt trời. Một người tao nhã chắc chắn phải lương thiện, trái tim của họ thơm mát như hoa lan; tao nhã là một mùi hương lắng đọng theo năm tháng.

Sự tao nhã của cuộc sống chính là sau khi trải qua bao nhiêu phong ba trắc trở, ta vẫn có thể nở một nụ cười điềm tĩnh, mùa xuân ngắm hoa, mùa thu ngắm trăng; mùa hạ thưởng thức hoa sen, mùa đông nghe tuyết rơi; bất kể tâm trạng thay đổi như thế nào, cũng đều giữ lấy một trái tim bình thường, ngắm nhìn gió trăng.

Ngay cả khi cuộc sống không cho chúng ta những gì chúng ta muốn, thì chúng ta vẫn có thể không oán trách, không đổ lỗi, dám đối mặt với những thăng trầm, và không kinh sợ trước sự vinh quang hay nhục nhã. Bởi vì truy cầu ít đi, nên sẽ cảm thấy nhận được nhiều hơn, bởi vì đơn giản, nên bước đi mới ung dung. Báo đáp lại tất cả cho cuộc sống với một trái tim biết ơn, thái độ quyết định cuộc sống,

một người tao nhã, chắc chắn có thể thu hoạch được những món quà quý giá từ cuộc sống.

Người tao nhã sống trên dòng sông dài năm tháng, có lẽ họ không phải là những con sông lớn lúc thăng lúc trầm, mà chỉ là những dòng suối tâm hồn ấm áp; họ không phải là những đóa hoa thơm ngát trong nhà kính, mà là đóa hoa cúc nhẹ nhàng tỏa hương thanh lịch; họ không mang sự quý phái ung dung như hoa mẫu đơn, nhưng lại có mùi thơm khiêm nhường của hoa lan; họ không mang vẻ ngoài lộ liễu khiến người khác phải kinh ngạc, mà họ có sự dịu dàng khiến bạn phải vấn vương.

Tao nhã là sự kiên định dịu dàng, là một chiếc áo khoác ấm áp cho bản thân, đó là một sự can đảm ung dung bình tĩnh, họ mang một tâm thái ung dung đối diện với năm tháng, là điều mà không phải ai cũng có thể làm được.

Cũng vậy, người tín hữu Cao Đài luôn trau tài luyện đức, trau tria phẩm hạnh chí nhân, tràn đầy tình thương yêu huynh đệ, điều độ đừng chia rẽ dũ lành... Như vậy chẳng phải là người tao nhã hay sao?



MAI HẬU

(Họ Đạo Trung Minh, TP. Hồ Chí Minh)

Người bạn cô đơn

*Có những lúc tôi thấy thật cô đơn
Mặc dù chung quanh tôi có nhiều người hiện hữu
Đây ưu tư nhưng tôi không hề buồn tủi
Mà tự đặt cho mình dấu hỏi tại sao?
Rồi ngày tháng đó cũng qua mau
Vì tôi đã giải mã được những điều thắc mắc
Lòng tôi vui vì không còn bế tắc
Những lúc buồn tôi lại làm bạn với cô đơn
Rất hài lòng và không một chút tủi hờn
Chúng tôi đã trở thành người thân thiết
Có tâm sự gì tôi đều cho bạn biết
Bạn lắng nghe và giải quyết vấn đề
Nếu Bạn thấy tôi tâm trạng hơi nặng nề
Bạn khuyên tôi nên tĩnh lặng
Bạn nói với tôi như một lời căn dặn:
“Hãy bỏ qua đi những cạm bẫy của cuộc đời
Để cho lòng mình được thanh thoi
Đó mới là chân hạnh phúc”
Tôi thâm cảm ơn Bạn đã đến với tôi từng giây phút
Cô đơn ơi! Bạn mãi mãi là bạn của tôi.*



ĐỖ THỊ KẾT

Học tu

*Ngâm suy lời Đức Bồ Tát Quan Âm
Rằng bậc Thánh nhân, người xưa đều muốn*
Muốn nên được sáng danh hậu thế
Muốn mà không nô lệ buộc ràng
Muốn nên có cảnh huy hoàng
Muốn nên lưu lại bia vàng sử xanh, ...
Muốn là phải diệt lòng ham muốn
Muốn để xa cảnh hưởng muộn phiền
Muốn lìa tham vọng đảo điên
Muốn thêm công đức, nghiệp duyên giải dần
Muốn vẹn tròn đạo lý, nghĩa nhân
Muốn không tham phú phụ bần. Tâm trung.
Nghĩ suy, xét đoán tận cùng
Nhơn tâm, thiên ý hợp dung độ người.*

Sao quên

*Khước từ tột đỉnh cao sang
Rằng thân giả tạm thế gian, sá gì
Đại hùng, đại lực, đại bi
Luôn tự thấp đuốc mà đi, chẳng màng...
Chánh pháp, chỗ tựa rõ ràng
Không tựa gì khác, không bàn gì thêm
Lời Phật chỉ dạy sao quên!*



TRẦN DÃ SƠN

Xuân Đạo

*Xuân Đạo về khác với Xuân Đời
Không lo tiền của để vui chơi
Không đem son phấn tô sự thật
Không mượn áo khăn để thị đời*

*Xuân Đạo đem tin tưởng đến đây
Về thất đầu Xuân đánh lễ Thầy
Con thấy lòng con thanh thản quá
Gửi hồn bay theo khói trầm bay*

*Bay tới nơi nao không hận thù
Sống cùng với những bậc chân tu
Khác xa trần thế nơi con ở
Vào chốn thiên môn cũng vững dừ*

*Không biết đời con mai thế nào
Nhưng nguyện cùng với Đấng Tối Cao
Cho dù thân xác thành cát bụi
Vẫn giữ hồn linh mãi thanh tao*

*Xuân Đạo về đây với chúng sinh
Cầu mong nhân loại được thanh bình
Gieo mầm sống mới vào đời mới
Đời của thương yêu của nghĩa tình*





Anh đang đưa chiếc võng đời^()
Tôi còn mãi miết rong chơi với mình
Lần mò trong cuộc hư linh
Một trời mộng ảo một hình phù du
Có chi năm tháng ngục tù
Ta giong thuyền giữa cõi mù mịt sương
Dùng dằng với nợ văn chương
Thân già đã mỏi trên đường xa vắng
Tôi còn lại với tháng năm
Làm con chim hót giữa Rừng Nguyên Xuân
Vói tay rũ bụi phong trần
Giang hồ thôi hãy dừng chân. Xin chào! ☯*

(*) Viết khi đọc lại bài thơ Võng đời của Nghệ Dũ Lan:

*Một buổi trưa xưa lúc thiếu thời
Tôi ngồi lắc võng một mình chơi
Mấy mươi năm lẻ xa niên thiếu
Tôi vẫn đang đưa chiếc võng đời*

Đông chí

Ngày đông chí trời mây giăng dài lụa
Vắt ngang sông se lạnh bến yên bình
Chút hỏ nắng ươm má hồng cô gái
Núi nghiêng đầu hôn mát dáng em xinh

Em qua chợ hỏi dùm tôi diêm quẹt
Để đêm về sưởi ấm bắc đang nhen
Khêu sáng lại trái tim chừng mỗi mội
Thăm sâu nào thâm lặng nhất dương sinh

Cho tôi được phập phồng hương đất thổ
Cành khảnh khiu chưa vội trút thu phai
Cái thẹn thừa nàng dâu choàng áo cưới
Như mầm non ngai ngái ngủ trên cây

Cho tôi được tan vào đêm Thánh lễ
Cả mùa đông cứu rồi nụ mai vàng
Tôi lắng tiếng ngàn năm về kêu cửa
Trở dậy ngồi và lòng dậy phúc âm

Xòe lên nhé cùng tôi cây diêm quẹt
Chuông báo đàn xin cứ mãi ngân vang
Ngày đông chí cho phùng mưa giá rét
Cho tôi tìm mình nơi bến đợi xuân sang.



VÕ VĂN PHO

Về nguyên

*Rồi cũng phải gởi buồn vui ở lại
Cõi nhân gian nắng đợi với mưa chờ.
Đâu còn tuổi để vu vơ hờn nhớ
Lời dỗ dành ngọt cỏ lá non tơ.*

*Nương chay tịnh để quên đời giông bão
Những thị phi ma mị đắng lòng.
Ta bao kiếp vương tròn huyễn ảo
Nên đến giờ chưa hết những long đong.*

*Soi bóng chiều đi tìm cố xứ
Ngày tàn qua đêm nhờ ánh tâm đăng.
Dò lần bước vượt qua câu như
Đường về nguyên gọi sóng nước sông Hằng.*

Viết cho ngày cuối năm

*Ngày hôm nay sắp trở thành năm ngoài
Đùn đẩy tôi chấp chơi tuổi thêm dày
Gỡ tờ lịch nghe bàn tay lỏng ngóng
Nhẹ ton thành sợi tóc trắng bay bay...
Ba trăm sáu mươi bốn ngày trước
Tôi ở đâu trong mải miết đi tìm
Nỗi bụi bặm dọc dài loang mỗi bước
Như trăm ngàn mạch máu chảy về tim.
Không ai biểu mà đi tìm đỉnh búa
Đóng lên tường cái bloc lịch mới choang
Là ký ức với muôn trùng dâu bể
Đang chờ tôi nơi bến đợi thời gian
Em trẻ mãi bởi vì tôi chẳng lại
Tiếc làm chi khóe mắt đã chìm thuyền.*



Cao Đài chưa hiện ta không nhà

*Bài nói chuyện ngày lễ kỷ niệm Khai minh Đại Đạo
Tại Trung Hưng Bửu Tòa (15.10.Mậu Tuất - 2018)*

Thượng Liêm Thanh

Được phép tham gia vào buổi sinh hoạt kỷ niệm lễ Khai minh Đại Đạo lần thứ 92, tề đệ xin trình bày câu chuyện đạo với đề tài:

CAO ĐÀI CHƯA HIỆN TA KHÔNG NHÀ

Trước hết tề đệ kính chúc mừng Đạo trưởng Phối sư, quý anh chị lớn và chư tịnh viên, qua mùa tu tịnh 36 ngày được đầy điển huệ và khương an pháp thể.

Kính thưa quý vị,

Nhà đạo học Kỳ Ba Liễu Tâm Chơn Nhơn Huỳnh Ngọc Trác khi từ Minh Sư qui hiệp Cao Đài đã biểu lộ tâm tư bằng câu đối rằng:

“Tam giáo tiên định phương, vạn pháp thù đồ, ngô thị thể,
Cao Đài vị xuất thể, ngũ châu tuy đại, ngã vô gia”

Nghĩa là “Tam Giáo trước định phương, vạn pháp sai biệt nhưng với ta là một thể

Cao Đài chưa xuất thể, năm châu tuy lớn, ta không nhà”

Ý tưởng hai câu đối này được cảm tác thành bài thơ: Nhà Đại Đạo

Lời xưa Người nói còn vang xa

Cao Đài chưa hiện ta không nhà

Từ buổi trời Nam vui mở hội

Tháng Mười vang vọng khúc Tiên ca

*Ôi trăng Khai Đạo, ánh trăng hiền
Toả sáng lung linh khắp mọi miền
Cứ mỗi đông về dù mưa bão
Lòng con vẫn rạng ánh trăng thiêng*

*Thầy đã cho con cho mọi người
Một ngày tôn quý: Rằm Tháng Mười
Bùng lên ánh Đạo trong tâm tôi
Sáng cả nhân gian ngọn đuốc Trời.*

*Việt Nam từ đó vụt lên ngôi
Một nước nhỏ nhoi danh chói ngời
“Hạnh ngộ Cao Đài truyền Đại Đạo”
Quyền năng Thượng Đế trải muôn nơi*

*Huyền diệu làm sao mùa Đạo khai
Năm châu chung dưới bóng Cao Đài
Không người nô lệ không quan quá
Ngôi nhà Đại Đạo chẳng riêng ai*

Thật đúng là ở buổi đời hiện tại, năm châu thế giới đã chung dưới bóng huyền linh của Đấng Cao Đài như lời dạy buổi đầu lập Đạo của Đấng giáo chủ Thượng Đế Chí Tôn:

*Đã để vào tòa một sắc hoa
Từ đây đàn nội tử như nhà
Trung thành một dạ chờ cao sắc
Sống có Ta, thác cũng có Ta.*

*Đài sen vui nhánh trở thêm hoa
Một đạo như con ở một nhà*

*Hiếu nghĩa tương lai sau tự hội
Chủ trung Từ Phụ vốn là Ta.*

*Chẳng quản đồng tông mới một nhà
Cùng nhau một đạo tức một cha
Nghĩa nhân đành gởi thân trăm tuổi
Dạy lẫn cho nhau đặt chữ hòa.*

Quả đúng là vạn pháp thù đồ đã chung về trong nhà Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Từ đó Việt Nam vụt lên ngôi: - một nước nhỏ nhoi mà làm chủ nguồn tâm linh vạn quốc. Bởi vì đảng giáo chủ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là đảng Thái Cực Thánh Hoàng tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát giảng lâm xuống ngôi Thầy giáo đạo lần ba: «Lần ba này Thầy đến chính mình Thầy độ rồi các con, không giao chánh giáo cho tay phàm nữa». Và Thầy đã chọn nước Việt Nam làm nước Thánh, dân Việt Nam làm dân Thánh sớm mở hội Niết Bàn.

*Hảo Nam bang, hảo Nam bang
Tiểu quốc tảo khai hội Niết Bàn
Hạnh ngộ Cao Đài truyền Đại Đạo
Hảo phùng Ngọc Đế ngự trần gian.*

Vào ngày Rằm tháng 10 năm Bính Dần 1926, cách nay 93 năm tại Thiên Lâm Tự Gò Kén Tây Ninh đã tung bừng mở hội Niết Bàn, khai minh nền đạo mới phô diễn nguồn tâm linh chính thống của nhà Đại Đạo, vang dậy tuyên ngôn của đảng Giáo chủ Cao Đài.

*Muôn kiếp có Ta nắm chủ quyền
Vui lòng tu niệm hưởng ân thiên
Đạo màu rưới khắp nơi trần thế
Ngàn tuổi muôn tên giữ trọn biên.*

Khai minh là đưa ra ánh sáng, đem mối Đạo từ tiềm ẩn phô trương cho nhân gian qua việc báo trình với chính quyền đương cục Thống Đốc Nam Kỳ Le Fol như lời trong tờ khai Đạo:

“...Chủ ý của chúng tôi là muốn làm sao cho nhơn loại được cộng

hưởng cuộc hòa bình như buổi trước. Được như vậy, chúng sanh sẽ thấy đây thời kỳ mới mở, cực kỳ hạnh phúc không thể nào tả ra được.

Chúng tôi thay mặt cho nhiều người Annam mà đã nhìn nhận sở hành của chúng tôi, và đã ký tên vào tờ Đạo Tịch ghim theo đây, đến khai cho Quan lớn biết rằng kể từ ngày nay, chúng tôi đi phổ thông Đại Đạo khắp cả hoàn cầu.

Chúng tôi xin Quan lớn công nhận Tờ Khai Đạo của chúng tôi.”

Những người ký tên trong tờ Khai Đạo do Đấng Chí Tôn chỉ định bằng cách gõ cơ gồm 28 vị trong số 245 môn đồ của danh sách. Con số 28 khiến người ta liên tưởng đến nhị thập bát tú rực rỡ của 28 lương sanh nên tân pháp.

Chương trình lễ Khai Đạo dự kiến đến hết ngày 16 âm lịch là chấm dứt, nhưng nhân sanh từ các tỉnh tiếp tục kéo đến mừng lễ cầu Đạo, nên lễ phải kéo dài đến 3 tháng tức là 15.01 Đinh Mão mới chấm dứt. Và rồi sau đó nhưn sanh tấp nập đến cầu Đạo mỗi ngày có đến hàng trăm rồi hàng ngàn. Chỉ sau 3 tháng số người nhập môn lên đến hàng chục ngàn người. Từ đó Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ vượt nhiều thử thách qua nhiều lãnh vực trí thức, chính trị, binh dân, đảng phái, tôn giáo để tiến tới phổ truyền một nền tôn giáo mang tinh thần vạn giáo đồng nguyên nhất lý, xóa bỏ mọi kỳ thị đông tây, mọi so sánh đạo lớn đạo bé, đưa đến sự đồng nhất tâm linh bằng sứ mạng cứu đời trong buổi hạ nguơn mặt kiếp. Đến nay nền Đạo khai đã 93 năm, vẫn còn phải vượt qua nhiều thử thách nội tình, ngoại cảnh, để định hình vững chắc nên tân pháp, đưa nhân loại đến mục đích đại đồng tại thế và siêu thoát xuất thế. Nền tân pháp này dung hợp mọi nguồn tâm linh từ trước về một gốc. Đó là chánh pháp Trung Hưng nêu cao tinh thần trung vạn pháp, hưng vạn giáo, hoà vạn chủng, thân vạn loại, siêu vạn linh. Chánh pháp Trung Hưng gồm hai khoa giáo: Nội Giáo Tâm Truyền hay Tâm Pháp Vô Vi Tam Thanh và Ngoại Giáo Công Truyền hay Tướng Pháp Hữu Vi Tam Giáo. Buổi đầu lập Đạo, hai khoa giáo này phát triển riêng biệt ở miền Nam và được Ôn Trên chuyển cơ Đạo thành về miền Trung, lập Trung Tông Đạo Hội Thánh Truyền Giáo với sứ mạng “Thượng cờ quy nhứt minh chơn đạo.” Tướng Tâm hiệp một, ngoại giáo nội giáo song hành, Thiên đạo Thế đạo đồng tu để chuyển cơ Thành Đạo.

Đức Hiệp Thiên Đại Đế đã minh xác ý Thánh cơ Trời nầy tại Trung Tông Thánh Tịnh Hội Thánh Truyền giáo rằng:

“Nền Đạo Trung Tông Thầy đã vạch định rõ ràng là giữa công truyền và tâm truyền không thể thiếu một được. Nếu trong hai phần ấy mà không giữ được trọn vẹn thì không còn cái nghĩa của chữ Trung Tông nữa. Từ ngày nền Đạo ra đời, bước đầu tiên Thầy đã lo cho cơ Đạo, không khéo do lòng dục của người vì ngã tướng sắc danh mà đưa cơ Đạo đến ngày phải bị thất lạc chơn truyền, nên Thầy đã trao phần tâm truyền bí nhiệm cho Ngô Đại Tiên đảm nhiệm.

Cơ Đạo đến đây Thầy đã kết liền làm một quyết không để canh cải rẽ chia, nếu trong hai phần đó thiếu đi một phần thì nền Đạo của Thầy không thể thành tựu được”.

(TĐ, 23.10.Nhâm Dần - 1962)

Nền Đạo của Thầy được thành tựu là khi sứ mạng Trung Hưng đạt đích. Đức Cao Đài Tiên Ông dạy rằng: “Chánh pháp không dễ chi mà ai cũng được. Từ xưa đến nay trải qua biết bao thế hệ, là người được Đạo xét có mấy ai. Nhưng biết bao kẻ khổ công tìm Đạo, phé danh phé vị buông xả ái ân, cũng mong chứng ngộ đạo mầu; song tu nhiều mà thành ít, cũng vì con người quá khôn ngoan, muốn những cái cao thâm tốt độ, vượt trên tầng lớp con người, tưởng vậy mới siêu nhân, mới đạt đích, nào ngờ lý trí lại làm mờ ám chơn tâm. Lý trí là căn bã phiền não, là sự chướng ngại lớn của con đường vào Chánh Pháp. Bởi lý trí mới so đo cân nhắc, mới tính toán lợi hại mà làm cho mỗi Đạo không được nguyên truyền trọn vẹn. Lý trí chẳng những di hại cho cá nhân người đó, mà gây sự cản trở không biết bao người xa Thầy mất Đạo”.

(HQĐ, 13.01.Nhâm Tý - 1972 - ĐĐ 47)

Như vậy mỗi đạo nguyên truyền cho cơ đạo Trung Hưng là “Công truyền tâm pháp đồng thời phải tu”. Đức Ngô Cao Tiên dạy rằng: “Con đường tận cứu kỳ ba của Thầy, nếu bỏ phương môn tu luyện ra thì cũng không khác gì các tôn giáo xưa cổ kia.

Bản Đạo rất thương cho đa số được sống trong nền tâm pháp còn bị đen tối, chưa thấy được con đường cứu rỗi của Ta, đã phải chung nhau đi theo con đường thanh, âm, sắc, tướng. Thật đáng thương.

Chư hiền nơi đây có duyên phước được ơn Thầy cứu độ, lòng mình được tỏ sáng nhận thấy được con đường cứu chuộc của Thầy thì các hiền phải cố gắng dôi luyện cho mình được thành. Đồng thời lãnh phần sứ mạng cứu độ cho tất cả quần linh”

(ngày 05.12.Giáp Thìn - 1965)

Đức Ngô dạy tiếp rằng:

“Tại sao các hiền không thông cảm với sứ mạng nơi này? Có phải chỉ tu theo pháp Chiếu Minh mà thôi đâu. Là người của Hội Thánh Trung Hưng trước ngày vào thọ pháp, Thầy cũng đã đồng ý các hiền tu theo pháp của Thầy đã trao cho Chiếu Minh. Nhưng về công việc hành đạo thì là người sứ mạng của Hội Thánh Truyền Giáo...”

...Hôm nay nền Trung Hưng tái lập, là ơn phước để phục sinh quyền pháp mà duy trì đạo thống hầu thay thế cho các tôn giáo gánh lấy sứ mạng duy nhất...

Con thuyền đạo muốn cho vững vàng, hãy đặt lòng tin nơi người lèo lái. Để cho công bình hơn... Một con thuyền không lẽ có hai lái...”

Buổi đầu lập Đạo Đức Chí Tôn cho biết là: “Cao Đài ứng hoá theo lòng chúng sinh” nên khi Ngài Ngô Văn Chiêu từ tạ phẩm Giáo Tông, không đảm nhiệm vị trí lèo lái thuyền đạo để đi tu kín. Thầy đã chấp thuận và căn dặn: “Chiêu buổi trước hứa lời truyền Đạo cứu vớt chúng sanh, nay phải y lời mà làm chủ diu dắt cả môn đệ Ta vào đường đạo đức đến buổi chúng nó lập thành, chẳng nên thôi trút. Phải thay Ta mà dạy dỗ chúng nó.”

Đến nay Trung Tông Đạo Hội Thánh Truyền Giáo đã trải qua gềnh thác của các giai đoạn Chính cơ lập pháp, Khai cơ giáo pháp và Khai cơ thành đạo. Nghĩa là Chánh Pháp Trung Hưng của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã hiển lộ đầy đủ “công truyền tâm pháp đồng thời phải tu”. Tướng tâm hiệp một, nội giáo, ngoại giáo song hành, hành đạo tịnh luyện đi đôi. Đây chính là “buổi chúng nó lập thành” mà Thầy dạy Đức Ngô không được tháo trút. Cho nên sau khi đắc vị Ngôi Hai, Đức Ngô đã lâm đàn tại Trung Tông Đạo Hội Thánh Truyền Giáo làm chủ ngôi nhà Đại Đạo Kỳ Ba.

Đức Ngô Cao Tiên đã minh định về vai trò của Ngài ở đàn cơ 20.9.Tân Sửu – 1961 tại Trung Tông Đạo Phước Huệ Đàn:

“NGÔ đường mở rộng tiếp nguyên căn

CAO lập trung tông Phước Huệ Đàn

TIÊN Phật có ngày nên đại nghiệp

Giáng long phục hổ chứng phi thăng

Chào chư hiền.

Ta hôm nay tỏ lòng từ bi để mây lời vàng đá, cũng mong thấy một ngày nơi Tông đạo Trung phân thành công giữa các hiền cùng với một tình thân thiết.

...Ta với các hiền nói về quyền pháp công truyền là anh với em mà từ lâu cũng thể theo tinh thần giáo hội để lòng dìu dẫn các hiền thiên ân chức vị giáo phẩm trong hàng chức sắc. Ta cũng là người anh cả trên hết các phẩm môn đồ. Ta cũng là người môn đệ đầu tiên. Ta với các hiền đệ ở nơi Trời mà đến. Đến đây đều sống trong hoàn cảnh như nhau. Mặc dù là đạo cốt tiên phong nhưng đã chịu ở trong cộng đồng cõi trần, cũng phải nhiễm đời đăm tực. Song Ta giác ngộ đúng thời đúng cơ cùng Tạo hoá. Ta thời đã trung, phận vị được chính mà Ta thừa sứ mệnh hoằng hoá Đạo Trời dù đặc địa như cửu nhị quẻ Càn cũng phải cải hoán thân tâm. Thời gian tiềm phục từ năm Canh Thân đến ngày khai đạo.

Vì thế kia mà muốn cho chư hiền đây thông cảm nhiệm màu. Do vậy muốn độ tàn linh phải bày ra nhiều hình thức mà cũng nhiều giai đoạn để nâng chân trên nẻo đạt Thánh siêu phàm. Dẫu trước kia thiên sai vạn biệt cũng là phương tá giả vi chơn. Nên các hiền ngày nay cũng lần hồi mà hòa đồng cũng lẽ đạo. Mặc dù là hữu hình hữu hoại nhưng không mượn hữu hình làm sao dẫn dắt cho khách thiện cản trở lại chỗ vô vi.

Hôm nay các hiền đã nhận chân được chánh pháp, giác ngộ được tánh mạng căn đề mà quyết tâm hạ thủ công phu cầu truyền khẩu khuyệt thì lẽ tất nhiên phải có pháp sư. Nếu có pháp không thầy vị tất thành công đạt đạo. Nên người tu phải đủ kính và thành. Không kính thì ngã vọng làm mờ ám bản tâm, không thành thì nẻo tử sinh khó dứt.

Vì vậy người tu phải chịu pháp của người nào thì ấy là thầy dẫn

đường giải thoát.

Bởi vậy là ta hôm nay cũng tỏ chút tâm tình, đảm nhận lấy sứ mạng làm thầy mới cứu trọn các hiền thoát vòng sanh tử. Mà các hiền phải thực tâm làm môn đệ chơn thành, chịu sứ mạng nơi Ta để làm pháp môn độ thế. Từ đây các hiền nên cẩn thận dè dặt, gạt bỏ những gì làm bận rộn lòng mình mất thì giờ mà kết quả cũng không đem lại thỏa thích. Nên các hiền đã nhứt nguyện đặt mình dưới sự chỉ dạy của Ta thì nơi này ngày sau sẽ gặt được nhiều quả lành hoa đẹp.

Mạnh mẽ lên, mọi việc hấn thành công. Cơ sở có, bạn thầy cũng có. Mặc dù việc đơn sơ, người còn non yếu, nhưng cũng là mầm mống đặt đầu. Một viên gạch đã để xuống làm móng làm nền đạo thì tòa nhà đồ sộ cũng cất lên nơi đó.

Các hiền cảm thông, nếu trong công vụ chưa được thực hiện thì cẩn thận e dè. Mà cũng cho các hiền biết luôn việc làm này là một tương lai, một thành công rực rỡ. Từ nay trở đi các hiền chuẩn bị đón ta, một cuộc lễ giao ước giữa thầy và trò. Lễ ấy đặt xong, thì ta và các hiền là một nguồn sinh hoạt vô tận. Các hiền là ta, ta là các hiền, giữa tình thân thiết không còn xa xăm lý sự.

Các hiền đọc một lời ta, sẽ thấy lòng ta đối với nhơn sanh nơi này còn nhiều hy vọng. Việc chính đốn hiểu bao nhiêu làm bấy nhiêu. Chờ cơ sở có, quyền pháp trao, sự thông công thuận lợi, thì sẽ lo phân tổ chức.

Song việc tu trong bước đầu cũng làm cho hiền nhiều nỗi nghĩ suy, nhiều điều bất thỏa, nhưng muốn làm nên Phật chẳng những một sự khó mà ngã lòng. Muốn được trọn đạo cũng thành khó ngại gì nọ kia tục lụy. Nghĩa là những người môn đệ thuần túy phải vô vi, nó hiểu vậy làm vậy, đâu chứng đến nơi đại minh biến hóa.

Vì trong cơ khảo thí là một hồng ân cho các hiền, các hiền gặp ta mà cũng lấy nơi này làm nơi giao cảm. Ta cũng không quên một kỷ niệm trước lúc Chánh Pháp thành hình. Để nhắc nhở chờ đón một hồng ân..., để được dự kỳ Long Hoa Thần Tiên đại hội. Phải dọn mình trong sạch để giao thông với Thánh Phật cho nước lành mãi mãi lưu thông cho nhà này trở nên tòa ngự”.

(Đàn 20.9. Tân Sửu - 1961)

Có thể nói từ Khai Minh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tại Thiên Lâm Tự Gò Kén Tây Ninh đến buổi lập thành Trung Tông Đạo Hội Thánh Truyền Giáo tại miền Trung là cả quá trình vận chuyển hoà hợp Thiên Nhân để có được ngôi nhà Đại Đạo xiển dương Chánh Pháp Trung Hưng đưa bước nhơn sanh vào ngươn thành Đức. Và chính Ngô Cao Tiên đã lãnh lệnh đến chủ đạo buổi lập thành.

NGÔ Tiên lãnh lệnh đến lần Ba

MINH chánh đường tu vạn thế hoà

CHIẾU tập lương sanh thành Thánh Hội

Giáng thẳng quyền pháp bởi tay Cha.

Kính thưa Đạo trưởng Phối sư,

Kính thưa quý anh chị lớn Hội Thánh,

Thưa chư chức sắc, chức việc và toàn thể đạo tâm

Để kết lại câu chuyện đạo hôm nay, nhân dịp mãn đợt tu tịnh của Trung Tông Thánh Tịnh Hội Thánh Truyền Giáo, tề đệ xin đọc lại lời cầu nguyện trong các thời cúng tại Trung Tông Thánh Tịnh.

Cầu xin Thầy, Đức Tôn Sư Ngô Đại Tiên, chư Thánh Thiên đồ Trung Bảo từ bi ban ơn cho Hội Thánh Truyền Giáo với sứ mạng Trung Hưng được trọn ơn Thầy.

Cầu xin nền Chánh Pháp Trung Đạo có ảnh hưởng tốt đến các Hội Thánh trong nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ sớm được ơn Thầy để tiến đến duy nhất Giáo hội.

Cầu xin Thầy ban ơn cho đất nước Việt Nam được trọn ơn Thầy, tránh các tai nạn của thời mạt kiếp.

Cầu xin Thầy ban ơn cho nội bộ Hội Thánh, đường lối tu học thông suốt, cơ chế Giáo Hội giữ đúng chơn truyền Đại Đạo.

Cầu xin Thầy và Đức Tôn Sư ban ơn và luôn luôn soi dẫn cho chư tịnh viên trong mùa tịnh tu được tinh tấn, đồng mãnh để lập công phục vụ nhơn sanh, Giáo Hội.

Trân trọng kính chào quý vị!

Tháng 11 AL có lễ kỷ hai cố giáo sư Thượng Tâm Thanh và Ngọc Dinh Thanh, Trung Hưng gửi đến quý huynh tỷ bài viết về cuộc đời và đạo nghiệp của nhị vị:

GUƠNG PHỤNG ĐẠO

Giáo sư THƯỢNG TÂM THANH

(1902 - 1997)

Anh lớn Thượng Tâm Thanh thế danh Phạm Tâm, sinh năm Quý Mão (1903) tại làng Xuân Đài, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Anh lớn xuất thân trong gia đình thuộc thành phần hào phú qua nhiều đời truyền thừa tinh thần Nho giáo, thân phụ là Phạm Quế và thân mẫu Trương Thị Bân. Từ tuổi thành niên học cả chữ Hán và Quốc ngữ. Anh lớn sớm biểu lộ tư chất thông minh, phong thái điềm tĩnh và giàu tiềm năng về các lãnh vực mỹ thuật, lại có thiên hướng về đời sống tâm linh.

Thời trẻ Anh lớn dồn nhiều trí lực cho nghề dệt may, đặc biệt có thiên hướng về âm nhạc truyền thống dân tộc. Khi trưởng thành là người rất thông thạo canh cửi, lụa hàng, được nhìn nhận là thợ



may chuyên quốc phục, lễ phục, đạo phục lại nổi tiếng may các loại cờ phướn, mào lễ. Từ tâm hồn nhạy cảm âm nhạc và theo học nhạc truyền thống, Anh lớn rất sành điệu về bát âm cổ nhạc, đã đào tạo nhiều lớp nhạc công, mở khóa dạy các ban nhạc cổ.

Anh lớn sớm có duyên lành với Đạo Thầy khi cơ đồ Truyền Giáo hình thành tại Quảng Nam, phát nguyện nhập môn ngày 16/7/Ất Hợi (1935) tại Thánh thất Từ Quang. Vào nếp đạo được gần gũi và thường theo chân chư Hướng đạo tiền bối, Anh lớn trải tâm trường cho đạo nghiệp, học hạnh người tu sẵn tâm tham gia nhiều đạo sự tại giáo sở Từ Quang. Năm Kỷ Mão (1939) được bầu làm Bảo cử xã đạo Phú Bông. Anh lớn cho mượn nhà lập Thiên Bàn xã đạo. Nhiệt tâm phụng sự nhân sinh, tính người cẩn thận, Anh lớn lại được giao làm Quản lý công nghệ Thánh thất Từ Quang, lập xưởng may hoạt động khá hiệu quả.

Năm Mậu Tý (1948), Anh lớn chuyển dời xưởng may lên sở nông Phước Hội, lập xưởng công nghệ trực thuộc Cơ Quan Truyền Giáo. Năm 1951, gia đình trở về lập nghiệp tại Hội An, cùng thời có rất đông bốn đạo Cao Đài ở các vùng nông thôn xuống Hội An lánh nạn, đông nhất là cư dân Thi Lai, Hà Mật, Phong Thử, Túy La. Chiến tranh kéo dài mà tín chúng Cao Đài cần có Thánh sở sinh hoạt tu học, lễ bái.

Thực trạng này thôi thúc Anh

lớn cùng chư huynh Lương Như Lý, Nguyễn Hồng Tàn, Huỳnh Quốc Tuyền, Hồ Nuôi... Cùng nhiều đồng đạo khởi xướng việc thành lập Họ đạo xây dựng giáo sở, hình thành Thánh thất Hội An. Sống trong hoàn cảnh chiến tranh nhiều nhương, đời sống nhân sinh đối diện với trăm bề khốn khó nhưng Anh lớn vẫn tâm trường nuôi chí quyết theo bước chân truyền giáo của chư hướng đạo tiền bối, nguyện lập hạnh xả thân hành đạo.

Năm 1956, Hội Thánh Truyền Giáo được thành lập, Anh lớn được Thiên phong Lễ sanh, một năm sau Hội Thánh bổ nhiệm làm Đầu Họ Đạo Thánh thất Hội An. Thọ nhận Thiên mệnh, Anh lớn trở thành trụ cột, “linh hồn” cho các sinh hoạt đạo sự tại Họ Đạo. Từng trải nhiều năm tháng sống khốn khó, gian truân, Anh lớn tỏ ra am tường thấu tận nỗi khổ lụy, hợp tan trong nhân sinh nên luôn quan tâm đến từng mỗi hoàn cảnh của bốn đạo, luôn mở lòng quảng đại để cảm hóa diu dẫn đạo đồ cần chuyên tu học. Ngoài trọng trách chăm lo thực thi các pháp độ sanh độ tử, Anh lớn Thượng Tâm Thanh nỗ lực từng bước xây

dựng Thánh sở ngày càng khang trang thêm. Anh lớn kêu gọi bốn đạo công quả mua đất lập nghĩa trang, mở rộng mặt bằng Thánh sở, chuyên chú thực hiện chủ trương kết nối tình yêu thương đồng đạo, lấy yêu thương đoàn kết hướng dẫn nhân sinh tu đức sống đạo, tạo dựng Thánh đường nội tâm.

Sau năm 1975, xã hội chuyển bước vào giai đoạn mới, một số gia đình đạo hữu hồi hương về lại Quê Sơn, Điện Bàn, Đại Lộc... Anh lớn vẫn bình tâm thực thi quyền pháp, thường xuyên thăm viếng, an ủi đồ chúng un đúc đức tin thờ Thầy giữ Đạo. Trong suốt một thập kỷ không kêu gọi bốn đạo công quả, ngưng nghỉ mọi công trình kiến tạo cơ sở lại chú trọng việc khuyến tu, mở đường cho tín chúng hồi hương về đời sống tâm linh. Đầu năm Bính Dần (1986), Anh lớn được Hội Thánh cầu phong phẩm Giáo hữu và bổ nhiệm làm Đầu tỉnh đạo Quảng Nam. Đảm nhiệm hai trọng trách khi đã bước qua tuổi 80, Anh lớn vẫn là người năng động trong vai trò Hướng đạo, phát huy các sáng

kiến, lập chương trình hành đạo thích hợp và chu toàn việc chỉnh trang giáo sở, tu bổ Hiệp Thiên đài, xây mới Bát Quái đài Thánh thất Hội An. Anh lớn tích cực tham gia vào Ban cố vấn góp sức vận động tổ chức Đại hội Nhân sinh lần I đạt thành.

Sau ngày giáo hội và các Thánh sở thuộc hệ đồ Truyền giáo được công nhận tư cách pháp nhân, đời sống sinh hoạt tu học của bốn đạo tạo được diện mạo mới khá ổn định... là lúc Anh lớn Thượng Tâm Thanh đã vào tuổi 95, nên xin về nhà tịnh dưỡng, nhất tâm cho việc tế lễ cầu nguyện tại Thánh thất. Trải nửa thế kỷ xả thân hành đạo, tỏ rõ chí nguyện phụng sinh trong tinh thần vô ngã, Anh lớn là bậc thừa sai trung thành với cơ đồ Truyền Giáo đã chu toàn việc thực thi sứ vụ Trung Hưng chánh pháp, xứng bậc chơn tu mẫu mực. Ngày 12 tháng 11 năm Đinh Sửu (1997), chơn linh Anh lớn Thượng Tâm Thanh được Thiêng liêng triệu hồi cự vị, Hội Thánh dâng lễ cầu truy phong phẩm Giáo sư.



GUỒNG PHỤNG ĐẠO

Giáo sư NGỌC DINH THANH

(1920 - 1986)

Anh lớn Ngọc Dinh Thanh thế danh Mai Dinh, sinh năm Canh Thân (1920), tại làng Đông Tác phủ Thăng Bình, (nay là xã Bình Nam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam) trong một gia đình nhiều đời thuần Nho học nên được thừa hưởng truyền thống giáo dục lễ giáo. Thân phụ là cụ Mai Đình Túy một nhà Nho thuần hậu, thân mẫu cụ bà Nguyễn Thị Viện. Tuổi trưởng thành Anh lớn học chữ Nho với cha và học quốc ngữ với ông Trịnh Hứa. Khi cả gia đình theo đạo Minh Sư, Anh lớn theo học hai thầy là Nguyễn Năng Cán và Nguyễn Thanh Giảng để mở rộng kiến thức đạo học và tỏ rõ một thanh niên thông minh hiếu học, ham nghiên cứu.

Năm Đinh Sửu (1937) năm 17 tuổi, vâng lời song thân Anh lớn thành hôn với bà Nguyễn Thị Liễu con ông Hương bộ Nguyễn Cừ, ở cùng làng Đông Tác và đồng đạo Minh Sư. Ngày 15/11/Mậu Dần



(1938), Anh lớn cùng toàn thể môn đồ Minh Sư ở Chùa Giác Tế làng Đông Tác qui hiệp Cao Đài giáo.

Trở thành người Cao Đài, Anh lớn như cảm ứng được nguồn sinh khí mới trong đời sống tâm linh, nhận vai trò phụ tá cho hai ngài Nguyễn Năng Cán và Nguyễn Thanh Giảng, sau đó phụ tá cho ngài Mai Diệu (cố Phối sư Thái Phẩm Thanh) mở rộng cơ phổ

độ. Tuổi trẻ năng động và ham học hỏi, chuyên tâm tu học tăng trưởng đức tin, un đức chí tu chí đạo cùng đồng đạo xây dựng được nhiều Thiên Bàn như Cổ Linh, Gia Nghĩa, Thăng Xuân, Trà Sơn, Trà Long, Kế Xuyên... dành nhiều thời gian hành đạo để hướng dẫn tín đồ tu học. Thánh thất Hưng Đông được thành lập vào ngày 15/4/Ất Dậu (1945), Anh lớn Mai Dinh vừa nghiên cứu học hỏi, vừa tích cực việc thuyết giảng giáo lý trong vai trò Trưởng ban Phổ tế, tín đồ nhập môn vào đạo ngày càng đông. Cơ đạo tại Hưng Đông đã nhanh chóng phát triển và thành lập thêm hai Thánh thất là Từ Vân và Thái Hòa.

Trong giai đoạn 1947-1949, cơ đạo miền Trung gánh nhiều khảo thí khắc nghiệt, chư Hương đạo tiền bối bị tù đầy khắp nơi. Chung gánh nghiệp nhân sinh, đầu năm 1949 Anh lớn cũng thọ pháp nạn, bị kết án một năm tù và bị đưa đi giam tại các nhà lao ở Quảng Nam cùng với các ngài Huỳnh Thanh, Lê Thành Tiến,... Ngày được tự do, Anh lớn lại chuyên tâm hành đạo, lo củng cố hàng ngũ đạo đồ, hướng dẫn nhân sinh vững tâm tu, nhứt tâm thờ Thầy giữ Đạo. Chí tu này càng tỏ sáng Anh lớn được

Thiên phong Ngọc Lễ sanh, được cử làm Hiệu trưởng trường Giác Tế thuộc Thánh thất Hưng Đông. Sau ngày 20/7/1954 Hiệp Định Genève, lễ đoàn tụ được tổ chức mừng ngày trở về của chư Hương đạo, cơ đạo từng bước được phục hưng, hệ thống hành chánh đạo được củng cố. Lễ sanh Ngọc Dinh Thanh được cử làm thư ký Tỉnh đạo Quảng Nam, dưới quyền Đầu Tỉnh đạo Giáo sư Thái Sơ Thanh.

Đàn cơ tại TT. Thái Hòa mừng 01/8/Ất Mùi (1955) Anh lớn được Đức Chí Tôn ân phong Quyền Giáo hữu:

*“Ngọc Dinh Thanh nguồn lành
nước mát,*

Tiếng ro re như hát như đồn,

Vui say trong Đạo Thánh nhơn,

*Thánh nhơn còn luyện Tiên
đơn cứu đời”.*

Cơ đạo miền Trung đang thời chuyển biến tích cực, Anh lớn nhận lãnh cương vị thành viên ban vận động tạo tác xây cất Trung Hưng Bửu Tòa tại Đà Nẵng. Năm 1956, Hội Thánh Truyền Giáo ra đời, Trung Hưng Bửu Tòa hình hiện Anh lớn được Thiên phong Giáo hữu chính vị, cùng số đông chức sắc Hội Thánh tham gia khóa tịnh Tứ tượng 54 ngày (từ 23/10/

Bính Thân). Anh lớn cùng chức sắc Thiên phong tham gia dâng đàn hồng thệ (ngày 09/01/ Kỷ Hợi-1959).

Năm 1959, Tu Xá Phước Huệ Đàn và các Tu xá tại nhiều Tỉnh đạo được thành lập dành cho nữ tu sỹ giải thoát. Anh lớn được Hội Thánh cử làm Giám đốc huấn đạo, nhận sứ vụ lãnh đạo và lo giáo huấn cho hàng nữ tu. Thời gian 1965, Anh lớn tham gia điều hành nguyệt san Nhân Sinh, nghiên cứu viết bài trải tâm huyết cho công cuộc phổ truyền chơn đạo. Từ tầm nhìn khoáng đạt quyết chí góp phần mở mang cơ đồ Truyền Giáo, Anh lớn đi thăm vùng dinh điền của bốn đạo tại Buôn Mê Thuột (Đak Lak), thăm bốn đạo ở Võ Đắc (Bình Tuy). Sau đó, Anh lớn được Hội Thánh bổ nhiệm làm Đầu Tỉnh đạo Phú Yên.

Năm 1968, Hội Thánh thành lập nhà in Trung Hưng tại Đà Nẵng, Anh lớn được cử làm giám đốc. Hoạt động kinh tài nhà in Trung Hưng đem lại nhiều hiệu quả thiết thực đã góp phần đáng kể trong việc xây cất “Trung tâm Bảo trợ Thiếu Nhi Hưng Đạo”. Năm 1972, Hội Thánh mở hội nghị kiện toàn cơ cấu tổ chức nhân sự giáo hội, Anh lớn được cử

giữ chức vụ Phó Chương quản II kiêm Chánh văn phòng Cơ quan Phước thiện Hội Thánh.

Sau năm 1975 nhà in Trung Hưng và Trung tâm Bảo trợ Thiếu Nhi đều ngưng hoạt động. Anh lớn được cử phụ trách Lương viện kiêm Thư ký cho Giáo sư Ngọc Tín Thanh - Phụ tá Chủ trưởng Hội Thánh. Thời gian này Anh lớn được Hội Thánh bổ nhiệm làm Đầu Họ Đạo Thánh thất Trung Đồng. Năm 1980, trải qua 40 năm tu học lập công, nhận lãnh nhiều sứ vụ quan trọng và nhất tâm phụng đạo, sức khỏe Anh lớn đã suy kém, hai mắt bị mờ phải vào Sài Gòn chữa trị. Nhờ duyên lành sau nửa năm điều trị thì mắt được sáng lại, Anh lớn thêm vững tin vào hiệu ứng ơn điển Thiêng liêng nên vô cùng phấn khởi, có lúc tâm sự “Thầy đã cho tôi sự sáng lại, để chí học của tôi khỏi lu mờ”.

Đến giữa năm Bính Dần (1986), sức khỏe ngày càng giảm sút, Anh lớn thường tịnh dưỡng một mình trong phòng riêng tại Trung Hưng Bửu Tòa. Biết mình đến lúc sắp về với Thầy, để khỏi “làm phiền” nhân sinh và giáo hội, Anh lớn đã tự chuẩn bị đồ tẩm liệm cho mình (may tay) và có ý muốn được về quê bỏ xác. Ngày 20/11/Bính Dần,

xin phép Hội Thánh về quê thăm gia quyến, cũng là duyên tiền định hợp với sở nguyện, ba ngày sau khi về đến quê nhà vào buổi sáng tinh sương ngày 23/11/Bính Dần (1986) Anh lớn Ngọc Dinh Thanh đã nhẹ nhàng thoát trần trở về với Thầy Mẹ, hưởng thọ 66 tuổi. Từ công trạng đặc biệt xuất sắc, tâm tu chí đạo ngời sáng, Hội Thánh cầu truy phong phẩm Giáo sư. Hành trạng của Anh lớn xứng là một chân dung thừa sai chơn tu, trọn đời hiến thân phụng đạo cho cơ đồ Truyền Giáo, đạo nghiệp Anh lớn Giáo sư soi đường chánh pháp cho thế hệ kế thừa tiếp bước.

Trong nhiều dòng điệu văn
tưởng niệm Anh lớn, xin ghi lại

cảm xúc chân tình của cố Giáo sư Ngọc Luyện Thanh - khắc họa chân dung tài đức và đạo hạnh Giáo sư Ngọc Dinh Thanh:

*Mai Đình ơi hỡi, bạn Minh Giai
Tri kỷ than ôi! Giọt lệ dài
Bệnh tật triền miên thôi khỏi hẳn
Nghiep trần vương vấn hết
đeo dai.*

*Kiên trung thuần đức nêu
gương sáng*

*Hiển chánh cự tà rõ biện tài
Lồng lộng trời cao lừng
khí phách*

Trung Hưng còn đó, khó tìm ai!



THÔNG TIN TƯ LIỆU

LỄ AN VỊ NHÀ TU TRÍ HUỆ

Gior tý ngày 24/8/Mậu Tuất (Ngày 30/09/2018), Nhà Tu Trí Huệ kính thành tổ chức Lễ An vị Nhà Tu tại địa chỉ 02 Phan Bội Châu, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam (Bên cạnh Thánh Đường Quảng Nam).



Về tham dự lễ An vị có Đạo trưởng Phối Sư Thượng Hậu Thanh, Chức sắc các Cơ quan trong Hội Thánh, Ban Đại diện Hội Thánh tại Quảng Nam, Nhà Tu Phước Huệ - Dòng tu Bảo Thọ, Đại diện các Hộ đạo lân cận và toàn thể Tu sỹ, Tu sinh Nhà tu Trí Huệ.

Nhà Tu Trí Huệ được khởi công xây dựng từ ngày 22/Giêng/Đinh Dậu, đến nay công trình Nhà chính đã được hoàn thành với tổng diện tích 2 tầng khoảng 1.100m² (mỗi tầng 550m²). Còn một số hạng mục như tường rào, cổng ngõ, nhà nghỉ khách vãng lai, sân nền, nội thất v.v... được Nhà tu tiếp tục vận động công quả và khấn trương thi công hoàn thiện công trình, phần đầu đến đầu năm Kỷ Hợi (2019) sẽ hoàn thành dự án và tổ chức lễ khánh thành, sớm đưa vào phục vụ việc tu học của Tu sỹ - Tu sinh Nhà Tu và đón nhận thêm tu sinh mới.

Mặt tiền nhà tu. Câu đối trước cổng là:

**TRÍ ĐỊNH VỌNG TÂM PHIỀN NÃO TẬN
HUỆ KHAI CHỜN TÁNH BỒ ĐỀ SANH**



TANG LỄ

GIÁO HỮU HÀM PHONG NGỌC HIỆU THANH



Đạo huynh Giáo hữu hàm phong Ngọc Hiệu Thanh, nguyên Đâu Hộ đạo Thánh Thất Thái Hòa sau thời gian dài lâm trọng bệnh đã qui Tiên tại Thánh Thất Thái Hòa- Xã Bình Nam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam vào ngày 11/09/Mậu Tuất, hưởng thọ 78 tuổi. Đạo huynh sinh năm Tân Tỵ (1941) tại xã Bình Nam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

Về dự lễ điều tang và đưa tiễn Đạo huynh có Anh lớn Giáo sư Thượng Sách Thanh, chức sắc các Cơ quan trong Hội Thánh, các tỉnh thành Đạo, các Hộ đạo, đông đảo Chức sắc, Chức việc, bổn đạo, các Tôn giáo bạn, chính quyền các cấp và đồng bào xa gần.

Đạo huynh đã ra đi về với Thầy Mẹ nhưng vẫn mãi để lại cho đoàn hậu tấn bao tấm gương sáng ngời của người Sứ đồ Đại Đạo, đó là tình thương trọn vẹn mà Đạo huynh đã dành cả đời mình thực hiện y đức chữa bệnh cho nhân sanh (không kể đạo đời), đó là tấm lòng trung kiên quyết một dạ “Thân ở Thánh Đường - Tâm tại Đạo” để lo cho cơ Đạo được hồng dương. (Theo điều lễ mà Anh Lớn Giáo Sư đã ghi nhận công đức).



HỘI NGHỊ LIÊN TÔN LẦN THỨ TÁM

Lúc 14.30 giờ ngày Thứ Bảy 27-10-2018, tại Trung Tâm Mục Vụ Tổng Giáo Phận Tp. Hồ Chí Minh đã diễn ra buổi Hội Ngộ Liên Tôn lần thứ Tám, do ngài Stêphanô Tri Bửu Thiên (Giám Mục giáo phận Cần Thơ, phụ trách đối thoại liên tôn và đại kết của Hội Đồng Giám Mục Việt Nam) khai mạc.

Cuộc hội ngộ lần thứ tám này nhằm kỷ niệm một trăm hai mươi năm danh nhân văn hóa Petrus Trương Vĩnh Ký về với Chúa (1898-2018). Do đó, sau nghi thức khai mạc, Ban Tổ Chức đã chiếu lại một trích đoạn phim tài liệu truyền hình để cử tọa cùng ôn nhanh lại *đôi nét về di sản tinh thần của ngài Trương Vĩnh Ký*.



Giám Mục Stêphanô Tri Bửu Thiên khai mạc.

Ngoài một vài tiết mục ca, múa minh họa do các tu sĩ, giáo dân Công Giáo và nhóm tín hữu trẻ Cao Đài thuộc Thánh Tòa Vô Vi Huỳnh Quang Sắc lần lượt công hiến xen kẽ trong chương trình, cuộc hội ngộ liên tôn năm nay với chủ đề **HIỂU BIẾT PHỤNG SỰ NHÂN SINH** đã dành nhiều

thời gian cho năm bài nói chuyện như sau:

1. *Tương quan giữa khoa học với tôn giáo (Baha'i)*
2. *Vô tri bất mộ, hữu tri đắc Đạo (Cao Đài)^(*)*
3. *Đức khôn ngoan theo Kinh Thánh Kitô Giáo (Kitô Giáo)*
4. *Chữ Trí trong Nho Giáo (Minh Lý Đạo)*
5. *Duy tuệ thị nghiệp - Chữ Trí theo nhà Phật (Phật Giáo)*

Riêng đề tài thứ hai (*Vô tri bất mộ, hữu tri đắc Đạo*), Ban Tổ Chức đã mời đạo hữu Huệ Khải trình bày. Sau đây là nội dung câu chuyện nhỏ của đạo hữu Huệ Khải.

*

Ban Tổ Chức có nhã ý mời tôi góp một câu chuyện nhỏ nhân dịp kỷ niệm một trăm hai mươi năm Đức Petrus Trương Vĩnh Ký về với Chúa. Đề tài do Ban Tổ Chức đề xuất là: **VÔ TRI BẤT MỘ, HỮU TRI ĐẮC ĐẠO**.

Đề tài này bao gồm hai ý: (1) **VÔ TRI BẤT MỘ**; và (2) **HỮU TRI ĐẮC ĐẠO**. Có thể nói rằng hai ý này đều phù hợp với cuộc đời Đức Phêrô Gioan Baotixita Trương Vĩnh Ký.

Trước hết, chúng ta cùng tìm hiểu ý thứ nhất: **VÔ TRI BẤT MỘ** 無知不慕. Bốn chữ này có nghĩa: Không biết (thì) không mến. “Gắn” bốn chữ này vào “số phận” Đức Phêrô Ký, chúng ta có thể giải nghĩa là: *Không hiểu biết P. Ký thì không có lòng ái mộ, thương mến P. Ký.*

Khi còn sống, có lẽ Đức Phêrô Ký đã tự biết người đương thời hay lớp người đời sau vì không hiểu ngài nên họ chẳng ngại ngần mà trút cho ngài nhiều lời phê phán rất đốn đau. Bởi vậy, phía trên cửa vào nhà mồ của ngài ở Chợ Quán (nay ở góc đường Trần Hưng Đạo và Trần Bình Trọng, quận 5) có khắc câu La Tinh: *Miseremini mei, saltem vos amici mei. Câu này mượn trong Cựu Ước (Gióp 19:21): Xin thương tôi, xin thương xót tôi, hỡi các anh là bè bạn.*

Không những thế, trước khi lìa xa cõi tạm đầy thị phi này, Đức Phêrô Ký có làm một bài thơ tám câu, mà hai câu kết là: *Cuốn sổ bình sinh công với tội / Tìm nơi thẩm phán để thừa khai.*

Tìm nơi nào mới có được vị quan tòa tuyệt đối công minh, chánh trực? Ở chốn nhân gian trắng đen điên đảo này e rằng tìm hoài vẫn không thấy; bởi vậy, Đức Phêrô Ký rốt cuộc chỉ còn biết trông cậy vào sự minh xét của Đấng có quyền năng *tách riêng chiên và dê trong ngày phán xét cuối cùng* (Matthêu 25:31-46).

Xanh xanh nào có phụ người hiền⁽¹⁾. Thật vậy, Đức Phêrô Ký đã được tách riêng, đã được đứng bên phải Đấng phán xét (Matthêu 25:33), bởi vì Đức Phêrô Ký là một chiên rất lành, một người rất công chính.

Là chiên rất lành, là người rất công chính, Đức Phêrô Ký đã *hiểu biết Đạo làm Người (hữu tri Nhân Đạo)*, thế nên dù phải sống trong một hoàn cảnh lịch sử nghiệt ngã, nhiều nỗi éo le, trước sau ngài vẫn



Đức Petrus
Trương Vĩnh Ký

sống trọn vẹn Đạo làm Người. Bởi vậy, khi đã về trời thì ngài đắc quả Thánh. Thì ra HỮU TRI ĐẮC ĐẠO 有知得道 chính là chỗ đó.

Nói rằng Đức Phêrô Ký đắc quả Thánh, dễ khiến bá tánh phát sinh câu hỏi: Ăn cơm dưới đất, sao biết chuyện trên trời? Hỏi như thế hoàn toàn hợp lý. Bằng chứng nào vậy? Không lẽ chúng ta trả lời: *Phúc cho ai không thấy mà tin* (Gioan 20:29)?

*

Đạo Cao Đài (tức Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ) ra đời ở Nam Kỳ đầu thế kỷ 20, sử dụng đồng tử (*mediums*), lập đàn cầu cơ (*evoking seances*) để các Đấng thiêng liêng giáng trần dạy đạo. Qua phương tiện thông công như vậy, nhiều vị anh hùng liệt nữ dân tộc, các bậc danh Nho chí sĩ nước Nam, đã có thể từ cõi trời trở xuống cõi người để dạy đạo, gởi gắm tâm hồn tiền nhân với đàn hậu tấn là con Hồng cháu Lạc. Trong số các vị giáng cơ, có Đức Trương Vĩnh Ký.

1. Vào Chủ Nhật 30-4-1972, trong một đàn cơ lập ở Tân Định (quận 1, Sài Gòn), có một Đấng giáng, xưng danh như sau:

TRƯỜNG cờ Đại Đạo khắp Nam bang
VĨNH cửu trường sanh ngọn phước vàng
KÝ bút lưu đề danh hậu tấn
LAI ĐÀN đàm luận đạo Kỳ Tam⁽²⁾.

Đây là lối thơ quán thủ (tiếng Anh gọi là *acrostic*). Ráp năm chữ ở đầu bốn câu thơ chúng ta biết Đấng giáng cơ xưng danh là: TRƯỜNG VĨNH KÝ LAI ĐÀN. (*Lai đàn*: đến với đàn cơ.)

2. Trước đó ba mươi bốn năm, vào tháng 3-1938, trong một đàn cơ lập trên đỉnh núi Heo (nằm về phía tây núi Bà Đen, tỉnh Tây Ninh), có một Đấng giáng, xưng danh như sau:

TRƯỜNG cánh buồm loan độ khách trần
ĂN vùng mây bạc cứu nguyên nhân
Sĩ tu Đại Đạo chơn hòa lý

CHÍ đức thành tâm khí hiệp thân
THÁNH bút chơn truyền đời ngộ giáo
HẬU hòa chủng loại thọ Thiên ân
SƯ minh giáo lý Thiên thơ tác
GIÁNG lệnh mừng kinh vịnh mấy vần.

Ráp tám chữ ở đầu tám câu thơ chúng ta biết Đấng thiêng liêng ấy xưng danh là TRƯƠNG ÂN SĨ CHÍ THÁNH HẬU SƯ GIÁNG. Liên sau bài thơ, Đức Chí Thánh Hậu Sư bảo: “Mừng chư sĩ. Chư sĩ biết Ta chăng? Ta là Trương Vĩnh Ký đây.”⁽³⁾

3. Vẫn trong tháng 3-1938, tại một đàn cơ khác cũng lập trên đỉnh núi Heo, Đức Trương Vĩnh Ký trở lại, xưng danh như sau:

TRƯỜNG máy huyền vi cứu thế tàn
ÂN theo chân đạo độ nhân gian
Sĩ tu khuyên khá tầm ra lý
GIÁNG thế Kỳ Ba lệnh Ngọc Hoàng.⁽⁴⁾

Bài thơ quán thủ là: TRƯỜNG ÂN SĨ GIÁNG.

Chúng ta biết rằng trong khoảng mười năm cuối đời, Đức Phêrô Ký sống ẩn dật trong cảnh nghèo tại nhà riêng ở Chợ Quán, Sài Gòn (góc đường Trần Hưng Đạo và Trần Bình Trọng, quận 5 ngày nay). Đó là lý do trong hai lần giảng cơ ở Tây Ninh, Đức Hậu Sư Chí Thánh Trương Vĩnh Ký đều xưng danh là Trương Ân Sĩ (Kẻ sĩ họ Trương ở ẩn).

Thời xưa, Đức Khổng Tử đã được kính thờ là TIÊN SƯ CHÍ THÁNH 先師至聖 (hay Chí Thánh Tiên Sư). Trong thế kỷ 20, nhờ cơ bút đạo Cao Đài, chúng ta biết rằng ngài Trương Vĩnh Ký đã được Đức Cao Đài Ngọc Đế trên Thiên Đình phong là HẬU SƯ CHÍ THÁNH 後師至聖 (hay Chí Thánh Hậu Sư).

*

Trong lần giảng cơ thứ hai ở đỉnh núi Heo, Đức Trương Vĩnh Ký thổ lộ:

“Đến khi chết đặt [được] Chí Tôn xét công mà ban cho là HẬU SƯ CHÍ THÁNH.”⁽⁵⁾

Chúng ta tự hỏi: Lúc sống ở trần gian, ngài Phêrô Ký lập được công trạng gì?

Bình sanh ngài có nhiều công, trong đó công lớn của ngài là giữ trọn lòng thanh bạch, tận dụng hết trí tài hy hữu để soạn nên khoảng một trăm hai mươi quyển sách mà hầu hết đều là sách dạy đời đạo lý, luân thường, lễ nghĩa của hiền thánh đời xưa.

Trong một đàn cơ ngày Thứ Năm 10-12-1931 của Chiêu Minh Tam Giáo ở Cần Thơ, Đức Quan Thánh Đế Quân giảng dạy bốn đạo Cao Đài:

“(N)gười văn chương quân tử mà làm đặng một pho sách dạy chúng luân thường đạo lý thì người đặng thành Thánh.”⁽⁶⁾

Tại Vạn Quốc Tự (đường Phan Thanh Giản, quận 10, Sài Gòn), Đức Ni Sư Diệu Lộc giảng cơ dạy:

“Từ cõi Thiên Đình hay Niết Bàn, Bồng Lai Tiên Cảnh đến cửa đạo đức, không một vị Phật Tiên Thánh Thần hay nhà lãnh [đạo tôn] giáo nào thiếu TRUNG, HIẾU, TÍN, NGHĨA, NHÂN, LỄ, LIÊM, SỈ mà nên.”

Vậy thì, đạo quả HẬU SƯ CHÍ THÁNH minh chứng rằng khi còn mang thân phận mỏng giòn trên cõi trần, Đức Phêrô Ký đã trọn vẹn tám tiêu chuẩn của Đạo làm Người là: *trung, hiếu, tín, nghĩa, nhân, lễ, liêm, sỉ*.

Trong hơn một thế kỷ vừa qua, ở đâu đó, có những ai đó, vì mấy lý do nào đó, mà không tiếc lời kết án hiền nhân Petrus Ký. Họ nói gì mặc lòng, riêng đối với những người con áo trắng Cao Đài thì tự thân sự kiện Đức Trương Vĩnh Ký được Đức Cao Đài Thượng Đế ban phong quả vị Hậu Sư Chí Thánh đã mặc nhiên trả lại tiếng thơm muôn thuở muôn phương cho hiền nhân Petrus Ký, một con chiên rất lành, một môn đồ rất công chính của Thầy Giêsu rồi vậy.

27-10-2018, HUỆ KHÁI

(*) Bài đăng kèm trong mục này

(1) Tòa Thánh Tây Ninh, *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, quyển thứ nhứt. Sài Gòn: Nhà in Tuyết Vân, 1964, tr. 116. (Xanh xanh: Cũng như Ông Xanh, Cao Xanh, tức là Trời, Thượng Đế.)

(2) Huệ Khải, *Petrus Ký Xưa Và Nay*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2014, tr. 9.

(3) *Petrus Ký Xưa Và Nay*, tr. 12.

(4) *Petrus Ký Xưa Và Nay*, tr. 21.

(5) *Petrus Ký Xưa Và Nay*, tr. 27.

(6) *Kinh Tam Nguơn Giác Thế*. Cần Thơ: nhà in Phương Nam, 1953, tr. 36.

KHAI GIẢNG KHÓA TU TẬP PHỔ TỂ VIÊN DỰ BỊ 2018 - DƯƠNG ĐÔNG 3

Ngày 02/12/2018, Ban Phụ trách GDHĐ đã tổ chức Lễ khai giảng Khóa tu tập PTV dự bị 2018 - Dương Đông 3.

Lễ khai giảng được tổ chức tại 2 nơi: tại Trung Hưng Bửu Tòa có 106 khoá sinh thuộc khu vực 1 và tại Thánh thất Từ Vân có 73 khoá sinh thuộc khu vực 2. Tại mỗi nơi, quý chức sắc lãnh đạo các Cơ quan của Hội Thánh đã quang lâm tham dự và phát biểu động viên tinh thần cho Khóa tu tập.



LỄ TỐT NGHIỆP GIÁO SĨ HOÀNG GIÁO

Sau hai năm đào tạo, ngày 25 tháng 11 năm 2018, Ban Quản lý Hạnh Đường Hưng Đức đã tổ chức lễ tốt nghiệp cho hạnh sinh hệ Hoàng Giáo khóa I (2016-2018) tại Trung Hưng Bửu Tòa. Đạo trưởng Phối sư Thượng Hậu Thanh đã đích thân trao bằng tốt nghiệp cho 22 tân Giáo sĩ Hoàng Giáo. Và các Chương quản các Cơ quan Hội Thánh, quý vị chức sắc Đại diện Hội Thánh, vị Đầu Họ Đạo cùng nhiều thân nhân của hạnh sinh cũng về dự lễ và chúc mừng các tân Giáo sĩ. ☺

THÁNH THẤT TRUNG AN XÂY DỰNG TAM ĐÀI

Thánh Thất Trung An tọa lạc tại thôn Hiền Lộc, xã Bình Lãnh, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam. Sau khi thực hiện lễ đặt đá 19/4/Đinh Dậu (2017), đến tháng 02/Mậu Tuất (2018), Họ đạo mới bắt đầu khởi công xây dựng. Trung An được xem là một tổ đình của cơ Đạo miền Trung.

Trung An được Ôn Trên cho thành lập Thánh thất ngày 24/6/Mậu Dần (1938), toàn thể bốn đạo Minh Sư tại chùa Tam Giáo

làng An Tráng qui hiệp Cao Đài. Hơn 80 năm trước, An Tráng là nơi đương nhóm nhen nuôi dưỡng tinh thần “Chấn Hưng Đạo Học”. Nói đến An Tráng, phải nói đến hai nhân vật Trần Nguyên Chất (1893 - 1950) còn gọi là thầy Cừ Sáu và ngài Huỳnh Ngọc Trác (1898-1945) tức thầy giáo Hai đã làm cho làng An Tráng nổi danh “làng văn minh đạo đức”.

Hồi ký của ngài Thanh Long ghi lại:



“Năm Đinh Sửu 1937 chúng tôi, quý anh Giáo sư Trần Công Bang, Nguyễn Quang Châu, Nguyễn Đán, Bạch Hồ, Phan Đình Công và tôi đón ô-tô vào Việt An chuyển sớm, đến chợ Việt An độ 10 giờ sáng, rồi đi bộ vào An Tráng. Đường sá thì lên đồi xuống dốc, làng mạc thì quây quần đồi này một ấp, đồi kia một làng, đời sống dân chúng trông có vẻ thái bình không mấy bôn ba tảo tần, bản chất người dân thì hiền lành chất phác, trẻ con không thấy tinh nghịch. Đặc biệt quanh làng An Tráng dân chúng từ kẻ đi đường cả những người làm lụng dưới ruộng rẫy, thấy khách lạ đến dõ nón chào, trẻ chăn trâu cũng từ trên lưng trâu tuột xuống dõ nón vòng tay cúi đầu thật là lễ phép. Chúng tôi ngỡ rằng đó là bốn đạo, hoặc chúng tôi như các quan phủ, huyện họ nể sợ mà chào, nhưng hỏi ra thì không phải vậy, vì đó là dân làng và lễ nghĩa trong làng. Về An Tráng mới thấy như lạc vào cảnh Không lâm”.

Trải qua gần một thế kỷ hình thành và phát triển, Thánh thất Trung An là nơi xuất thân những nhà Nho uyên thâm đạo học trở thành chức sắc Hướng đạo và đóng góp nhiều công sức cho cơ đồ Truyền Giáo như quý ngài

Phan Thiện Trì, Trịnh Trung Tín, Nguyễn Mậu Châu, Trần Thanh Cần, Phan Sỹ Nhiếp, Trần Nguyên Chí, Trịnh Thanh Bằng, Trần Doãn Cơ, Trần Thục Cơ, Võ Phi Yến, Trương Sư Xuyên, Nguyễn Trinh Cán Đầu năm 1948, tại Thánh thất Trung An khai mạc Đại hội đại biểu Cao Đài bốn tỉnh Nam, Ngãi, Bình, Phú lập nên Cơ quan truyền giáo Trung Bộ.

Thánh sở phải nhiều lần thay đổi địa điểm, đổ nát do chiến tranh, nay được Trung An xây dựng Thánh thất là niềm vui lớn lao của toàn đạo. Diện mạo ngôi tam đài dài 36m, Cửu Trùng đài dài 24m, lầu chuông - trống cao 26m. Điều kiện kinh tế bốn đạo nơi đây còn nhiều khó khăn, việc thực hiện công trình đang tiến triển nhưng xem ra thực sự quá tầm với của toàn nhân sanh. Hướng về ngôi tổ đình đang dần hình hiện, rất cần tinh thần đồng tâm hiệp lực chia sẻ, đóng góp công đức của toàn đạo, sự phát tâm công quả từ các nhà thiện tri thức, mạnh thường quân.

Nguyễn Ôn Trên ban ân điển thiêng liêng để bốn đạo Trung An sớm chu toàn công trình đặc biệt này.



ĐẠO SỰ Năm Mậu Tuất

❑ LỄ KHÁNH THÀNH CƠ SỞ ĐẠO CÁT TIÊN

Ngày 24 tháng 01 năm Mậu Tuất, Cơ sở đạo Cát Tiên (xã Phước Cát, huyện Cát Tiên, Lâm Đồng) tổ chức lễ khánh thành ngôi Thánh xá. Trước đây bốn đạo tại Cát Tiên sinh hoạt tu học tại Thánh thất Trung Dương (Đơn Dương, Lâm Đồng), năm 2006 xin tách ra thành lập Cơ sở đạo Cát Tiên.

❑ LỄ KHÁNH THÀNH THÁNH THẤT TRUNG NGHĨA

Ngày 09 tháng 02 năm Mậu Tuất, Họ Đạo Trung Nghĩa (Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu) tổ chức lễ khánh thành ngôi tam đài. Thánh thất Trung Nghĩa được thành lập ngày 22/8/1973. Qua 45 năm phát triển, bốn đạo Trung Nghĩa khởi công xây dựng ngôi thờ Thầy từ cuối năm 2010 và tổ chức lễ An vị ngày 20/11/Quý Tỵ (2013). Sau 5 năm công trình ngôi Thánh thể Đức Chí Tôn mới hoàn thành viên mãn.

❑ LỄ RA MẮT CƠ SỞ ĐẠO TRUNG PHƯỚC ĐIỀN

Ngày 30 tháng 02 năm Mậu Tuất, Họ đạo Trung Phước An đã tổ chức lễ ra mắt Cơ sở đạo Trung Phước Điền tại xã Cư Kty, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk. Cơ sở đạo Trung Phước Điền tách ra từ Thánh thất Trung Phước An.

❑ KHỞI CÔNG XÂY DỰNG THÁNH THẤT TRUNG ĐIỀN

Ngày 07 tháng 3 năm Mậu Tuất, Thánh thất Trung Điền tổ chức lễ khởi công xây dựng ngôi tam đài tại xã Quảng Điền, huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk. Thánh thất Trung Điền được thành lập ngày 22/10/Bính Thân (2016), tách ra từ Thánh thất Trung Hòa (Tp. Buôn Mê Thuột).

❑ LỄ TRÍ THẠCH THÁNH THẤT KIM QUANG MINH ĐÀI

Ngày 13 tháng 3 năm Mậu Tuất, Thánh thất Kim Quang Minh Đài (thôn Hội Vân, xã Cát Hiệp, Phù Cát, Bình Định) tổ chức lễ Trí thạch xây dựng tam đài. Thánh thất Hội Vân (tiền thân Thánh thất Kim Quang Minh Đài) hình thành năm 1939. Từ năm 1948, tại đây đặt Văn phòng Tỉnh đạo Bình Định. Năm 1959, Tu xá dòng nữ tu giải thoát cũng thành lập cơ sở tại Kim Quang Minh Đài.

❑ BẦU CỬ GIÁO HỮU

Ngày 03 tháng 5 năm Mậu Tuất, Hội Thánh Truyền Giáo tổ chức bầu cử Giáo hữu được tiến hành cùng lúc tại 4 cụm. Tất cả Lễ sanh đang hành đạo là

thành phần cử tri tham gia bỏ phiếu kín tín nhiệm cho 11 Lễ sanh thăng phẩm lên Giáo hữu. Sự kiện này nhằm bổ sung nguồn nhân lực cho tổ chức giáo hội.

❑ LỄ KHÁNH THÀNH TU XÁ BÌNH ĐỊNH

Ngày 20/4/Mậu Tuất, lễ khánh thành Tu xá đoàn Nữ tu Bình Định tại thôn Hội Vân, xã Cát Hiệp, Phù Cát, Bình Định. Tu xá Bình Định thành lập năm Kỷ Hợi (1959). Sau nhiều lần xây dựng nhưng đến nay mới hoàn thành cơ sở khang trang.

❑ TU TẬP SINH KỶ NIỆM 25 NĂM THÀNH LẬP

Ngày 23/6/2018, tập thể Tu Tập Sinh tại Tp. HCM tổ chức lễ kỷ niệm 25 năm thành lập tại Thánh thất Trung Minh (quận 11, Tp.HCM). Ngày hội ngộ các thế hệ sinh viên Cao Đài học tại các trường đại học tại Sài Gòn.

❑ KHÓA TU HỌC TÂM HẠNH SỐNG ĐẠO

Ngày 16/5 đến 18/5/Mậu Tuất, tại Linh Tháp Quảng Ngãi đã tổ chức khóa tu học Tâm Hạnh Sống Đạo dành cho tín hữu trẻ với 119 khóa sinh tham dự.

❑ TRẠI QUẢNG TRUYỀN III

Ngày 17 - 18/5/Mậu Tuất, tại Thánh thất Từ Vân (xã Bình Triều, huyện Thăng Bình, Quảng Nam), các GDHĐ tại Quảng Nam đã tổ chức trại Quảng Truyền III. Hội trại có trên 500 Thanh – Thiếu sinh tham gia.

❑ HỘI THI TIẾNG HÁT TRUNG HUNG

Ngày 24/5/Mậu Tuất, vòng thi chung kết Tiếng Hát Trung Hưng diễn ra tại Trung Hưng Bửu Tòa (Tp. Đà Nẵng). Có 20 thí sinh đã vượt qua đợt tuyển chọn và sơ kết từ các GDHĐ và tập thể Tu Tập Sinh.

❑ LỄ AN VỊ CƠ SỞ ĐẠO ĐỨC THẮNG

Ngày 09/7/Mậu Tuất, Cơ sở đạo Đức Thắng (xã Đức Thắng, huyện Mộ Đức, Quảng Ngãi) đã tổ chức lễ An vị ngôi tam đài.

❑ HỌC VIỆN CAO ĐÀI TRUYỀN GIÁO KHAI GIẢNG

Ngày 15/9/2018, tại Trung Hưng Bửu Tòa, (Tp. Đà Nẵng) Học Viện Cao Đài Truyền Giáo tổ chức lễ khai giảng khóa đầu tiên ngành Trị sự - Cai quang, niên khóa 2018 - 2019.

❑ LỄ TỐT NGHIỆP GIÁO SĨ HOÀNG GIÁO

Trong hai ngày 18 và 19/10/Mậu Tuất, Tại Trung Hưng Bửu Tòa (Tp. Đà Nẵng) Hội Thánh Truyền Giáo tổ chức lễ kết khóa Hạnh Đường Hưng Đức hệ Hoàng Giáo. Dịp này có 22 Hạnh sinh tốt nghiệp được cấp bằng Giáo sĩ Hoàng Giáo.

DANH SÁCH ẨM TỔNG

STT	TÊN/ ĐƠN VỊ	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
	Họ Đạo Hội An	8,500,000	
1	BTS Xã Đạo Vĩnh Điện	300,000	
2	BTS Xã Đạo Thanh Quýt	300,000	
3	BTS Xã Đạo Xuân Mỹ	300,000	
4	Luật Sự Trương Công Trãi	150,000	
5	Q.Giáo Thiện Trần Thị Gân	200,000	
6	Lễ Sanh Văn Hương Nhom	400,000	
7	TT.Văn Thị Long	1,200,000	
8	CTS Trần Thị Hoa	700,000	
9	DT Lê Thị Phụng	250,000	
10	TS Trần Thị Loan	300,000	
11	PTS Trần Thị Thu Ly	200,000	
12	PTS Lê Thị Lài	400,000	
13	Các con GH Lê Minh Đức	500,000	
14	PTS Nguyễn Thị Trang	350,000	
15	Nguyễn Thị Lý	350,000	
16	Trần Văn Chính	100,000	
17	TS Phạm Ngọc Dũng	100,000	
18	TT Nguyễn Văn Tân	100,000	
19	CTS Nguyễn Văn Thời	300,000	
20	DT Nguyễn T.T. Hương	500,000	
21	CTS Trần Thị Thúy	150,000	
22	DT Trần Thị Nga	100,000	
23	TT Nguyễn Thị Nhân	300,000	
24	Nguyễn Anh Hoàng	50,000	
25	PTS Phan Quang Phong	200,000	
26	TS Trần Diệt	400,000	
27	Trần Thị Thùy Linh	200,000	
28	Lưu Ngọc Hòa	100,000	
	Họ Đạo Khánh Vân	700,000	
1	Họ Đạo Khánh Vân	500,000	
2	Gia đình chú Tài, cô Tú	200,000	
	Họ Đạo Trung Bảo	2,340,000	
1	Nguyễn Thị Thu Tâm	100,000	P.Cầm
2	Gia đình anh Bốn Bờ	100,000	P.Cầm
3	Võ Đức Mậu	100,000	P.Cầm
4	Nguyễn Thị Như Thủy	50,000	P.Cầm
5	Nguyễn Thị Dũng	50,000	P.Cầm
6	Huỳnh Thị A	100,000	P.Cầm
7	Nguyễn Thị Hương	100,000	P.Cầm
8	Nguyễn Thị Nhấn	50,000	P.Cầm
9	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	50,000	P.Cầm
10	Nguyễn Ngọc Phước	100,000	P.Cầm
11	G/d Nguyễn Thanh Đức	100,000	P.Cầm
12	Nguyễn Thị Liễu	40,000	P.Cầm
13	LS Thượng Anh Thanh	100,000	HD Trung Bảo
14	Phan Thị Lệ Hoa	100,000	La Ngà
15	Đinh Thị Khanh	150,000	La Ngà
16	Nguyễn thị Đông	50,000	La Ngà
17	Phạm Thị Chơn	50,000	Phước Chánh
18	Nguyễn Thị Tri	50,000	Phước Chánh
19	Nguyễn Đình Bằng	50,000	Phước Chánh
20	Vương Thị Ánh Tuyết	50,000	Phước Hưng
21	Lê Thị Trần	50,000	Phước Hưng
22	GL Đầu Họ Vương Công Trương	100,000	Cây Gáo
23	CTS Ngô Thanh Quang	100,000	Cây Gáo
24	LS Trịnh Thị Yến	50,000	
25	LS Trần Thị Tám - hồi hướng GL Thân Phụ, Thân Mẫu	500,000	
	Họ Đạo Trung Bửu	4,000,000	
1	Họ Đạo Trung Bửu	2,000,000	
2	LS Ngọc Từ Thanh	200,000	
3	Ngô Thị Dung	100,000	
4	Huỳnh Thị Kim Chung	100,000	
5	Phạm Thị Yến	100,000	
6	Trần Thị Mỹ Trang	200,000	
7	Trần Thị Mỹ Linh	100,000	
8	Phan Thị Khương	100,000	
9	Nguyễn Anh Thuận	100,000	
10	Lê Thị Kính	100,000	
11	Phùng Thanh Hồng	100,000	
12	Nguyễn Đức Năng	100,000	
13	LS Nguyễn Hương Vân	100,000	
14	Nguyễn Thị Chúc	100,000	
15	Lê Văn Thảo hồi hương công đức cho Mẹ Nguyễn Thị Sờ	500,000	
	Họ Đạo Trung Dương	2,200,000	
1	Họ Đạo Trung Dương	1,000,000	
2	CTS Huỳnh Thị Ký	500,000	
3	Gia đình Nguyễn Đình Truyền	300,000	
4	CTS Nguyễn T. Phương	200,000	
5	LS Lê Út	100,000	
6	PTS Nguyễn Phi Anh	100,000	
	Họ Đạo Trung Đồng	3,000,000	
1	Họ Đạo Trung Đồng	2,000,000	
2	CTS Tạ Thị Thơ hồi hướng hương linh Cha Mẹ	1,000,000	
	Họ Đạo Trung Nam	1,000,000	
1	Đạo tâm Lê Trọng Tín	1,000,000	
	Họ Đạo Trung Đức	1,000,000	
1	GDHD Trung Đức	500,000	
2	Hồi hướng GL Nguyễn T. Thê, Nguyễn T. Hiến, Nguyễn Thanh Hải	500,000	
	Họ Đạo Trung Mỹ (Duy Xuyên)	1,000,000	
1	LS Phạm Hương Ngộ	1,000,000	
	Họ Đạo Trung Mỹ II:	1,000,000	
1	Nguyễn Thị Phương Lan	1,000,000	

	Họ đạo Trung Hiền	7,660,000
1	Nguyễn Thị Lưu	200,000
2	Gia đình đ/tâm Văn Thị Hiệp	500,000
3	Võ Thị Lương hồi hướng Giác linh chồng Võ Quang Bình	500,000
4	Huỳnh Khả	200,000
5	Văn Thị Hiệp	500,000
6	Đỗ Thị Đạt + Đỗ T Thu Cúc hồi hướng GL cha Đỗ Hường	500,000
7	Nguyễn Thị Anh	260,000
8	Nguyễn Thị Ngọc Lan	5,000,000
	Họ Đạo Trung Hiệp	1,420,000
	Xã Đạo Hiệp Khánh	
1	Phan Anh Tú	50,000
2	Trần Thị Xuân	40,000
3	Nguyễn Thị Nhiều	100,000
4	Trần Thị Nghê	40,000
5	Phạm Thị Hương	100,000
6	Võ Thị Thán	100,000
7	Võ Thị Thanh	100,000
8	Phan Văn Duyên	50,000
9	Trần Thị Thanh Thủy	200,000
	Xã Đạo Hiệp Bình	
10	Nguyễn Thị Dung	40,000
11	Lê Thị Quyên	50,000
12	Nguyễn Trang	50,000
13	Phạm Thị Nở	50,000
14	Trương Thị Biều	50,000
	Xã Đạo Hiệp Hòa	
15	Huỳnh Văn Thông	100,000
16	Trương Văn Danh	100,000
	Xã Đạo Hiệp Quảng	100,000
17	Nguyễn Thị Lang	100,000
	Họ Đạo Trung Minh	9,000,000
1	Gia đình Trương Đình Chiến	2,100,000
2	Nguyễn Thị Hạc hồi hướng giác linh thân mẫu Trần Thị Chúc	100,000
3	Gia đình Mai Văn Triệu	1,000,000
4	Trần Thị Yến	100,000
5	Nguyễn Đình Tùng	100,000
6	Nguyễn Thanh Hà hồi hướng thân phụ CPS Chí Thành, thân mẫu GS Huỳnh Ân Thánh	1,000,000
7	Ngô Thị Ngọc Anh hồi hướng giác linh em Ngô Minh Trí	300,000
8	Lê Thị Bích Hồng	200,000
9	Mai Hậu	500,000
10	Phan Thị Tấn	500,000
11	Lê Hồ Phương Linh	100,000
12	Phan Thị Tấn	1,000,000
13	Trương Đình Chiến	500,000
14	Lê Thị Hồng Liên	500,000
15	Gia đình Phan Lê	500,000
16	Nguyễn Thị Sáu hồi hướng song thân	200,000

17	Lê Thị Bích Hồng	100,000
18	Lê Thị Hậu	200,000
	Họ Đạo Trung Thành	300,000
	Đạo tâm Trần Thị Thu Vân	300,000
	Họ Đạo Trung Quang Bình	2,720,000
1	Họ Đạo	
	Trung Quang Bình	1,000,000
2	LS ĐHD Thái Hộ Thanh	100,000
3	LS Hương Lệ	100,000
4	PTS Huỳnh Liên	100,000
5	Hành Thiện	
	Nguyễn Văn Hoan	100,000
6	PTS Phạm Phú Văn	50,000
7	PTS Nguyễn Thị Ngọc Dung	100,000
8	CTS Ngô Thị Thê	50,000
9	CTS Nguyễn Thị Triết	100,000
10	Lễ sanh Phan Văn Chi	100,000
11	CTS Thái Văn Trác	100,000
12	Thông Sự Hồ Thị Ân	50,000
13	TS Nguyễn Thị Quốc Anh	20,000
14	Đ/h Nguyễn Thị Hai	50,000
15	Đ/h Nguyễn Đình Hồ	100,000
16	PTS Nguyễn Quốc Huân	100,000
17	Đ/h Nguyễn Thị Thu Hạnh	500,000
	Họ Đạo Từ Quang	500,000
1	Giác linh Huỳnh Đình Bảo Nguyên	200,000
2	LS Thái Thái Thanh	200,000
3	Đỗ Thế Sơn	100,000
	Họ Đạo Từ Văn (Quảng Nam)	2,900,000
1	Họ Đạo Từ Văn (Quảng Nam)	2,000,000
2	Đạo tâm Đình Nhân	200,000
3	Đạo tâm Hứa Thanh Phương	200,000
4	Đạo tâm Mai Bé	500,000
	Họ đạo Từ Văn (Sài Gòn)	6,400,000
1	Huỳnh Lê Linh Thy	400,000
2	Nguyễn Thị Thanh Yến	100,000
3	Nguyễn Thị Phụng Võ	200,000
4	Minh Đức	500,000
5	Lê Thị Bạch Ẻn	100,000
6	Nguyễn Trương gia Bảo	300,000
7	LS. Thương Khôi Thanh	150,000
8	GD. Đặng Ngọc Hường	2,000,000
9	Nguyễn Trần Yên Ly	300,000
10	Trương Công Hoàn Vũ	100,000
11	Lê Thị Dung	200,000
12	GLGH Thương Càn Thanh	1,000,000
13	Nguyễn Văn Kha	300,000
14	Nguyễn Thế Nguyệt Quỳnh	500,000
15	Nguyễn Trần Vũ Tích	100,000
16	Trần Khải Hoàn	100,000
17	Võ Thị Hồng	50,000
	Các Họ Đạo khác	1,600,000
1	Trần Thế Mỹ	1,000,000
2	Huỳnh Văn Mến (TT Lộ Đò)	300,000
3	LS Ngọc Ngoạn Thanh	300,000
	TỔNG CỘNG	57,240,000